

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI



**QUY ĐỊNH
VỀ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH ĐẠT CHUẨN QUỐC TẾ**

Hà Nội, năm 2011

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT TIẾNG ANH	4
Chương I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
Điều 2. Mục tiêu xây dựng và phát triển ngành, chuyên ngành đạt chuẩn quốc tế.....	7
Điều 3. Sản phẩm xây dựng và phát triển ngành, chuyên ngành đạt chuẩn quốc tế	7
Điều 4. Phương hướng thực hiện.....	10
Chương II. CHỈ ĐẠO VÀ ĐIỀU HÀNH.....	10
Điều 5. Tổ chức bộ máy	10
Điều 6. Chức năng, nhiệm vụ của các cấp quản lý, điều hành Nhiệm vụ chiến lược	11
Chương III. XÂY DỰNG VÀ PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN THÀNH PHẦN	16
Điều 7. Cơ sở pháp lý và thực tiễn xây dựng và thực hiện đề án thành phần	16
Điều 8. Các yêu cầu xây dựng đề án thành phần.....	17
Điều 9. Các bước tiến hành xây dựng, thẩm định và phê duyệt đề án thành phần.....	17
Chương IV. ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC.....	20
Điều 10. Chương trình đào tạo	20
Điều 11. Tuyển sinh	22
Điều 12. Quy mô đào tạo.....	23
Điều 13. Ngôn ngữ giảng dạy và học tập	23
Điều 14. Mô hình tổ chức đào tạo	23
Điều 15. Trách nhiệm của các bên liên quan thực hiện mô hình tổ chức đào tạo (1+a) ...	23
Điều 16. Tổ chức giảng dạy tiếng Anh.....	29
Điều 17. Tổ chức giảng dạy chuyên môn bằng tiếng Anh	30
Điều 18. Giáo trình, tài liệu giảng dạy và học tập.....	31
Điều 19. Phương pháp giảng dạy và học tập.....	31
Điều 20. Nghiên cứu khoa học của sinh viên.....	32
Điều 21. Phương thức kiểm tra, đánh giá và chuyển đổi	33
Điều 22. Bằng tốt nghiệp.....	33
Chương V. ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC	34
Điều 23. Chương trình đào tạo	34
Điều 24. Tuyển sinh	35
Điều 25. Quy mô đào tạo.....	36
Điều 27. Tổ chức giảng dạy tiếng Anh.....	37

Điều 29. Giáo trình, tài liệu giảng dạy và học tập	38
Điều 30. Tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học	38
Điều 31. Phương thức kiểm tra, đánh giá và chuyển đổi	38
Điều 32. Bằng tốt nghiệp.....	39
Chương VI. HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	40
Điều 33. Nhiệm vụ của hoạt động khoa học và công nghệ thuộc đề án thành phần	40
Điều 34. Phương thức thực hiện.....	40
Điều 35. Bản quyền của các sản phẩm khoa học và công nghệ	42
Điều 36. Thành viên tham gia các hoạt động khoa học và công nghệ	42
Chương VII. NGƯỜI HỌC	43
Điều 37. Nghĩa vụ của người học.....	43
Điều 38. Quyền lợi của người học.....	44
Chương VIII. ĐỘI NGŨ CÁN BỘ.....	44
Điều 39. Yêu cầu phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý.....	44
Điều 40. Tiêu chuẩn của giảng viên, cán bộ quản lý cơ hữu.....	44
Điều 41. Quyền lợi và nghĩa vụ của giảng viên, cán bộ quản lý cơ hữu.....	46
Điều 42. Phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý.....	47
Điều 43. Thu hút các nhà khoa học giỏi.....	49
Điều 44. Môi trường làm việc và học tập, nghiên cứu khoa học	52
Chương IX. CƠ SỞ VẬT CHẤT	52
Điều 45. Hệ thống cơ sở vật chất dùng chung.....	52
Điều 46. Xây dựng các giảng đường, phòng học chuẩn.....	53
Điều 47. Hệ thống thông tin, thư viện	53
Điều 48. Cơ sở dữ liệu về Nhiệm vụ chiến lược	54
Điều 49. Cơ sở vật chất cho các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ	54
Điều 50. Cơ sở vật chất cho các ngành khoa học xã hội và nhân văn.....	55
Điều 51. Các trung tâm giao lưu quốc tế và hệ thống câu lạc bộ sinh viên	55
Chương X. LIÊN KẾT VÀ HỢP TÁC	56
Điều 52. Nội dung liên kết và hợp tác	56
Điều 53. Triển khai liên kết và hợp tác	56
Chương XI. TÀI CHÍNH	57
Điều 54. Nguồn kinh phí	57
Điều 55. Căn cứ, nguyên tắc và phân bổ kinh phí.....	57
Điều 56. Các định mức chi cụ thể	61

Điều 57. Sử dụng kinh phí.....	62
Chương XII. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH ĐẠT CHUẨN QUỐC TẾ	66
Điều 58. Đánh giá mức độ đạt chuẩn quốc tế của ngành, chuyên ngành.....	66
Điều 59. Duy trì hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ của các ngành, chuyên ngành đã đạt chuẩn quốc tế	66
Chương XIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	67
Điều 61. Tổ chức thực hiện	67
Điều 62. Điều khoản thi hành.....	69
PHỤ LỤC 1. Tiêu chí của ngành, chuyên ngành cận kề chuẩn quốc tế.....	71
PHỤ LỤC 2. Mẫu đề xuất đề án thành phần.....	78
PHỤ LỤC 3. Mẫu đề án thành phần	80
PHỤ LỤC 4. Mẫu báo cáo kết quả triển khai Nhiệm vụ chiến lược theo sản phẩm đầu ra của các đề án thành phần.....	97

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT TIẾNG ANH

AACSB	:	Association to Advance Collegiate Schools of Business Hiệp hội đánh giá các trường kinh doanh
ABET	:	Accreditation Board for Engineering and Technology Hội đồng kiểm định ngành xây dựng và công nghệ
CDIO	:	Conceive - Design - Implement - Operate Hình thành ý tưởng - thiết kế ý tưởng - thực hiện - vận hành
COE	:	Center of Excellence Trung tâm xuất sắc
IELTS	:	International English Language Testing System Hệ thống kiểm tra tiếng Anh quốc tế
ISI	:	Institute of Scientific Information Viện Thông tin Khoa học
ISO	:	International Organization for Standardization Tổ chức Quốc tế về Tiêu chuẩn hóa
KFAS	:	Korea Foundation for Advanced Studies Quỹ Hàn Quốc về Nghiên cứu Nâng cao
NAFOSTED	:	National Foundation for Science and Technology Development Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia
QS	:	Quacquarelli Symonds Tên một tổ chức xếp hạng các trường đại học có uy tín trên thế giới
SCORM	:	Sharable Content Object Reference Model Loại chuẩn phổ biến của học liệu điện tử
THES	:	Times Higher Education Supplement Phụ trương Giáo dục Đại học của tờ Nhật báo “Thời Đại”
TRIG	:	Teaching and Research Improvement Grant Tài trợ nâng cao năng lực giảng dạy và nghiên cứu
VEF	:	Vietnam Education Foundation Quỹ giáo dục Việt Nam

QUY ĐỊNH
VỀ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH ĐẠT CHUẨN QUỐC TẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3599/QĐ-ĐHQGHN ngày 05 tháng 12 năm 2011
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

Xây dựng và phát triển ngành, chuyên ngành ở Đại học Quốc gia Hà Nội đạt chuẩn quốc tế là nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược phát triển Đại học Quốc gia Hà Nội đến 2020 và tầm nhìn 2030 (gọi tắt là Nhiệm vụ chiến lược), phù hợp với sứ mệnh của Đại học Quốc gia Hà Nội là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài, sáng tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ đỉnh cao, chuyển giao tri thức, đóng vai trò nòng cốt và tiên phong trong đổi mới hệ thống giáo dục đại học Việt Nam, cũng như tầm nhìn của Đại học Quốc gia Hà Nội là trở thành trung tâm đại học nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực trong nhóm 200 đại học hàng đầu Châu Á vào năm 2015, vươn lên nhóm 200 đại học tiên tiến của thế giới vào năm 2020. Văn bản này quy định về xây dựng và phát triển ngành, chuyên ngành đạt chuẩn quốc tế (gọi tắt là Quy định Nhiệm vụ chiến lược).

Chương I
NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. *Xây dựng và phát triển ngành, chuyên ngành đạt chuẩn quốc tế* là giải pháp tập trung đầu tư triển khai đồng bộ các hoạt động phát triển điều kiện đảm bảo chất lượng bao gồm đội ngũ cán bộ, hệ thống chương trình, giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, hệ thống cơ chế, tổ chức, quản trị đại học, cơ sở dữ liệu, liên kết, hợp tác với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và các điều kiện khác đạt chuẩn quốc tế nhằm đạt các mục tiêu và sản phẩm nêu ở Điều 2 và Điều 3 của Quy định này, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế của đất nước.

2. *Ngành, chuyên ngành cận kề chuẩn quốc tế* là những ngành, chuyên ngành thuộc các lĩnh vực khoa học cơ bản, công nghệ cao, kinh tế - xã hội mũi nhọn, ngoại ngữ đáp ứng các yêu cầu sau đây (chi tiết tại Phụ lục 1):

a) Có đội ngũ giảng viên trình độ cao (có học vị từ tiến sĩ trở lên), có thể giảng dạy được chuyên môn bằng ngoại ngữ, đã từng giảng dạy hoặc được đào tạo đại học, sau đại học, bồi dưỡng ở các trường đại học có uy tín trên thế giới;

b) Có kết quả nghiên cứu khoa học đạt trình độ khu vực và quốc tế;

c) Có những điều kiện cơ bản và tiên đề để phát triển đạt chuẩn quốc tế như:

- Đã thực hiện chương trình đào tạo tài năng, chương trình đào tạo tiên tiến, chương trình đào tạo chất lượng cao hoặc có khả năng liên kết, hợp tác quốc tế có hiệu quả, đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng;

- Có khả năng mở rộng hợp tác và huy động được nhiều nguồn lực khác nhau;

- Đội ngũ giảng viên, cán bộ lãnh đạo, quản lý, phục vụ, người học có cam kết đồng thuận, trách nhiệm cao và quyết tâm thực hiện Nhiệm vụ chiến lược để phát triển ngành, chuyên ngành và đơn vị đạt chuẩn quốc tế cũng như thực hiện đúng Quy định này.

3. *Đề án thành phần* là đề án xây dựng và phát triển ngành, chuyên ngành đạt chuẩn quốc tế do đơn vị lập, được Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt thực hiện theo Quy định này hoặc các quy định trước đây không trái với Quy định này và còn hiệu lực thực hiện.

4. *Chương trình đạt chuẩn quốc tế* là chương trình đào tạo đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Đạt mức độ cao nhất theo các tiêu chí kiểm định chất lượng của Đại học Quốc gia Hà Nội;

b) Được xây dựng dựa vào chương trình đào tạo của các trường đại học tiên tiến, có uy tín cao trên thế giới (thuộc nhóm 200 trường đại học hàng đầu trên thế giới, theo xếp hạng của THES, QS hoặc tương đương), đã được kiểm định quốc tế bởi một tổ chức kiểm định có uy tín trên thế giới (như kiểm định ABET đối với các ngành/chuyên ngành xây dựng và công nghệ, AACSB đối với các ngành/chuyên ngành quản trị và các loại tương tự đối với các ngành, chuyên ngành khác) và được bổ sung các môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Bộ liên quan và Đại học Quốc gia Hà Nội, phù hợp với khả năng, điều kiện của Đại học Quốc gia Hà Nội và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước;

Chương trình đào tạo tài năng, chương trình đào tạo tiên tiến, chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình đào tạo theo Đề án 165 do Ban Tổ chức Trung ương chủ trì và các chương trình khác của Nhà nước được bổ sung, điều chỉnh phù hợp với yêu cầu của Nhiệm vụ chiến lược và các yêu cầu nói trên cũng được coi là chương trình đạt chuẩn quốc tế.

5. *Trường đại học đối tác* là trường đại học nước ngoài được đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế lựa chọn để hợp tác, liên kết đào tạo hoặc tham khảo xây dựng chương trình đào tạo, hợp tác nghiên cứu và đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Có trình độ và uy tín quốc tế cao, được xếp hạng năm gần nhất vào nhóm 200 trường đại học hàng đầu trên thế giới, theo THES, QS hoặc các tổ chức xếp hạng có uy tín tương đương;

b) Có các ngành, chuyên ngành tương ứng có chất lượng cao, được kiểm định bởi các tổ chức kiểm định có uy tín trên thế giới theo khoản 4, Điều 2 Quy định này;

c) Có đội ngũ chuyên gia có thể tư vấn xây dựng chương trình đào tạo và tham gia giảng dạy, nghiên cứu các nội dung khoa học của ngành, chuyên ngành tại đơn vị;

d) Đã có quan hệ hợp tác hoặc sẵn sàng hợp tác với đơn vị.

6. *Đơn vị tham gia giảng dạy chương trình đạt chuẩn quốc tế* là đơn vị được giao nhiệm vụ giảng dạy các môn học trong chương trình đạt chuẩn quốc tế.

7. *Người học thuộc Nhiệm vụ chiến lược* bao gồm sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh đang học tại chương trình đạt chuẩn quốc tế theo các đề án thành phần.

Điều 2. Mục tiêu xây dựng và phát triển ngành, chuyên ngành đạt chuẩn quốc tế

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng và phát triển ngành, chuyên ngành đạt chuẩn quốc tế nhằm tạo tiền đề và điều kiện để phát triển bộ môn, khoa, trường đại học thành viên và Đại học Quốc gia Hà Nội đạt chuẩn quốc tế, nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao tri thức và sức cạnh tranh, thương hiệu của Đại học Quốc gia Hà Nội, góp phần đổi mới cơ bản giáo dục đại học Việt Nam.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Xây dựng và phát triển điều kiện đảm bảo chất lượng đạt chuẩn quốc tế, bao gồm:

- Đội ngũ giảng viên, cán bộ nghiên cứu, quản lý, phục vụ (sau đây gọi tắt là đội ngũ cán bộ);

- Nội dung chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu tham khảo, phương pháp giảng dạy và học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá;

- Hệ thống tổ chức và quản trị đại học tiên tiến, gắn kết chặt chẽ đào tạo và nghiên cứu khoa học, chuyển giao tri thức; môi trường làm việc, học tập, nghiên cứu, giảng dạy;

- Hệ thống cơ sở dữ liệu về Nhiệm vụ chiến lược;

- Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao tri thức.

b) Cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực (các cử nhân, kỹ sư, thạc sĩ và tiến sĩ) chất lượng cao về mọi mặt, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và thị trường lao động quốc tế;

c) Nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động khoa học và công nghệ để có các sản phẩm khoa học và công nghệ đạt trình độ quốc tế, tiêu biểu của quốc gia, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước;

d) Phát triển liên kết, hợp tác, thu hút các nguồn lực để xây dựng bộ môn, khoa, trường và Đại học Quốc gia Hà Nội từng bước đạt chuẩn quốc tế, thu hút các nhà khoa học và sinh viên quốc tế xuất sắc đến học tập, nghiên cứu và làm việc.

e) Các mục tiêu cụ thể khác của từng đề án thành phần.

Điều 3. Sản phẩm xây dựng và phát triển ngành, chuyên ngành đạt chuẩn quốc tế

1. Nhóm sản phẩm về điều kiện đảm bảo chất lượng

a) Đội ngũ các nhà khoa học, giảng viên có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ cao, có khả năng giảng dạy tốt chuyên môn bằng ngoại ngữ, có phương pháp giảng dạy, nghiên cứu khoa học tiên tiến; đội ngũ cán bộ quản lý giỏi chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ và năng

lực, kiến thức, kỹ năng đạt chuẩn quốc tế và khả năng hợp tác bình đẳng với các đồng nghiệp của các trường đại học tiên tiến trên thế giới. Trong đó:

- Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên: 100%;
- Tỷ lệ sinh viên (kể cả học viên cao học, nghiên cứu sinh) trên giảng viên: tối đa là 12/1;
- Tỷ lệ giảng viên có thể giảng dạy chuyên môn bằng tiếng Anh: 100%;
- Tỷ lệ giảng viên là giáo sư và phó giáo sư: tối thiểu 30%.

b) Hệ thống chương trình đào tạo được kiểm định khu vực và quốc tế, giáo trình, cơ sở học liệu (kể cả phần mềm, nếu có), tài liệu tham khảo ở dạng in và số hóa đạt chuẩn của trường đại học đối tác.

c) Cơ sở vật chất được đầu tư, nâng cấp phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học, chuyển giao tri thức đạt chuẩn của trường đại học đối tác:

- Phòng học, phòng thí nghiệm thực hành;
- Các phòng thí nghiệm, thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học, chuyển giao tri thức;
- Mạng internet và intranet kết nối với phòng làm việc, phòng thí nghiệm của cán bộ và các địa điểm học tập, nơi ở của người học; công tác quản lý và tổ chức đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao tri thức được tin học hóa, thực hiện các giao dịch hành chính trực tuyến;
- Tài nguyên số công bố và xuất bản trên cổng thông tin của Đại học Quốc gia Hà Nội và đơn vị: tối thiểu 05 tài liệu/giảng viên/năm;

- Mức độ đầu tư cho thư viện: 01 thư mục/người học/năm.

d) Hệ thống tổ chức, cơ chế, phương pháp quản trị đại học tiên tiến:

- Quản trị theo sản phẩm đầu ra;
- Quản lý đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ, quản trị nguồn nhân lực, quản trị tài chính, phương pháp giảng dạy và học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá và hệ thống tổ chức đào tạo, nghiên cứu khoa học, quản lý, phục vụ đạt chuẩn của các trường đại học tiên tiến có uy tín cao trên thế giới và theo chuẩn ISO, phù hợp với Việt Nam;
- Môi trường học thuật, làm việc đồng thuận, thân thiện, tôn trọng, tin cậy, trách nhiệm cao thúc đẩy sáng tạo, đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả mọi hoạt động;

- Hệ thống tổ chức đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao tri thức và quản lý.

e) Hệ thống cơ sở dữ liệu của Nhiệm vụ chiến lược bao gồm hệ thống văn bản quản lý, điều hành, kết quả thực hiện, các thông tin, báo cáo, các sản phẩm khác ở dạng in và số hóa theo định dạng chuẩn do Đại học Quốc gia Hà Nội quy định.

2. Sản phẩm đào tạo

a) Các cử nhân, kỹ sư, thạc sĩ và tiến sĩ có đạo đức tốt, có tầm nhìn và trình độ chuyên môn cao, có năng lực và kỹ năng làm việc chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và thị trường lao động quốc tế. Trong đó:

- Có năng lực và trình độ chuyên môn cao (thể hiện thông qua kết quả học tập và nghiên cứu);
- Chuẩn tiếng Anh đạt tương đương 6,0 IELTS;

- Tỷ lệ người học nhận được học bổng để tiếp tục học tập ở nước ngoài hoặc làm việc ở các cơ quan, cơ sở sản xuất có uy tín trong và ngoài nước ngay sau khi tốt nghiệp đạt trên 25%.

b) Các sản phẩm xuất khẩu dịch vụ đào tạo về khoa học cơ bản đến các nước trong khu vực và trên thế giới.

3. Sản phẩm hoạt động khoa học và công nghệ

Các sản phẩm khoa học và công nghệ về các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, kinh tế và ngoại ngữ, công nghệ đạt trình độ quốc tế, tiêu biểu của quốc gia bao gồm các phát minh, sáng chế, phát hiện mới, dữ liệu mới, thông tin mới, giải pháp mới, đề xuất mới đủ điều kiện để được đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế và các tạp chí chuyên ngành trong nước có uy tín; các giải thưởng khoa học và công nghệ; sách chuyên khảo có giá trị; những sản phẩm khoa học và công nghệ cụ thể hoặc kết quả nghiên cứu được áp dụng vào thực tiễn, các hợp đồng nghiên cứu, triển khai; luận văn, luận án được thực hiện trong khuôn khổ đề tài; tài liệu và kết quả nghiên cứu từ đề tài được chuyển thành tài liệu giảng dạy và tài liệu tham khảo khác. Trong đó:

a) Số bài báo đăng trên tạp chí khoa học ISI: 01/công trình/cán bộ khoa học/năm (riêng đối với lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: 02/công trình/ngành hoặc chuyên ngành/năm);

b) Số lần được trích dẫn: 01/công trình/năm;

c) Số các nhà khoa học có báo cáo mời, thuyết trình tại các hội nghị khoa học quốc tế: ít nhất 01/chuyên ngành/năm;

d) Số sách chuyên khảo: 01/chuyên ngành/năm (trong đó có 01 /chuyên ngành/5 năm xuất bản bằng tiếng nước ngoài);

e) Số bằng phát minh sáng chế, giải thưởng khoa học và công nghệ (hoặc số lượng các sản phẩm khoa học và công nghệ tiêu biểu, tư vấn hoạch định chính sách, giải pháp hữu ích): 01/ ngành hoặc chuyên ngành/năm;

f) Số chương trình, đề tài khoa học và công nghệ hợp tác với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và địa phương: 01/ ngành hoặc chuyên ngành/3 năm.

4. Các sản phẩm liên kết và hợp tác

Hợp tác hiệu quả trong nước và quốc tế, đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển ngành, chuyên ngành và từng đơn vị đạt chuẩn quốc tế; các nhà khoa học và các sinh viên quốc tế xuất sắc đến học tập, nghiên cứu và làm việc; các nguồn lực tài chính tăng thêm để tiếp tục phát triển bền vững Nhiệm vụ chiến lược. Trong đó:

a) Tỷ lệ giảng viên quốc tế: 10%;

b) Tỷ lệ sinh viên (kể cả học viên cao học, nghiên cứu sinh) quốc tế: 05%;

c) Tỷ lệ giảng viên đi trao đổi nước ngoài: 25%;

d) Tỷ lệ sinh viên đi trao đổi nước ngoài: 10%;

e) Số lượng các chương trình, đề tài hợp tác với các trường đại học nước ngoài trong nhóm 500 trường đại học hàng đầu thế giới: 01/ ngành hoặc chuyên ngành/3 năm;

f) Số học giả quốc tế đánh giá và thừa nhận: tối thiểu 03/chuyên ngành/lần khảo sát của tổ chức xếp hạng đại học quốc tế.

g) Đánh giá và thừa nhận của các nhà tuyển dụng trong nước và quốc tế: 03/chuyên ngành/lần khảo sát của tổ chức xếp hạng đại học quốc tế.

5. Các sản phẩm khác theo đặc thù các đề án thành phần.

Điều 4. Phương hướng thực hiện

1. Ưu tiên phát triển trước các điều kiện đảm bảo chất lượng, tiếp tục đẩy mạnh phát triển ngành, chuyên ngành đạt chuẩn quốc tế, làm tiền đề để xây dựng và phát triển nhóm ngành, bộ môn, khoa, trường đại học thành viên đạt chuẩn khu vực và quốc tế, từng bước xây dựng và phát triển Đại học Quốc gia Hà Nội đạt chuẩn của nhóm 200 các đại học tiên tiến Châu Á vào năm 2015 và vươn tới nhóm 200 các đại học tiên tiến của thế giới vào năm 2020, góp phần nâng cao uy tín của giáo dục đại học Việt Nam, đáp ứng tốt hơn và nhanh hơn yêu cầu phát triển đất nước.

2. Phát triển tầm nhìn, phẩm chất, năng lực, kiến thức, kỹ năng cần thiết cho cả người dạy, người học thông qua công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao tri thức.

3. Triển khai đồng bộ các giải pháp hiệu quả về công tác tư tưởng, thể chế, chính sách, chỉ đạo và quản lý, điều hành, kế hoạch, tài chính, liên thông, liên kết và hợp tác trong và ngoài nước để tạo ra các giá trị gia tăng, phát triển và sử dụng hiệu quả các nguồn lực và nhằm đạt mục tiêu, sản phẩm của Nhiệm vụ chiến lược.

4. Triển khai các giải pháp đột phá phù hợp với quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị và của Đại học Quốc gia Hà Nội, trong đó ưu tiên đầu tư và gắn việc phát triển đội ngũ cán bộ đạt chuẩn quốc tế với việc xây dựng trường phái khoa học, nhóm nghiên cứu mạnh, trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm theo mô hình trung tâm xuất sắc, đào tạo chất lượng cao, nghiên cứu khoa học đỉnh cao, đổi mới quản trị đại học.

5. Giai đoạn đầu, Nhiệm vụ chiến lược được thực hiện thông qua các đề án thành phần để đạt được kết quả, sản phẩm, chất lượng, theo đúng tiến độ và xác lập quy trình công nghệ nhằm phát triển bền vững ở giai đoạn tiếp theo.

6. Phát triển, tích hợp, sử dụng hiệu quả các nguồn lực khác nhau (từ các dự án TRIG, 165, 911 và các đề tài, dự án, đề án hợp tác trong và ngoài nước khác) để thực hiện và đảm bảo tính bền vững của Nhiệm vụ chiến lược.

Chương II

CHỈ ĐẠO VÀ ĐIỀU HÀNH

Điều 5. Tổ chức bộ máy

Quản lý, điều hành Nhiệm vụ chiến lược ở Đại học Quốc gia Hà Nội gồm 2 cấp:

1. Cấp Đại học Quốc gia Hà Nội bao gồm Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược và Văn phòng Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược do Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định thành lập.

2. Cấp đơn vị gồm Ban điều hành Nhiệm vụ chiến lược tại đơn vị, các Giám đốc đề án thành phần do Thủ trưởng đơn vị quyết định thành lập và báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội (qua Văn phòng Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược).

Các thành viên trong bộ phận quản lý, điều hành các cấp thực hiện chế độ làm việc và được hưởng phụ cấp trách nhiệm theo quy định hiện hành của Đại học Quốc gia Hà Nội, theo Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị (nhưng không thấp hơn quy định hiện hành của Đại học Quốc gia Hà Nội).

Điều 6. Chức năng, nhiệm vụ của các cấp quản lý, điều hành Nhiệm vụ chiến lược

1. Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược

Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược chịu trách nhiệm cao nhất của Đại học Quốc gia Hà Nội về Nhiệm vụ chiến lược, hoạt động theo chế độ thủ trưởng.

a) Thành phần

- Trưởng Ban là Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

- Các Phó Trưởng Ban, trong đó có 01 Phó Trưởng Ban thường trực bao gồm một số Phó Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

- Các ủy viên bao gồm đại diện lãnh đạo Văn phòng, một số Ban chức năng của Đại học Quốc gia Hà Nội và Thủ trưởng các đơn vị có đề án thành phần;

- Một số chuyên gia tư vấn trong và ngoài Đại học Quốc gia Hà Nội do Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội mời.

b) Chức năng và nhiệm vụ

- Ban hành kế hoạch, các quy định, hướng dẫn về Nhiệm vụ chiến lược;

- Phê duyệt các đề án thành phần, phân bổ và theo dõi việc sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí khác, tạo điều kiện và hỗ trợ các đơn vị có đề án thành phần triển khai thực hiện tốt đề án thành phần;

- Đề xuất với Chính phủ về chính sách, cơ chế, nguồn lực và giải pháp cần thiết để đảm bảo thực hiện Nhiệm vụ chiến lược đạt hiệu quả, chất lượng và đúng tiến độ;

- Liên hệ với các bộ, ban, ngành, địa phương và các tổ chức chính trị xã hội, các cơ sở giáo dục đào tạo, nghiên cứu khoa học, doanh nghiệp hỗ trợ triển khai Nhiệm vụ chiến lược;

- Chỉ đạo việc chuyển giao từng phần và toàn bộ kết quả, sản phẩm của các đề án thành phần cho các bộ, ban, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị xã hội, các cơ sở giáo dục đào tạo, nghiên cứu khoa học, doanh nghiệp và cơ sở sản xuất;

- Định kỳ đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Nhiệm vụ chiến lược, báo cáo với Chính phủ, các bộ, ban, ngành có liên quan.

c) Chế độ làm việc và quan hệ công tác

- Nguyên tắc làm việc

+ Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

+ Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ; tập thể thảo luận; Trưởng ban kết luận và chỉ đạo thực hiện.

- Chế độ làm việc

+ Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược làm việc theo chương trình từng năm học, có điều chỉnh khi cần thiết;

+ Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược họp thường kỳ 3 tháng một lần, họp bất thường khi cần thiết;

+ Kết quả các phiên họp của Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược phải được thể hiện bằng văn bản và thông báo đến các đơn vị có liên quan để thực hiện .

- Quan hệ công tác

+ Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, nắm tình hình triển khai thực hiện Nhiệm vụ chiến lược và các đề án thành phần. Trường hợp cần thiết, Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược làm việc trực tiếp với Thủ trưởng đơn vị có liên quan, Giám đốc đề án thành phần để giải quyết công việc;

+ Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược trao đổi thông tin cần thiết với các đơn vị liên quan; mời đại diện các đơn vị, tổ chức đoàn thể quần chúng tham dự các hội nghị có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược.

- Chế độ báo cáo

+ Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban chức năng của Đại học Quốc gia Hà Nội, Thủ trưởng các đơn vị có đề án thành phần, Giám đốc đề án thành phần định kỳ hàng tháng báo cáo Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược về tình hình và kết quả thực hiện đề án thành phần; gửi báo cáo về Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược (qua Văn phòng Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược) theo quy định của Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược;

+ Định kỳ hàng tháng, các ủy viên Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược có trách nhiệm báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công với Trưởng Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược.

2. Văn phòng Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược

Văn phòng Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược là đầu mối tham mưu, giúp việc hàng ngày, quản lý và triển khai các chỉ đạo của Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược, Ban Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về thực hiện Nhiệm vụ chiến lược trong toàn Đại học Quốc gia Hà Nội.

a) Thành phần

- Chánh văn phòng là 01 lãnh đạo Ban Kế hoạch tài chính;

- Tổ Thư ký bao gồm một số chuyên viên các ban chức năng và chuyên gia (trong đó có 01 thư ký thường trực).

b) Nhiệm vụ

- Làm đầu mối phối hợp với Văn phòng và các Ban chức năng của Đại học Quốc gia Hà Nội và các đơn vị để triển khai Nhiệm vụ chiến lược;

- Tham mưu, giúp việc Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược trong việc xây dựng và ban hành các quy định, hướng dẫn, chính sách để triển khai Nhiệm vụ chiến lược trong toàn Đại học Quốc gia Hà Nội;

- Truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược, hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nhiệm vụ chiến lược;

- Định kỳ tổng hợp thông tin về tình hình triển khai, kết quả thực hiện Nhiệm vụ chiến lược để báo cáo với Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược (theo mẫu Phụ lục 4);

- Tư vấn, hỗ trợ và hướng dẫn các đơn vị trong quá trình xây dựng và triển khai đề án thành phần, bao gồm cả việc hỗ trợ và hướng dẫn việc sử dụng nguồn lực dùng chung thuộc Nhiệm vụ chiến lược;

- Đề nghị Văn phòng, các Ban chức năng và các đơn vị liên quan cung cấp thông tin, báo cáo theo yêu cầu (theo mẫu Phụ lục 4); xử lý các kết quả thống kê; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, phân hồi ý kiến đánh giá các báo cáo về các đơn vị nhằm phục vụ tốt công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành Nhiệm vụ chiến lược ở Đại học Quốc gia Hà Nội;

- Chịu trách nhiệm quản lý, theo dõi tình hình sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo nội dung các hoạt động thuộc Nhiệm vụ chiến lược trên cơ sở dự toán hàng năm được giao;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác trong khuôn khổ Nhiệm vụ chiến lược do Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội giao.

c) Quyền hạn của Chánh Văn phòng Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược

- Là đầu mối phối hợp với lãnh đạo Văn phòng và các Ban chức năng của Đại học Quốc gia Hà Nội và các đơn vị để triển khai Nhiệm vụ chiến lược;

- Xây dựng và trình Trưởng Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược phê duyệt các kế hoạch về Nhiệm vụ chiến lược trong toàn Đại học Quốc gia Hà Nội;

- Điều phối chung việc triển khai Nhiệm vụ chiến lược và các đề án thành phần trong toàn Đại học Quốc gia Hà Nội theo kế hoạch được phê duyệt;

- Kiểm soát việc sử dụng kinh phí Nhiệm vụ chiến lược theo kế hoạch được phê duyệt;

- Đề xuất với Trưởng Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược về việc thay đổi, bổ sung hoạt động của Nhiệm vụ chiến lược trong toàn Đại học Quốc gia Hà Nội;

- Làm việc trực tiếp với Ban điều hành Nhiệm vụ chiến lược tại các đơn vị và các Giám đốc đề án thành phần trong việc triển khai, thực hiện Nhiệm vụ chiến lược;

- Điều động các thành viên tổ thư ký Nhiệm vụ chiến lược trong việc tư vấn, hỗ trợ, hướng dẫn các đơn vị triển khai Nhiệm vụ chiến lược trong toàn Đại học Quốc gia Hà Nội.

3. Ban điều hành Nhiệm vụ chiến lược tại đơn vị

Ban điều hành Nhiệm vụ chiến lược tại đơn vị (gọi tắt là Ban điều hành Nhiệm vụ chiến lược) chịu trách nhiệm cao nhất tại đơn vị, tổ chức và hoạt động theo chế độ thủ trưởng, chịu trách nhiệm toàn diện đối với mọi hoạt động của các đề án thành phần tại đơn vị.

a) Thành phần

- Trưởng Ban là Thủ trưởng đơn vị;

- Các Phó Trưởng Ban, trong đó có 01 Phó Trưởng Ban thường trực bao gồm một số Phó Thủ trưởng đơn vị;

- Các ủy viên bao gồm các chủ nhiệm khoa/bộ môn có đề án thành phần, các Giám đốc đề án thành phần, một số lãnh đạo các phòng/bộ phận chức năng của đơn vị;

- Một số chuyên gia tư vấn ở trong và ngoài đơn vị.

b) Nhiệm vụ và quyền hạn

- Liên hệ với trường đại học đối tác, các cá nhân và tập thể có liên quan để ký kết các thoả thuận hợp tác, hợp đồng theo yêu cầu của đề án thành phần và đề nghị của Giám đốc đề án thành phần; điều phối và chỉ đạo Giám đốc đề án thành phần xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động của đề án thành phần theo đúng quy định để đạt mục tiêu, sản phẩm của đề án thành phần;

- Xây dựng kế hoạch tổ chức tuyển sinh đảm bảo đúng quy chế và các quy định hiện hành và chọn được người học tốt nhất trong điều kiện hiện có, đảm bảo chất lượng;

- Điều phối và chỉ đạo các phòng ban chức năng, trong khuôn khổ chức năng, nhiệm vụ của mình, phối hợp với Giám đốc đề án thành phần thực hiện các kế hoạch nhiệm vụ do Giám đốc đề án thành phần xây dựng và đã được Ban điều hành Nhiệm vụ chiến lược thông qua;

- Định hướng phát triển bền vững đối với các ngành, chuyên ngành thuộc đề án thành phần, thoả thuận với trường đại học đối tác về việc công nhận tương đương văn bằng; công nhận và chuyển đổi tín chỉ; trao đổi sinh viên, giảng viên, tạo các nguồn thu nhằm duy trì hoạt động của ngành/chuyên ngành ở trình độ cao;

- Quản lý, sử dụng hợp lý, có hiệu quả, đúng mục đích kinh phí được phân bổ cho các đề án thành phần của đơn vị từ ngân sách nhà nước và các nguồn khác. Theo dõi, kiểm tra, giám sát và tổ chức nghiệm thu, thanh quyết toán các hợp đồng đã ký kết;

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan hữu quan, các tổ chức chính trị, xã hội, các cơ sở khoa học, giáo dục đào tạo, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trong và ngoài nước, chính quyền các địa phương nhằm thực hiện tốt đề án thành phần. Khai thác tốt các nguồn lực từ bên ngoài đảm bảo hoạt động tự chủ kinh phí ngoài nguồn Ngân sách nhà nước cho hoạt động của ngành và chuyên ngành trong và sau đầu tư kiểu dự án;

- Định kỳ 3 tháng và cuối năm học hoặc đột xuất cung cấp thông tin, cập nhật cơ sở dữ liệu của Nhiệm vụ chiến lược, báo cáo với Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược thông qua Văn phòng Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược về kết quả hoạt động, các khó khăn, vướng mắc, tình hình sử dụng các nguồn tài chính và kiến nghị, đề xuất để hoạt động của đề án thành phần có hiệu quả và đúng tiến độ (báo cáo được xây dựng theo mẫu Phụ lục 4);

- Định kỳ hàng năm tổ chức đánh giá đề án thành phần theo qui định của Đại học Quốc gia Hà Nội, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tiếp tục phát triển đề án thành phần một cách bền vững và hiệu quả.

4. Giám đốc đề án thành phần

Giám đốc đề án thành phần trực tiếp quản lý, điều hành đề án thành phần thông qua cơ chế phối hợp và chịu trách nhiệm chính về kế hoạch, tổ chức và chất lượng thực hiện đề án thành phần trước Ban điều hành Nhiệm vụ chiến lược.

a) Tiêu chuẩn

- Giám đốc đề án thành phần là chủ nhiệm khoa (đối với đề án thành phần thuộc trường đại học, khoa trực thuộc) hoặc là viện trưởng (đối với đề án thành phần thuộc viện nghiên cứu);

- Sử dụng tiếng Anh thành thạo trong quản lý, điều hành;

- Có cam kết đồng thuận, trách nhiệm cao và quyết tâm thực hiện đề án thành phần.

b) Nhiệm vụ

- Xây dựng và đề xuất với Ban điều hành Nhiệm vụ chiến lược kế hoạch thực hiện các nội dung của đề án thành phần;

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và quán triệt toàn diện về Nhiệm vụ chiến lược, đề án thành phần đến cán bộ và người học để tạo sự đồng thuận, trách nhiệm cao và quyết tâm cao, thực hiện Nhiệm vụ chiến lược, đề án thành phần;

- Tổ chức thực hiện các nội dung của đề án thành phần ở đơn vị theo kế hoạch đã được Ban điều hành Nhiệm vụ chiến lược thông qua;

- Tìm kiếm nguồn lực, kể cả các nguồn tài trợ, tổ chức các hoạt động tạo nguồn kinh phí phục vụ đề án thành phần;

- Tổ chức khảo sát và nắm vững tình hình tốt nghiệp và việc làm của người học sau khi tốt nghiệp;

- Theo dõi, thống kê, cập nhật số liệu về tình hình và kết quả hoạt động của đề án thành phần;

- Xây dựng các báo cáo, cung cấp thông tin về thực hiện đề án thành phần theo yêu cầu của Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược và Ban điều hành Nhiệm vụ chiến lược (báo cáo xây dựng theo mẫu Phụ lục 4);

- Thực hiện các công việc khác theo yêu cầu của Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược và Ban điều hành Nhiệm vụ chiến lược.

c) Quyền hạn

- Được cung cấp đầy đủ các thông tin về đề án thành phần (gồm đề án thành phần được phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh, các văn bản chỉ đạo, phân bổ kinh phí, hướng dẫn thực hiện đề án thành phần của Đại học Quốc gia Hà Nội, các báo cáo tình hình, tiến độ thực hiện đề án thành phần và các thông tin liên quan khác);

- Có quyền chủ động đề xuất kế hoạch hoặc điều chỉnh kế hoạch thực hiện đề án thành phần hàng năm để Ban điều hành Nhiệm vụ chiến lược xem xét, quyết định;

- Có quyền điều động, phân công cán bộ của khoa mình và đề xuất phân công các cán bộ của đơn vị khác tham gia triển khai đề án thành phần, tùy theo trình độ và khả năng tham gia

thực hiện các công việc liên quan đến nội dung của đề án thành phần (quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, đào tạo bồi dưỡng cán bộ và các hoạt động liên quan khác);

- Làm việc trực tiếp với Trưởng ban hoặc Phó Trưởng Ban điều hành Nhiệm vụ chiến lược để giải quyết các công việc cấp thiết liên quan đến việc thực hiện các nội dung của đề án thành phần;

- Phối hợp với các phòng ban chức năng để triển khai thực hiện các nội dung của đề án thành phần liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của các phòng, bộ phận (đào tạo, nghiên cứu khoa học, tổ chức cán bộ, công tác chính trị và sinh viên, tài vụ, hành chính và các bộ phận liên quan khác);

- Thực hiện việc chi tiêu từ các nguồn kinh phí Nhiệm vụ chiến lược cho đề án thành phần theo đúng nội dung của đề án thành phần và quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội;

- Khi cần thiết trực tiếp báo cáo Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược (qua Văn phòng Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược) về các vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện đề án thành phần.

Chương III

XÂY DỰNG VÀ PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN THÀNH PHẦN

Điều 7. Cơ sở pháp lý và thực tiễn xây dựng và thực hiện đề án thành phần

1. Cơ sở pháp lý

a) Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp;

b) Các Nghị định, Quy định của Chính phủ và các Quy định, Thông tư của các Bộ, Ban, Ngành liên quan;

c) Các chiến lược phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục;

d) Nghị định của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

e) Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia Hà Nội;

f) Các nghị quyết, kết luận của Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy về Nhiệm vụ chiến lược;

g) Chiến lược phát triển Đại học Quốc gia Hà Nội đến 2020, tầm nhìn 2030;

h) Quy chế đào tạo đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội;

i) Quy chế đào tạo sau đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội;

k) Các văn bản pháp lý, điều hành khác của Đại học Quốc gia Hà Nội liên quan, còn hiệu lực thi hành;

l) Các văn bản khác có liên quan.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Kinh nghiệm xây dựng, phát triển ngành, chuyên ngành đạt trình độ quốc tế trên thế giới và Việt nam, cũng như kinh nghiệm triển khai đào tạo các chương trình đào tạo tài năng,

chương trình đào tạo tiên tiến, chương trình đào tạo chất lượng cao ở Đại học Quốc gia Hà Nội;

- b) Các tiêu chí xếp hạng đại học của QS và THES hoặc các chuẩn tương đương;
- c) Số liệu theo tiêu chí của ngành, chuyên ngành cận kề chuẩn quốc tế (Phụ lục 1).

Điều 8. Các yêu cầu xây dựng đề án thành phần

1. Có nhiều điều kiện cận kề chuẩn quốc tế trên cơ sở số liệu thực tế (Phụ lục 1);
 2. Có mục tiêu, sản phẩm và nội dung phù hợp với Quy định này.
 3. Phải dựa vào cách tiếp cận sản phẩm đầu ra và có khung logic.
 4. Phải thể hiện sự phát triển liên hoàn của ngành, chuyên ngành liên quan và có phân kỳ thực hiện (sơ đồ grant).
 5. Đảm bảo tính liên thông, liên kết, hợp tác, khả năng dùng chung các nguồn lực như đội ngũ cán bộ và cơ sở vật chất, trang thiết bị trong Đại học Quốc gia Hà Nội.
 6. Có phương án hạn chế mức độ và quản lý độ rủi ro, đảm bảo tính bền vững.
 7. Có trường đại học đối tác đáp ứng yêu cầu tại khoản 5, Điều 1 của Quy định này.
- Trong trường hợp đặc biệt phải bổ sung thêm hoặc thay đổi đối tác, Thủ trưởng đơn vị phải báo cáo giải trình và phải được Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội cho phép mới được thực hiện việc hợp tác.

Điều 9. Các bước tiến hành xây dựng, thẩm định và phê duyệt đề án thành phần

1. Xây dựng kế hoạch phát triển ngành, chuyên ngành đạt chuẩn quốc tế

Căn cứ các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, chiến lược phát triển, sứ mệnh, tầm nhìn của Đại học Quốc gia Hà Nội và của đơn vị, cũng như dựa vào các tiêu chí nêu tại Phụ lục 1, đơn vị đánh giá, lựa chọn và xây dựng kế hoạch phát triển ngành, chuyên ngành đạt chuẩn quốc tế theo thứ tự ưu tiên. Trên cơ sở kế hoạch này, đơn vị xây dựng đề xuất đề án thành phần (theo mẫu Phụ lục 2).

2. Xây dựng đề xuất đề án thành phần

Thủ trưởng đơn vị thành lập nhóm công tác xây dựng đề xuất đề án thành phần phù hợp với các yêu cầu nêu trên.

3. Thẩm định và phê duyệt đề xuất đề án thành phần

- a) Hồ sơ trình phê duyệt đề xuất đề án thành phần, bao gồm:

- Tờ trình xin phê duyệt đề xuất đề án thành phần, trong đó có cam kết tự nguyện tham gia Nhiệm vụ chiến lược và thực hiện đúng Quy định này;

- Bản giới thiệu tóm tắt nội dung chủ yếu (theo mẫu Phụ lục 2);
- Báo cáo đánh giá các điều kiện cận kề chuẩn quốc tế của đơn vị (theo Phụ lục 1).

- b) Nội dung thẩm định và xét chọn đề xuất đề án thành phần.

- Mục tiêu, sản phẩm;
- Các điều kiện cận kề chuẩn quốc tế (Phụ lục 1);
- Các điều kiện tài chính và huy động các nguồn lực, khả năng thu hút người học;
- Hiệu quả đầu tư và tác động của đề án thành phần;

- Các vấn đề rủi ro của đề án thành phần và các giải pháp khắc phục.

c) Thẩm định và phê duyệt đề xuất đề án thành phần

Văn phòng Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược là đầu mối tiếp nhận, tổ chức thẩm định đề xuất đề án thành phần. Sau khi nhận được hồ sơ xin phê duyệt đề xuất đề án thành phần, Văn phòng Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược chuyển hồ sơ đến các bộ phận thẩm định theo phân công như sau:

- Ban Khoa học Công nghệ thẩm định các nội dung liên quan đến các nội dung về khoa học và công nghệ, đầu tư chiều sâu, tăng cường năng lực nghiên cứu (nếu có), và các nội dung liên quan đến cơ sở vật chất, trang thiết bị khoa học và công nghệ khác của đề án thành phần;

- Ban Đào tạo thẩm định các nội dung, tiêu chí cận kề về đào tạo đại học, sau đại học;

- Ban Quan hệ Quốc tế thẩm định các nội dung liên quan đến đối tác và các vấn đề khác về hợp tác quốc tế;

- Ban Tổ chức Cán bộ thẩm định các nội dung liên quan đến nguồn nhân lực, đội ngũ cán bộ, các vấn đề tổ chức, nhân sự;

- Ban Kế hoạch Tài chính thẩm định các nội dung liên quan đến tài chính, kinh phí đầu tư, cơ sở vật chất của đề án thành phần;

- Viện Đảm bảo Chất lượng Giáo dục thẩm định các nội dung liên quan đến điều kiện đảm bảo chất lượng và việc xếp hạng của trường đại học đối tác;

Các bộ phận có trách nhiệm thẩm định nội dung đề án thành phần nêu trên, nếu cần thiết, mời chuyên gia theo lĩnh vực chuyên môn thẩm định đề xuất đề án thành phần.

Văn phòng Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược và các bộ phận có liên quan tổ chức họp xét chọn đề xuất đề án thành phần theo thứ tự ưu tiên, tổng hợp các ý kiến thẩm định bằng văn bản trình Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt.

4. Xây dựng đề án thành phần

Thủ trưởng đơn vị chỉ đạo xây dựng đề án thành phần (theo mẫu Phụ lục 3). Văn phòng Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược và các bộ phận tư vấn, hỗ trợ về mặt kỹ thuật cho các đơn vị trong việc xây dựng đề án thành phần. Các bước xây dựng đề án thành phần bao gồm:

a) Đơn vị thành lập nhóm xây dựng đề án thành phần, trong đó có chủ nhiệm khoa, chủ nhiệm bộ môn, đại diện các nhà khoa học trong và ngoài đơn vị, đại diện nhà tuyển dụng;

b) Nhóm xây dựng đề án thành phần lập kế hoạch xây dựng đề án thành phần, thu thập, tổng hợp tài liệu liên quan, xây dựng đề cương chi tiết đề án thành phần theo các nội dung của mẫu đề án thành phần (Phụ lục 3);

c) Lấy ý kiến Hội đồng khoa học của khoa thuộc trường đại học, khoa, viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội về đề cương chi tiết đề án thành phần;

d) Tổ chức hội thảo lấy ý kiến góp ý của các nhà khoa học, cán bộ giảng dạy, cán bộ quản lý trong khoa/viện nghiên cứu/trung tâm nghiên cứu về đề cương chi tiết đề án thành phần;

e) Nhóm xây dựng đề án thành phần hoàn thiện đề cương chi tiết theo góp ý của Hội đồng khoa học và các góp ý tại hội thảo để xây dựng đề án thành phần;

f) Tổ chức hội thảo lấy ý kiến góp ý của tập thể, cá nhân (thành phần do Thủ trưởng đơn vị quyết định) về dự thảo đề án thành phần;

g) Tổ chức họp Hội đồng khoa học và đào tạo của khoa thuộc trường, khoa, viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội thảo luận, góp ý cho dự thảo đề án thành phần và hoàn thiện;

h) Tổ chức họp Hội đồng khoa học và đào tạo của trường đại học để thảo luận, góp ý cho dự thảo đề án thành phần đã chỉnh sửa theo góp ý;

i) Thủ trưởng đơn vị làm tờ trình Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội xin phê duyệt đề án thành phần.

5. Nộp hồ sơ xin phê duyệt đề án thành phần

a) Hồ sơ xin phê duyệt đề án thành phần bao gồm:

- Tờ trình đề xin phê duyệt đề án thành phần, trong đó có cam kết tự nguyện tham gia Nhiệm vụ chiến lược và thực hiện đầy đủ, nghiêm túc Quy định này;

- Đề xuất đề án thành phần (Phụ lục 2);

- Đề án thành phần (đề án hoàn chỉnh theo mẫu Phụ lục 3);

- Báo cáo quá trình xây dựng đề án thành phần, tổng hợp các ý kiến đóng góp của các cá nhân và tập thể cho đề án thành phần.

b) Đầu mối tiếp nhận và thời hạn nộp hồ sơ

- Đơn vị gửi 02 bộ hồ sơ đề xuất đề án thành phần (bản in trên giấy và bản điện tử) về Văn phòng Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược.

- Thời hạn gửi: trước ngày 30 tháng 6 hàng năm.

6. Thẩm định và phê duyệt đề án thành phần

a) Thẩm quyền thẩm định đề án thành phần

Tùy theo yêu cầu cụ thể đối với từng đề án thành phần, Đại học Quốc gia Hà Nội mời các chuyên gia đủ năng lực trong và ngoài Đại học Quốc gia Hà Nội tham gia Hội đồng thẩm định đề án thành phần.

b) Đầu mối thẩm định và xét chọn đề án thành phần

Văn phòng Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược chuyển đề án thành phần tới các bộ phận để thẩm định các nội dung có liên quan theo khoản 3, Điều 9 của Quy định này. Nếu cần thiết, các bộ phận mời chuyên gia am hiểu sâu sắc về lĩnh vực chuyên môn góp ý nội dung có liên quan trong đề án thành phần. Văn phòng Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược tổng hợp ý kiến đóng góp, trình Hội đồng thẩm định cấp Đại học Quốc gia Hà Nội.

c) Nội dung thẩm định đề án thành phần

Trên cơ sở các yêu cầu của Quy định này, đề án thành phần được xem xét thẩm định các nội dung như đã nêu khoản 3, Điều 9.

d) Thời gian thẩm định

Thời gian thẩm định không quá 30 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ hoàn chỉnh.

e) Kinh phí thẩm định đề án thành phần

Kinh phí dành cho thẩm định đề án thành phần thực hiện theo quy định của Nhà nước và của Đại học Quốc gia Hà Nội.

f) Tổng hợp kết quả thẩm định

Văn phòng Ban chỉ đạo tập hợp ý kiến góp ý của các ban chức năng và Hội đồng thẩm định cấp Đại học Quốc gia Hà Nội, thông báo cho đơn vị có đề án thành phần để sửa chữa và hoàn thiện.

g) Điều chỉnh đề án thành phần sau khi thẩm định

Văn phòng Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược hỗ trợ, tư vấn và hướng dẫn các đơn vị sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh đề án thành phần theo góp ý của Hội đồng thẩm định cấp Đại học Quốc gia Hà Nội và các bộ phận thẩm định. Sau 15 ngày, đơn vị nộp đề án thành phần hoàn chỉnh cho Văn phòng Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược, kèm theo giải trình chi tiết việc tiếp thu các ý kiến và điều chỉnh đề án thành phần.

h) Phê duyệt đề án thành phần

Văn phòng Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược phối hợp với các bộ phận liên quan trình hồ sơ xin phê duyệt đề án thành phần, các văn bản thẩm định đề án thành phần, báo cáo Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội xem xét, phê duyệt.

i) Trong quá trình thực hiện, Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội có thể phê duyệt điều chỉnh các đề án thành phần.

Chương IV **ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

Điều 10. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đạt chuẩn quốc tế có khối lượng, cấu trúc, nội dung phù hợp với bậc học, đảm bảo đào tạo kiến thức, năng lực, kỹ năng và khả năng thích ứng điều kiện xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế.

2. Chương trình đạt chuẩn quốc tế cần đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Phù hợp với Quy chế đào tạo đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội về khối lượng kiến thức tối thiểu;

b) Kế thừa nội dung, phương pháp giảng dạy, quy trình tổ chức và quản lý của chương trình đào tạo phù hợp của trường đại học đối tác (gọi tắt là chương trình gốc), bổ sung thêm các môn học hoặc nội dung theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Bộ liên quan và Đại học Quốc gia Hà Nội; chương trình được thiết kế để tổ chức đào tạo đảm bảo thời gian theo Điều 14 của Quy định này đối với cử nhân khoa học. Thời gian đào tạo kỹ sư, bác sỹ, dược sỹ sẽ được quy định riêng phù hợp với yêu cầu và đặc thù đào tạo;

c) Về cấu trúc của chương trình đạt chuẩn quốc tế

- Khối kiến thức chung theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó kiến thức tiếng Anh đạt yêu cầu của Nhiệm vụ chiến lược, được đào tạo theo phương pháp và thời gian phù hợp, tạo tiền đề tốt cho việc đào tạo chuyên môn bằng ngoại ngữ ở giai đoạn sau;

- Khối kiến thức chuyên môn do đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế chủ trì xây dựng dựa vào chương trình đào tạo cử nhân, kỹ sư của các trường đại học đối tác theo nguyên tắc đảm bảo kiến thức khoa học ngành đủ vững chắc cho cử nhân, kỹ sư tương lai, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước;

- Kỹ năng mềm được đào tạo và phát triển thông qua phương thức đào tạo trực tuyến, các khóa đào tạo, huấn luyện, thông qua dạy học các môn chuyên môn và các môn học bổ trợ của ngành bằng phương pháp tiên tiến, giao tiếp ngôn ngữ, giao tiếp liên ngành, các hoạt động đoàn thể và các hoạt động khác.

d) Được thể hiện ở hai dạng: theo cấu trúc chương trình đào tạo phù hợp với Quy chế đào tạo đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội và theo cấu trúc chương trình đào tạo của trường đại học đối tác. Chương trình đào tạo ở cả hai dạng đều được dịch ra tiếng Anh.

e) Được xây dựng theo quy trình do Đại học Quốc gia Hà Nội quy định, trong đó có dựa vào chuẩn đầu ra và bằng phương pháp CDIO.

3. Hội đồng khoa học và đào tạo các đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế lựa chọn chương trình đào tạo của trường đại học đối tác phù hợp nhất với mục tiêu, sản phẩm Nhiệm vụ chiến lược, nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của Việt Nam và điều kiện thực tế của Đại học Quốc gia Hà Nội và đơn vị thông qua việc tổ chức các hội thảo để phân tích, đánh giá chương trình của trường đại học đối tác và lấy ý kiến thẩm định nội dung, chuẩn đầu ra. Sau đó bổ sung các môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Bộ liên quan và Đại học Quốc gia Hà Nội, các môn học mới theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước. Đồng thời điều chỉnh một số môn học trong chương trình gốc phù hợp với Việt Nam.

4. Tích hợp chương trình đào tạo tài năng, chương trình đào tạo tiên tiến, chương trình đào tạo chất lượng cao vào chương trình đạt chuẩn quốc tế ở dạng thứ hai nói trên bằng cách bổ sung thêm các môn học, những nội dung dành riêng của chương trình đào tạo tài năng, chương trình đào tạo tiên tiến, chương trình đào tạo chất lượng cao vào chương trình đạt chuẩn quốc tế mà chương trình đào tạo này chưa có. Nếu những môn học, nội dung của riêng chương trình đào tạo tài năng, chương trình đào tạo tiên tiến, chương trình đào tạo chất lượng cao trùng với môn học, nội dung trong chương trình đạt chuẩn quốc tế thì vẫn đánh dấu * (môn học nâng cao) hoặc đánh dấu ** (những môn học mới). Những sinh viên của chương trình đào tạo tài năng, chương trình đào tạo tiên tiến phải học tất cả các môn học của chương trình đạt chuẩn quốc tế và các môn học có ký hiệu * và ** để được cấp bằng cử nhân tài năng, chương trình đào tạo tiên tiến, đào tạo theo chương trình đạt chuẩn quốc tế. Bố trí học các môn học dành riêng cho chương trình đào

tạo tài năng, chương trình tiên tiến vào học kỳ hè hoặc vào các thời gian khác phù hợp để đảm bảo tổng thời gian đào tạo theo Điều 14 của Quy định này đối với cử nhân khoa học.

5. Đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc chương trình đào tạo đã được Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt, ban hành. Nếu cần có sự thay đổi, Thủ trưởng đơn vị phải báo cáo và được Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt mới được triển khai.

6. Không tổ chức đào tạo chương trình đào tạo của hệ chuẩn tương ứng.

Điều 11. Tuyển sinh

Công tác tuyển sinh dựa vào kết quả tuyển sinh đại học trên phạm vi toàn quốc trong cùng năm và thực hiện như sau:

1. Đối tượng đăng ký nguyện vọng trực tiếp vào các chương trình đạt chuẩn quốc tế

a) Tuyển thẳng: Học sinh trung học phổ thông là thành viên đội tuyển quốc gia tham dự kỳ thi Olympic quốc tế, khu vực hoặc đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia lớp 12 về môn học phù hợp, đáp ứng các điều kiện khác theo quy định tuyển thẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Thi tuyển: Thí sinh có kết quả thi tuyển sinh đạt điểm chuẩn của ngành đào tạo. Thủ trưởng đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế lựa chọn môn, khối thi phù hợp trong các khối thi, môn thi tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Quốc gia Hà Nội quy định.

2. Đối tượng được xét tuyển bổ sung

a) Các thí sinh đã trúng tuyển vào các trường đại học thành viên của Đại học Quốc gia Hà Nội;

b) Các thí sinh đạt kết quả cao trong kỳ tuyển sinh đại học cùng năm, cùng khối thi và có đủ các điều kiện khác theo quy định của các Ban điều hành Nhiệm vụ chiến lược, nếu có nguyện vọng sẽ được xét tuyển vào học các chương trình đạt chuẩn quốc tế của Đại học Quốc gia Hà Nội. Ưu tiên xét tuyển các học sinh đã đạt giải cao, kể cả giải khuyến khích trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia lớp 12, hoặc đạt giải nhất, nhì và ba cấp tỉnh, thành phố hoặc tương đương về môn học phù hợp. Xét tuyển theo điểm các tiêu chí từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu, ưu tiên đối với sinh viên có trình độ tiếng Anh tốt;

c) Người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài được xét tuyển theo quy định của Quy chế đào tạo đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội và các quy định hiện hành khác.

3. Thông tin chi tiết về tuyển sinh các chương trình đạt chuẩn quốc tế được thông báo rộng rãi (trong đó có đăng tải trên trang web của Đại học Quốc gia Hà Nội và của các đơn vị) ít nhất 6 tháng trước kỳ thi tuyển sinh đại học hàng năm. Các đơn vị cần thực hiện tốt công tác quảng bá thông tin về Nhiệm vụ chiến lược, chương trình đạt chuẩn quốc tế để thu hút thí sinh giỏi vào học.

Điều 12. Quy mô đào tạo

1. Quy mô đào tạo mỗi ngành không quá 60 sinh viên/khóa. Quá trình tổ chức giảng dạy phải chia thành nhóm nhỏ, không quá 25 sinh viên/nhóm đối với học ngoại ngữ và không quá 30 sinh viên/nhóm khi làm bài tập và thảo luận. Đối với những ngành có nhu cầu xã hội cao và có thể tuyển sinh được sinh viên xuất sắc, khi có đủ điều kiện đảm bảo chất lượng thì Thủ trưởng đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế báo cáo Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt chỉ tiêu bổ sung.

2. Áp dụng các phương pháp tiên tiến để kiểm tra năng lực học tập, trình độ ngoại ngữ, làm cơ sở cho việc phân lớp, nhóm và xây dựng kế hoạch giảng dạy chuyên môn, ngoại ngữ hợp lý, hiệu quả.

Điều 13. Ngôn ngữ giảng dạy và học tập

Ngôn ngữ được dùng để giảng dạy và học tập cho các chương trình đạt chuẩn quốc tế là tiếng Anh và tiếng Việt. Đối với một số ngành thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn có tính đặc thù cần giảng dạy bằng ngôn ngữ khác, Thủ trưởng đơn vị đề nghị với Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội xem xét, quyết định.

Điều 14. Mô hình tổ chức đào tạo

Tổ chức đào tạo chương trình đạt chuẩn quốc tế trong Nhiệm vụ chiến lược theo mô hình đào tạo (1+a) trên cơ sở liên thông, liên kết sâu rộng và hợp tác toàn diện giữa các đơn vị, phát huy cao độ thế mạnh đặc thù của từng đơn vị, phát triển tầm nhìn, năng lực tổng hợp liên ngành, tinh thần cộng đồng cho giảng viên, cán bộ và người học.

Trong mô hình đào tạo (1+a), 1 là năm thứ nhất chương trình đạt chuẩn quốc tế sinh viên được học tập và quản lý tập trung tại Trường Đại học Ngoại ngữ; a là số năm còn lại sinh viên được học tập và quản lý tập trung tại các đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế. Đối với chương trình đào tạo cử nhân khoa học, a tối đa là 3,5 năm; đối với các ngành học khác sẽ được xác định phù hợp với yêu cầu đào tạo đạt chuẩn quốc tế của ngành. Thủ trưởng đơn vị phải tổ chức học kỳ hè hoặc vào các thời gian khác phù hợp và tạo các điều kiện khác để sinh viên có thể hoàn thành chương trình đào tạo sớm hơn thời gian quy định này.

Điều 15. Trách nhiệm của các bên liên quan thực hiện mô hình tổ chức đào tạo

(1+a)

1. Trách nhiệm của Trường Đại học Ngoại ngữ

a) Tổ chức đào tạo

- Tổ chức đào tạo và quản lý toàn bộ sinh viên năm thứ nhất các chương trình đạt chuẩn quốc tế học các môn ngoại ngữ và các môn thuộc khối kiến thức chung tại Trường Đại học Ngoại ngữ;

- Tổ chức đánh giá, phân loại sinh viên đầu vào, ban hành quy định về việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra đánh giá và cấp chứng chỉ tiếng Anh để sử dụng chung cho các chương trình đạt chuẩn quốc tế và tiến tới cho toàn bộ chương trình đào tạo ở Đại học Quốc gia Hà Nội và trong toàn quốc;

- Căn cứ yêu cầu của các ngành học thuộc các chương trình đạt chuẩn quốc tế, Trường Đại học Ngoại ngữ làm đầu mối phối hợp với các đơn vị xây dựng kế hoạch giảng dạy tiếng Anh hợp lý để đảm bảo kế hoạch tổ chức giảng dạy chuyên môn bằng tiếng Anh của các đơn vị;

- Phối hợp với các đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế và các đơn vị tham gia giảng dạy sinh viên chương trình đạt chuẩn quốc tế (Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giảng viên lý luận chính trị, Trung tâm giáo dục thể chất thể thao, Trung tâm giáo dục quốc phòng an ninh và các đơn vị liên quan khác) để xây dựng kế hoạch giảng dạy - học tập cho sinh viên năm thứ nhất. Thời khóa biểu học kỳ I phải hoàn thành trước ngày 15/8 hàng năm;

- Tổ chức các lớp môn học tiếng Anh phân theo trình độ đảm bảo các tiêu chí và chất lượng đầu ra;

- Chịu trách nhiệm các khâu kiểm định, bố trí đội ngũ giảng viên, chương trình, giáo trình, phương pháp giảng dạy và học tập;

- Tăng cường đội ngũ trợ giảng ít nhất có 2 trợ giảng cho một lớp, có biện pháp hỗ trợ và tăng cường học tập đối với các sinh viên có trình độ tiếng Anh còn yếu (tăng cường học ngoài giờ, qua mạng, với giảng viên hoặc trợ giảng);

- Kiểm tra đánh giá theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đạt chuẩn quốc tế;

- Phối hợp với các đơn vị tham gia giảng dạy chương trình đạt chuẩn quốc tế đăng ký giảng dạy các môn còn lại thuộc khối kiến thức chung, phù hợp với khả năng và điều kiện đơn vị tham gia giảng dạy chương trình chuẩn quốc tế, nhưng phải đảm bảo số tín chỉ tích lũy tối thiểu và tối đa cho sinh viên theo Quy chế đào tạo đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội;

- Tổ chức đào tạo tiếng Anh theo các yêu cầu nêu ở trên;

- Giảng dạy tiếng Anh học thuật các năm tiếp theo và tổ chức đánh giá chuẩn đầu ra ngoại ngữ trước khi sinh viên tốt nghiệp;

- Bố trí giảng đường, hội trường và các điều kiện về cơ sở vật chất khác của đơn vị mình để tổ chức giảng dạy tiếng Anh và tổ chức các hoạt động ngoại khóa như các cuộc giao lưu, trao học bổng và các hoạt động tập thể khác cho sinh viên;

- Phối hợp với các đơn vị tham gia giảng dạy năm thứ nhất chương trình đạt chuẩn quốc tế bố trí giảng đường và các điều kiện về cơ sở vật chất khác của các đơn vị này để tổ chức giảng dạy các môn không phải tiếng Anh.

b) Quản lý sinh viên

- Tiếp nhận sinh viên năm thứ nhất từ các đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế và danh sách trích ngang sinh viên (bản in có chữ ký của lãnh đạo và đóng dấu của đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế);

- Phối hợp với Trung tâm Hỗ trợ sinh viên bố trí chỗ ở và quản lý sinh viên trong ký túc xá. Trên cơ sở các lớp môn học và các lớp khóa học, tổ chức chính quyền, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội sinh viên của Trường Đại học Ngoại ngữ phối hợp với các đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế ra các Quyết định về tổ chức đội ngũ cán bộ lớp, chi đoàn, liên chi

đoàn, cử giáo viên chủ nhiệm lớp môn học, ngoại ngữ, cố vấn học tập, hoặc trợ giảng để tổ chức hoạt động đào tạo và quản lý sinh viên, triển khai các hoạt động của các lớp, chi đoàn khóa học; việc ổn định tổ chức của hệ thống lớp, chi đoàn, chi bộ (nếu có) phải hoàn thành sau 15 ngày làm việc sinh viên nhập học tại Trường Đại học Ngoại ngữ;

- Tổ chức các lớp môn học, chỉ định hoặc chỉ đạo bầu cán bộ lớp để đảm bảo việc theo dõi và quản lý quá trình học tập và các hoạt động bổ trợ của sinh viên. Các giáo viên chủ nhiệm lớp môn học và lớp khóa học do Trường Đại học Ngoại ngữ và đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế bàn bạc, thống nhất và điều phối chung;

- Cung cấp thông tin và phối hợp với đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế tổ chức đánh giá, khen thưởng, kỷ luật và xếp loại để làm căn cứ xét và cấp học bổng cho sinh viên;

- Cung cấp các thông tin cần thiết về kết quả học tập và rèn luyện cho đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế để xác nhận các giấy tờ liên quan tới sinh viên như xác nhận giấy tờ để vay tiền ngân hàng, giấy giới thiệu với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và các giấy tờ khác phù hợp liên quan tới sinh viên khi có yêu cầu;

- Trên cơ sở tham khảo ý kiến các đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế và đơn vị tham gia giảng dạy chương trình đạt chuẩn quốc tế ra quyết định thôi học, buộc thôi học và cung cấp thông tin kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên khi học các môn học ngoại ngữ;

- Tổ chức và quản lý sinh viên năm thứ nhất đi thực tập ở nước ngoài;

- Cử cán bộ phòng đào tạo, phòng chính trị và công tác sinh viên theo dõi việc giảng dạy và học tập, tư vấn, hỗ trợ đời sống, các hoạt động khác cho sinh viên chương trình đạt chuẩn quốc tế theo quy chế đào tạo trong năm thứ nhất;

- Thường xuyên trao đổi thông tin cho các đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế thông qua đội ngũ giáo viên chủ nhiệm lớp khóa học và cán bộ chuyên trách;

- Bàn giao đầy đủ thông tin, kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên cho đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế trong vòng 10 ngày làm việc sau khi kết thúc thi học kỳ I;

- Bàn giao kết quả học tập, rèn luyện và các hồ sơ liên quan cho đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế trước ngày 30/6 hàng năm sau khi kết thúc năm học;

- Bàn giao sinh viên trước ngày 15/6 hàng năm;

- Phối hợp với các đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế và đơn vị tham gia giảng dạy phát hiện và giải quyết kịp thời các vấn đề khác liên quan tới sinh viên.

2. Trách nhiệm của đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế

a) Đối với tổ chức đào tạo và quản lý sinh viên năm thứ nhất

- Tổ chức đào tạo

- + Phối hợp với Trường Đại học Ngoại ngữ và các đơn vị tham gia giảng dạy chương trình đạt chuẩn quốc tế xây dựng kế hoạch học tập, thời khóa biểu cho từng học kỳ đúng kế hoạch do Trường Đại học Ngoại ngữ đề ra;

+ Quyết định các nội dung, thời lượng, bố trí thời gian dự kiến học môn cơ bản, cơ sở ngành trong năm thứ nhất và thông báo cho Trường Đại học Ngoại ngữ trước ngày 15/7 hàng năm;

+ Chủ trì và phối hợp với Trường Đại học Ngoại ngữ tổ chức cho sinh viên đăng ký học và tổ chức giảng dạy các môn học cơ bản, cơ sở ngành phù hợp với khả năng của sinh viên và yêu cầu của chương trình đạt chuẩn quốc tế và Quy chế đào tạo đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội;

+ Tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá, thu thập và xử lý ý kiến phản hồi của sinh viên về việc giảng dạy môn học; bàn giao kết quả thi do đơn vị mình phụ trách và bảng tổng hợp ý kiến phản hồi của sinh viên về các môn học này cho Trường Đại học Ngoại ngữ sau khi kết thúc thi không quá 10 ngày;

+ Cử cán bộ phụ trách, làm giáo viên chủ nhiệm, lớp khóa học, lớp môn học cơ bản, cơ sở ngành, cố vấn học tập; cử cán bộ phòng đào tạo, phòng chính trị và công tác sinh viên chuyên trách theo dõi, giám sát, hỗ trợ, tư vấn nghề nghiệp, làm đầu mối liên kết, thông tin và phối hợp chặt chẽ với Trường Đại học Ngoại ngữ trong việc đào tạo và quản lý sinh viên chương trình đạt chuẩn quốc tế, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh trong năm thứ nhất tại Trường Đại học Ngoại ngữ;

+ Chủ trì, phối hợp với Trường Đại học Ngoại ngữ đảm bảo giảng dạy các môn chuyên môn, sinh hoạt ngoại khóa, hội thảo khoa học, các buổi giao lưu để tăng cường sự gắn bó và nuôi dưỡng say mê nghề nghiệp của sinh viên với ngành được tuyển, tạo thuận lợi cho quá trình học tập, rèn luyện những năm tiếp theo;

+ Phân công trách nhiệm cho các giảng viên giảng dạy các môn chuyên môn giỏi tiếng Anh để giảng dạy một số môn chuyên môn phù hợp và hỗ trợ sinh viên phát triển năng lực tiếng Anh để đạt chuẩn đầu ra thông qua phối hợp với Trường Đại học Ngoại ngữ trong việc giảng dạy tiếng Anh học thuật;

+ Phối hợp với Trường Đại học Ngoại ngữ hoàn thiện các điều kiện, bổ sung việc dạy học ngoại ngữ khác theo đặc thù của ngành và đặc biệt chú ý triển khai các biện pháp hợp lý để nâng cao năng lực ngoại ngữ cho đội ngũ giảng viên giảng dạy chuyên môn bằng tiếng Anh;

+ Phát triển năng lực và kỹ năng sử dụng tiếng Anh của giảng viên thông qua giảng dạy chuyên môn, tham gia viết và trình bày báo cáo tại các hội thảo, hội nghị bằng tiếng Anh;

+ Cung cấp đủ tài liệu học tập, thực hành môn học do đơn vị mình giảng dạy; đảm bảo cơ sở thực hành, thực tập, thí nghiệm của các môn cơ bản, cơ sở ngành; hỗ trợ giảng đường, địa điểm học cho sinh viên khi Trường Đại học Ngoại ngữ yêu cầu;

+ Chuyển sinh viên không đạt yêu cầu học tập (trong đó có sinh viên không đạt 5,5 IELTS) sang học các ngành khác phù hợp của đơn vị và Quy chế đào tạo đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Quản lý sinh viên

+ Bàn giao cho Trường Đại học Ngoại ngữ sinh viên và danh sách trích ngang sinh viên (bản in có chữ ký của lãnh đạo đơn vị, đóng dấu, đáp ứng yêu cầu của phần mềm quản lý đào tạo và quản lý sinh viên) muộn nhất trong vòng 10 ngày làm việc sau khi sinh viên nhập học và gửi 01 bản cho Văn phòng Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược để theo dõi, quản lý;

+ Tham gia quản lý sinh viên với tư cách là đơn vị cấp bằng, đào tạo nghề nghiệp và khai thác tối đa kiến thức cơ sở, tiếng Anh đã được trang bị ở năm thứ nhất;

+ Phát triển các nguồn kinh phí để hỗ trợ cho công tác đào tạo tiếng Anh cho sinh viên, nhất là các sinh viên còn yếu về khả năng tiếng Anh để đạt chuẩn trước khi học tập chuyên môn;

+ Bảo quản hồ sơ gốc của sinh viên, lập danh sách trích ngang sinh viên như đã nêu, cung cấp thông tin, hỗ trợ Trung tâm Thông tin - Thư viện làm thẻ sinh viên khi nhập học;

+ Xác nhận nhân thân và các giấy tờ phù hợp và cần thiết khác cho sinh viên, kể cả hồ sơ vay tiền ngân hàng và giao dịch khác với bên ngoài Đại học Quốc gia Hà Nội;

+ Quyết định mức đóng, giảm, miễn học phí, cấp học bổng, quyết định danh hiệu thi đua, kỷ luật sinh viên trên cơ sở phối hợp chặt chẽ với Trường Đại học Ngoại ngữ và các thông tin về kết quả học tập, rèn luyện tại Trường Đại học Ngoại ngữ; bản sao các Quyết định này phải chuyển cho Trường Đại học Ngoại ngữ chậm nhất 07 ngày sau khi ban hành;

+ Tham gia xét đăng ký môn học, thôi học, buộc thôi học cho sinh viên năm thứ nhất;

+ Chủ trì việc tổ chức trao học bổng cho sinh viên;

+ Quyết định và thu kinh phí bồi hoàn của các sinh viên không tiếp tục học chương trình đạt chuẩn quốc tế.

b) Đối với tổ chức đào tạo và quản lý sinh viên từ năm thứ hai

Chủ trì, phối hợp, liên thông, liên kết, hợp tác với tất cả các đơn vị liên quan của Đại học Quốc gia Hà Nội để tổ chức đào tạo, cấp bằng tốt nghiệp, quản lý toàn diện sinh viên từ năm thứ hai để đạt các sản phẩm đào tạo theo Quy định này.

3. Trách nhiệm của các đơn vị tham gia giảng dạy sinh viên chương trình đạt chuẩn quốc tế

a) Tổ chức đào tạo

- Cung cấp cho phòng đào tạo Trường Đại học Ngoại ngữ trước ngày 15/7 hàng năm: Kế hoạch giảng dạy; thời khóa biểu dự kiến giảng dạy các môn học tương ứng với lớp khóa học hoặc lớp môn học thuận lợi nhất cho sinh viên do đơn vị mình phụ trách; trong đó có tên môn học, số tiết/1 buổi, số buổi học/1 tuần, thời gian (thứ 6, thứ 7 hàng tuần), địa điểm học, tên và địa chỉ liên hệ của giảng viên giảng dạy chính, trợ giảng (nếu có);

- Cung cấp giáo trình, tài liệu giảng dạy – học tập; tổ chức giảng dạy; phát triển kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm cho sinh viên thông qua giảng dạy các môn học do đơn vị phụ trách; tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá, lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về việc giảng dạy môn học và bàn giao kết quả cho phòng đào tạo Trường Đại học Ngoại ngữ chậm nhất là 07 ngày sau khi thi xong.

b) Quản lý sinh viên

- Cử giáo viên chủ nhiệm, lớp trưởng, lớp phó của lớp môn học; chuyển bản sao Quyết định này cho Trường Đại học Ngoại ngữ khi bàn giao sinh viên cho Trường Đại học Ngoại ngữ tổ chức đào tạo và quản lý;

- Hỗ trợ công tác quản lý sinh viên học các môn học do đơn vị mình phụ trách;

- Cung cấp kết quả học tập và giấy chứng nhận khác liên quan tới học tập, rèn luyện của sinh viên khi học các môn học không phải tiếng Anh;

- Tham gia quản lý sinh viên theo yêu cầu của Trường Đại học Ngoại ngữ.

4. Trách nhiệm của các đơn vị phục vụ đào tạo

a) Trung tâm Hỗ trợ sinh viên

- Đảm bảo các điều kiện tốt nhất về chỗ ở và điều kiện học tập của sinh viên chương trình đạt chuẩn quốc tế;

- Ưu tiên chỗ ở trong kí túc xá cho tất cả sinh viên các chương trình đạt chuẩn quốc tế và bố trí không quá 6 sinh viên trong một phòng ở chuẩn;

- Tổ chức bố trí chỗ ở đan xen sinh viên các chương trình đạt chuẩn quốc tế với các sinh viên chuyên ngành tiếng Anh của Trường Đại học Ngoại ngữ nhằm tăng cường giao lưu và tạo cho sinh viên có nhiều cơ hội để sử dụng tiếng Anh;

- Giải thích rõ các điều kiện xã hội hóa khác cho sinh viên các chương trình đạt chuẩn quốc tế và chỉ thực hiện trên cơ sở tự nguyện và đảm bảo quyền lợi chính đáng của sinh viên;

- Tổ chức các sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao và các hoạt động tập thể khác cho sinh viên.

b) Trung tâm Thông tin - Thư viện

- Tổ chức làm thẻ sinh viên cho sinh viên năm thứ nhất các chương trình đạt chuẩn quốc tế khi nhập học và cấp lại thẻ cho sinh viên khi cần thiết;

- Chủ trì mua và quản lý, cho mỗi sinh viên mượn một bộ giáo trình, tài liệu tham khảo theo đề nghị của Trường Đại học Ngoại ngữ, đơn vị có các chương trình đạt chuẩn quốc tế và đơn vị tham gia giảng dạy các chương trình đạt chuẩn quốc tế;

- Phối hợp với các đơn vị liên quan phát triển cơ sở học liệu ở dạng in và số hóa đáp ứng ngày càng cao yêu cầu cao Nhiệm vụ chiến lược.

5. Trách nhiệm của các Ban chức năng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên

a) Ban Chính trị và công tác học sinh, sinh viên

Chủ trì, phối hợp, hướng dẫn, đôn đốc, giám sát và kiểm tra tất cả các đơn vị liên quan trong Đại học Quốc gia Hà Nội làm tốt công tác tư tưởng, quán triệt để cán bộ, sinh viên hiểu đúng và đầy đủ về mục đích, lợi ích, thuận lợi, khó khăn, thách thức của đào tạo theo mô hình đào tạo (1+a), đồng thời đề xuất và triển khai các giải pháp khắc phục để tạo sự đồng thuận cao, trách nhiệm cao, quyết tâm thực hiện Nhiệm vụ chiến lược.

b) Ban Đào tạo

- Là đầu mối chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc triển khai đào tạo theo mô hình đào tạo (1+a);

- Quản lý và cung cấp các số liệu, dữ liệu và yêu cầu chất lượng đào tạo;

- Chỉ đạo và thường xuyên giám sát, kiểm tra công tác đào tạo, chủ động phát hiện vấn đề vướng mắc, đề xuất giải pháp giải quyết và báo cáo Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về tình hình triển khai và kết quả đào tạo theo mô hình đào tạo (1+a) của các đơn vị;

c) Trung tâm Truyền thông và Quan hệ công chúng triển khai các hoạt động đa dạng, hấp dẫn, phù hợp (bản tin, trang web và các hình thức thông tin phù hợp khác) để tuyên truyền về Nhiệm vụ chiến lược, về mô hình đào tạo (1+a) đến tất cả các bên liên quan để tạo sự đồng thuận, quyết tâm thực hiện thật tốt mô hình đào tạo này;

d) Công đoàn các cấp thực hiện theo sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy Đại học Quốc gia Hà Nội trong việc tham gia và chỉ đạo Ban Chấp hành Công đoàn của các đơn vị liên quan làm tốt công tác tư tưởng cho cán bộ, giảng viên hiểu rõ lợi ích, mục tiêu nội dung, khó khăn, thuận lợi, đồng thời đề xuất các giải pháp phù hợp giải quyết các vướng mắc trong quá trình triển khai để tạo sự đồng thuận cao, trách nhiệm cao và quyết tâm thực hiện tốt mô hình đào tạo (1+a);

e) Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội sinh viên thực hiện theo sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy Đại học Quốc gia Hà Nội trong việc phổ biến, quán triệt đến từng người học về ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng, lợi ích, thuận lợi, khó khăn, thách thức, tạo được sự đồng thuận cao, trách nhiệm cao và quyết tâm cao thực hiện thắng lợi mô hình đào tạo (1+a); hướng dẫn việc thành lập, xây dựng cơ chế vận hành tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội sinh viên của các lớp khóa học và lớp môn học cho sinh viên năm thứ nhất và các năm tiếp theo; đôn đốc kiểm tra sinh viên học tập, rèn luyện đáp ứng yêu cầu của Quy chế đào tạo đại học ở ĐHQGHN và Quy định này; tham gia xử lý kỷ luật kịp thời đối với sinh viên vi phạm quy chế đào tạo và rèn luyện.

Điều 16. Tổ chức giảng dạy tiếng Anh

1. Tổ chức giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên năm thứ nhất

a) Chương trình dạy tiếng Anh được thiết kế để hết năm thứ nhất sinh viên đạt chuẩn 5,5 IELTS hoặc tương đương, làm cơ sở để sinh viên học chuyên môn bằng tiếng Anh và khi tốt nghiệp sinh viên đạt chuẩn 6,0 IELTS hoặc tương đương không phân biệt ngành học.

- Sinh viên có chứng chỉ 6,0 IELTS hoặc tương đương, còn giá trị trong thời hạn quy định thì không bắt buộc phải học tiếng Anh. Điểm tiếng Anh ghi vào bảng điểm xét học bổng và xét tốt nghiệp là điểm tối đa theo quy định của Thủ trưởng đơn vị;

- Sinh viên có chứng chỉ đạt chuẩn 5,5 IELTS hoặc tương đương còn giá trị trong thời hạn quy định sẽ phải học phần tiếng Anh học thuật và không bắt buộc phải học các học phần tiếng Anh chung. Điểm của phần tiếng Anh chung ghi vào bảng điểm xét tốt nghiệp là điểm tối đa theo quy định của Thủ trưởng đơn vị;

- Sinh viên có trình độ tiếng Anh đạt IELTS < 5,5 hoặc tương đương sẽ phải học tiếng Anh tăng cường tập trung trong năm thứ nhất (kể cả dịp hè) tại trường Đại học ngoại ngữ;

- Các sinh viên thuộc diện miễn học tiếng Anh được phép học vượt trước các môn chuyên môn hay tham gia nghiên cứu khoa học (với các khoá trên của cùng chương trình) để tích lũy các tín chỉ cần thiết theo quyết định của Thủ trưởng đơn vị.

b) Tổng số giờ học tiếng Anh đối với những sinh viên chưa đạt trình độ tiếng Anh theo yêu cầu là 900 tiết lên lớp. Trong đó 600 tiết được tổ chức dạy học theo chương trình và kế hoạch chung trong năm thứ nhất và sinh viên không phải đóng thêm học phí tiếng Anh. 300 tiết còn lại sinh viên phải học ở các lớp chính khoá ngoài giờ hoặc trong dịp hè;

c) Kế hoạch học tập, thời khóa biểu đảm bảo thời lượng và nội dung để sinh viên đạt chuẩn 5,5 IELTS hoặc tương đương và tích lũy tối thiểu 12 tín chỉ tiếng Anh, 04 tín chỉ đối với các môn học còn lại (như các môn cơ bản, cơ sở ngành, lý luận chính trị, giáo dục thể chất) trong 1 học kỳ;

d) Kết thúc năm học thứ nhất, các sinh viên có điều kiện và có nhu cầu, được Trường Đại học Ngoại ngữ phối hợp với các đơn vị tạo cơ hội đi thực hành tiếng Anh tại các trường đại học của nước nói tiếng Anh bằng kinh phí cá nhân, vào thời gian thích hợp không ảnh hưởng đến kế hoạch học tập. Trong toàn khoá học, các đơn vị có thể tổ chức cho sinh viên học từng môn hay từng học kỳ ở trường đại học đối tác. Kết quả học tập đó được chuyển đổi, tích lũy vào bảng điểm và xét tốt nghiệp.

2. Tổ chức giảng dạy tiếng Anh từ năm thứ hai trở đi

a) Từ năm thứ hai trở đi vẫn tiếp tục tổ chức học tiếng Anh học thuật để đảm bảo duy trì vốn kiến thức tiếng Anh đã tích lũy được trong năm thứ nhất và đảm bảo giúp sinh viên có thể học chuyên môn bằng tiếng Anh (nghe giảng, thảo luận, làm bài tập, kiểm tra, thi, viết tiểu luận, luận văn, bảo vệ luận văn tốt nghiệp) và đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh theo quy định;

b) Ở thời điểm bắt đầu vào học chuyên môn, đối với những sinh viên có trình độ tiếng Anh đạt chuẩn 6,0 IELTS hoặc tương đương thì được miễn học tiếng Anh học thuật, nhưng vẫn phải dự kỳ thi kiểm tra đầu ra tiếng Anh khi tốt nghiệp.

Điều 17. Tổ chức giảng dạy chuyên môn bằng tiếng Anh

1. Trừ các môn học chung gồm giáo dục quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất, lý luận chính trị, đối với khóa đầu tiên, các đơn vị phải giảng dạy các môn chuyên môn bằng tiếng Anh theo lộ trình tăng dần theo thời gian: tối thiểu một môn học ở học kỳ hai của năm thứ nhất, ít nhất 50% số môn học trong năm thứ hai và 100% môn học từ năm thứ ba trở đi. Đối với các ngành ngoại ngữ phải giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh ngay từ năm thứ nhất.

2. Đối với các ngành khoa học xã hội và nhân văn, trong trường hợp cần thiết, Thủ trưởng đơn vị báo cáo Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội để được áp dụng lộ trình chậm hơn: tăng dần từ ít nhất một môn học trong mỗi học kỳ của năm thứ hai, đến tối thiểu 50% số môn học trong năm thứ ba và 100% số môn học vào năm thứ tư.

3. Từ khóa thứ hai trở đi, tất cả các môn chuyên môn, trừ các môn giáo dục quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất, lý luận chính trị đều phải giảng dạy bằng tiếng Anh.

Điều 18. Giáo trình, tài liệu giảng dạy và học tập

1. Các đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế có trách nhiệm:

a) Cung cấp đề cương chi tiết bài giảng tiếng Anh, tài liệu hướng dẫn thảo luận, thực hành và nội dung tự học, tự nghiên cứu (trừ các môn giáo dục quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất, lý luận chính trị) cho sinh viên trước khi học kỳ bắt đầu 1 tuần;

b) Lập và gửi danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo của từng môn học trong chương trình đào tạo theo lộ trình thời gian phù hợp và gửi cho Trung tâm Thông tin - Thư viện mua theo kế hoạch ngân sách hàng năm;

c) Chủ trì việc biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy thông thường và bài giảng điện tử theo tiêu chuẩn SCORM;

d) Xây dựng kế hoạch xuất bản giáo trình mới biên soạn đáp ứng yêu cầu chương trình đạt chuẩn quốc tế và có kế hoạch trao đổi giáo trình với trường đại học đối tác và các đơn vị khác trong và ngoài nước.

3. Trung tâm Thông tin - Thư viện có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị mua sắm đúng, nhanh chóng và đảm bảo có đủ giáo trình, tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh của trường đại học đối tác đang sử dụng và các giáo trình, tài liệu tham khảo khác (trong đó có tạp chí chuyên ngành) bằng tiếng Anh và tiếng Việt đáp ứng yêu cầu của chương trình đạt chuẩn quốc tế và mục tiêu đào tạo; đảm bảo mỗi sinh viên có được một bộ giáo trình, tài liệu tham khảo (mỗi môn học có tối thiểu 1 giáo trình, tài liệu tham khảo) trước khi vào học ít nhất 1 tuần;

b) Quản lý, sử dụng hiệu quả hệ thống học liệu ở dạng in và số hóa theo yêu cầu của các chương trình đạt chuẩn quốc tế;

c) Xây dựng tủ sách đáp ứng yêu cầu giảng dạy, nghiên cứu, dịch vụ khoa học và chuyển giao công nghệ của Nhiệm vụ chiến lược (gọi là tủ sách đạt chuẩn quốc tế);

d) Hướng dẫn thủ tục thanh toán các giáo trình, tài liệu tham khảo cho từng môn học trong chương trình đào tạo mà các đơn vị đã mua bằng kinh phí của đề án thành phần theo ủy quyền của Trung tâm Thông tin - Thư viện.

3. Tất cả tư liệu phục vụ giảng dạy và học tập phải được đưa vào hệ thống quản lý của Trung tâm Thông tin Thư viện và các đơn vị. Trung tâm Thông tin - Thư viện thống nhất quản lý và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho việc sử dụng toàn bộ hệ thống giáo trình, tài liệu tham khảo theo yêu cầu của các đơn vị.

Điều 19. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Áp dụng phương pháp dạy học tiên tiến đang được áp dụng ở các trường đại học có uy tín trên thế giới một cách hiệu quả và phù hợp với điều kiện của đơn vị và của Đại học Quốc gia Hà Nội theo hướng phát triển tầm nhìn, phẩm chất, năng lực, kiến thức, kỹ năng, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, nâng cao khả năng thực hành, nghiên cứu, ứng

dụng thực tế, khả năng làm việc theo nhóm, các kỹ năng sống và kỹ năng nghề nghiệp khác cho sinh viên.

2. Đối với các môn giáo dục quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất, lý luận chính trị, sinh viên có thể đăng ký học chung với các chương trình đào tạo chính quy khác theo kế hoạch phân công chung của Đại học Quốc gia Hà Nội, trên nguyên tắc đảm bảo khối lượng kiến thức, yêu cầu của các môn học và giảng dạy theo phương pháp mới (tăng thời gian tự nghiên cứu, thảo luận có hướng dẫn và được đánh giá). Sử dụng các trang thiết bị truyền thông và hiện đại, các phần mềm chuyên dụng vào việc giảng dạy, học tập và quản lý.

3. Các đơn vị thực hiện chế độ trợ giảng, cố vấn học tập để trợ giúp, tư vấn và hướng dẫn sinh viên trong học tập, nghiên cứu khoa học, rèn luyện tư tưởng, đạo đức, tác phong và lối sống.

4. Các đơn vị tăng cường mời các nhà khoa học, doanh nhân, các nhà lãnh đạo quản lý, các chuyên gia ngoài đơn vị có đủ điều kiện về trình độ học vấn và phương pháp đào tạo tham gia giảng dạy, hoàn thiện chương trình đào tạo, biên soạn bài giảng, hướng dẫn thực hành, thực tập tại các cơ sở chuyên môn, hướng dẫn sinh viên thực hiện khóa luận và thực hiện nội dung đào tạo theo yêu cầu của người sử dụng.

5. Các đơn vị cho phép và tạo điều kiện để sinh viên được thực hành và học tập thực tế ở các cơ sở chuyên môn ngoài Đại học Quốc gia Hà Nội như: các cơ sở nghiên cứu, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, các cơ quan, đơn vị, tổ chức phù hợp với yêu cầu đào tạo chương trình đạt chuẩn quốc tế.

Điều 20. Nghiên cứu khoa học của sinh viên

1. Nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ bắt buộc đối với sinh viên trong quá trình đào tạo. Các hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên được tổ chức dưới các hình thức khảo sát thực địa, thực nghiệm khoa học trong phòng thí nghiệm, tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu hoặc triển khai ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ vào thực tiễn của các cán bộ trong và ngoài đơn vị.

2. Các đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế tổ chức và quản lý công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên thông qua giao nhiệm vụ, nghiên cứu cụ thể cho từng sinh viên thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học, báo cáo tại hội nghị khoa học sinh viên hàng năm và các hoạt động khoa học khác của đơn vị. Mỗi nhóm gồm 05 sinh viên có tối thiểu 01 cố vấn học tập và từng sinh viên được bố trí tham gia tìm hiểu, nghiên cứu khoa học với các nhà khoa học có uy tín trong và ngoài nước.

3. Công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên từ năm thứ nhất đến năm thứ ba được coi như một niên luận hoặc tiểu luận. Sản phẩm nghiên cứu khoa học của sinh viên được thể hiện trong báo cáo khoa học tại hội nghị, hội thảo, xêmina chuyên đề, các bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí chuyên ngành. Sinh viên phải viết và trình bày báo cáo khoa học bằng tiếng Anh.

4. Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức đánh giá và trao giải thưởng cho các công trình Nghiên cứu khoa học xuất sắc của sinh viên toàn Đại học Quốc gia Hà Nội. Giải thưởng của công trình nghiên cứu khoa học sinh viên được quy về điểm theo quy định hiện hành để cộng vào điểm trung bình học tập mở rộng của học kỳ, của năm học và của toàn khoá, đồng thời được tính đến khi xét học bổng, xét chuyển tiếp vào bậc sau đại học và các quyền lợi khác. Mức điểm thưởng được áp dụng theo Quy chế đào tạo đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 21. Phương thức kiểm tra, đánh giá và chuyển đổi

1. Kiểm tra, đánh giá

a) Các đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế xây dựng phương pháp kiểm tra, đánh giá đối với bậc đại học theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và kết hợp vận dụng kinh nghiệm của trường đại học đối tác, có điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện của Đại học Quốc gia Hà Nội;

b) Kết hợp việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ với việc thi hết môn học theo quy định được công bố trước khi bắt đầu khoá học. Mọi hình thức kiểm tra, đánh giá phải được thực hiện theo quy trình tiên tiến và với bộ công cụ (bài tập, đề thi và các công cụ khác) hợp lý để đánh giá và xếp hạng được sinh viên về năng lực và kết quả học tập;

c) Tổ chức cho sinh viên đánh giá việc giảng dạy của giảng viên. Giảng viên có trách nhiệm xử lý, tập hợp các ý kiến phản hồi của sinh viên để cải tiến, nâng cao chất lượng, hiệu quả giảng dạy, học tập.

2. Chuyển đổi

a) Sinh viên các chương trình đạt chuẩn quốc tế sẽ không được tiếp tục theo học nếu:

- Vi phạm nội quy, quy chế sinh viên, có biểu hiện không trung thực trong học tập, thi cử hoặc vi phạm pháp luật;

- Không đạt yêu cầu theo quy định của Quy chế đào tạo đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội.

b) Sinh viên không đủ điều kiện tiếp tục theo học chương trình đạt chuẩn quốc tế do vi phạm Quy chế đào tạo đại học ở ĐHQGHN, sau khi chịu các hình thức xử lý theo quy chế (trừ trường hợp bị buộc thôi học) và sinh viên không đủ điều kiện tiếp tục theo học do không đạt yêu cầu so với quy chế đào tạo, không đạt chuẩn 5,5 IELTS tiếng Anh sau năm thứ nhất hoặc quy định của các đơn vị được phép chuyển sang học ngành phù hợp của đơn vị. Cách thức chuyển ngành học cho các sinh viên này do Thủ trưởng đơn vị quyết định và báo cáo Ban chỉ đạo.

c) Các trường hợp khác thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội

Điều 22. Bằng tốt nghiệp

1. Sinh viên các chương trình đạt chuẩn quốc tế được cấp bằng tốt nghiệp nếu thỏa mãn các điều kiện sau:

a) Hoàn thành chương trình đào tạo;

b) Đạt chuẩn tiếng Anh 6,0 IELTS hoặc tương đương;

c) Đáp ứng các yêu cầu khác theo Quy chế đào tạo đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Bằng tốt nghiệp chương trình đạt chuẩn quốc tế được ghi theo hệ đào tạo quốc tế tương ứng kèm theo bảng điểm. Phần tiếng Anh ghi là International Standard Program.

a) Sinh viên chương trình đào tạo tài năng, chương trình đào tạo tiên tiến hoàn thành đầy đủ chương trình đạt chuẩn quốc tế và các môn học dành riêng cho chương trình đào tạo tài năng, chương trình đào tạo tiên tiến được cấp bằng tương ứng cử nhân khoa học tài năng, đào tạo theo chương trình đạt chuẩn quốc tế và chương trình tiên tiến đạt chuẩn quốc tế;

b) Bằng tốt nghiệp chương trình đạt chuẩn quốc tế được coi như bằng tốt nghiệp đại học tại các nước nói tiếng Anh khi xét các điều kiện liên quan đến trình độ tiếng Anh và chuyên môn để học tiếp ở bậc cao hơn ở Đại học Quốc gia Hà Nội;

c) Khuyến khích các đơn vị có đề án thành phần đạt được thỏa thuận với các trường đại học đối tác để sinh viên tốt nghiệp có thể nhận hai bằng (double degree): một bằng của Đại học Quốc gia Hà Nội và một bằng của trường đại học đối tác.

Chương V

ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

Điều 23. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Phù hợp với Quy chế đào tạo sau đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội về khối lượng kiến thức tối thiểu, về thời gian đào tạo;

b) Kế thừa nội dung, phương pháp giảng dạy, quy trình tổ chức và quản lý đào tạo của chương trình đào tạo phù hợp của trường đại học đối tác, phát huy thế mạnh khoa học của đơn vị, của Đại học Quốc gia Hà Nội; đạt mức độ cao nhất theo các tiêu chí kiểm định chất lượng của Đại học Quốc gia Hà Nội;

c) Về cấu trúc của chương trình đào tạo

- Khối kiến thức chung theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó kiến thức tiếng Anh đạt yêu cầu của Nhiệm vụ chiến lược, được đào tạo theo phương pháp và thời gian phù hợp, tạo tiền đề tốt cho việc đào tạo chuyên môn bằng ngoại ngữ ở giai đoạn sau;

- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành do đơn vị có đề án thành phần chủ trì xây dựng dựa vào chương trình đào tạo thạc sỹ định hướng nghiên cứu và tiến sỹ của các trường đại học đối tác, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước;

- Kỹ năng mềm được phát triển thông qua phương thức đào tạo trực tuyến, dạy học các môn chuyên môn, giao tiếp ngôn ngữ, giao tiếp liên ngành, các hoạt động đoàn thể và các hoạt động khác;

- Được thể hiện ở hai dạng: theo cấu trúc chương trình đào tạo phù hợp với Quy chế đào tạo sau đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội và theo cấu trúc chương trình đào tạo của trường đại học đối tác. Chương trình đào tạo ở cả hai dạng đều được dịch ra tiếng Anh.

d) Được xây dựng theo quy trình do Đại học Quốc gia Hà Nội quy định, trong đó có dựa vào chuẩn đầu ra và bằng phương pháp CDIO.

2. Hội đồng khoa học và đào tạo các đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế lựa chọn chương trình đào tạo của trường đại học đối tác phù hợp nhất với mục tiêu, yêu cầu của Nhiệm vụ chiến lược, cũng như nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của Việt Nam, điều kiện thực tế của Đại học Quốc gia Hà Nội và đơn vị thông qua việc tổ chức các hội thảo để phân tích, đánh giá chương trình của trường đại học đối tác và lấy ý kiến thẩm định nội dung, chuẩn đầu ra. Sau đó bổ sung các môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ liên quan và Đại học Quốc gia Hà Nội, các môn học mới theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước. Đồng thời điều chỉnh một số môn học trong chương trình của trường đại học đối tác phù hợp với Việt Nam.

3. Tích hợp chương trình đào tạo thuộc các chương trình TRIG, 165, 911 và các chương trình khác vào chương trình đạt chuẩn quốc tế ở dạng thứ hai nói trên, bổ sung thêm các môn học và những nội dung dành riêng trong chương trình tương ứng mà chưa có trong chương trình đào tạo của Nhiệm vụ chiến lược. Nếu những môn học, nội dung này trong chương trình đào tạo của TRIG, 165, 911 và các chương trình khác trùng với môn học, nội dung trong chương trình Nhiệm vụ chiến lược thì vẫn đánh dấu tương ứng là T*, 165*, 911* cho môn học nâng cao hoặc đánh dấu T**, 165**, 911** cho những môn học mới. Những học viên cao học, nghiên cứu sinh của chương trình TRIG, 165, 911 và các chương trình khác phải học tất cả các môn học của chương trình đào tạo Nhiệm vụ chiến lược và các môn học có ký hiệu bổ sung này để được cấp bằng thạc sĩ, tiến sĩ ở các chuyên ngành thuộc Nhiệm vụ chiến lược. Bố trí học các môn học dành riêng cho chương trình đào tạo TRIG, 165, 911 và các chương trình khác vào học kỳ hè hoặc vào các thời gian khác phù hợp để đảm bảo tổng thời gian đào tạo vẫn là 2 năm đối với thạc sĩ và 3 năm đối với tiến sĩ.

4. Đơn vị chương trình đạt chuẩn quốc tế chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc chương trình đào tạo đã được ban hành. Nếu cần có sự thay đổi, Thủ trưởng đơn vị phải báo cáo và được Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt mới triển khai.

5. Không tổ chức đào tạo chương trình đào tạo của hệ chuẩn tương ứng.

Điều 24. Tuyển sinh

Công tác tuyển sinh dựa vào kết quả tuyển sinh sau đại học của Đại học Quốc gia Hà Nội trong cùng năm và thực hiện như sau:

1. Đối tượng đăng ký nguyện vọng trực tiếp vào các chương trình đạt chuẩn quốc tế (bậc sau đại học)

a) Tuyển thẳng: Những thí sinh đủ điều kiện chuyển tiếp cao học hoặc nghiên cứu sinh theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội;

b) Thi tuyển: Thí sinh có kết quả thi tuyển sinh sau đại học (cao học hoặc nghiên cứu sinh) từ điểm chuẩn của chuyên ngành đào tạo tương ứng trở lên.

2. Đối tượng được xét tuyển bổ sung

a) Thí sinh trúng tuyển vào các chuyên ngành khác có cùng đối tượng tuyển sinh và môn thi tuyển sinh trong kỳ thi tuyển sinh sau đại học của Đại học Quốc gia Hà Nội nếu có nguyện vọng có thể được tuyển bổ sung vào chương trình đạt chuẩn quốc tế tương ứng. Ưu tiên các thí sinh có kết quả thi tuyển sinh cao, có năng lực nghiên cứu, có trình độ tiếng Anh tốt và có đủ các điều kiện khác theo quy định của các Ban điều hành Nhiệm vụ chiến lược, đặc biệt là các sinh viên đã tốt nghiệp các chương trình đào tạo tài năng, chương trình đào tạo tiên tiến, các chương trình đạt chuẩn quốc tế (bậc đại học), chương trình đào tạo chất lượng cao. Xét tuyển theo điểm các tiêu chí từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu;

b) Đối với những ngành dễ tuyển thì trình độ ngoại ngữ của học viên cao học, nghiên cứu sinh phải đạt chuẩn đầu vào là 5,5 IELTS. Nếu không đạt chuẩn này, học viên cao học, nghiên cứu sinh phải tự đóng kinh phí để học tăng cường tiếng Anh tại Trường Đại học Ngoại ngữ trước khi vào học chuyên môn;

c) Người nước ngoài hoặc người Việt Nam ở nước ngoài được xét tuyển theo quy định của Quy chế đào tạo sau đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội.

3. Thông tin về tuyển sinh

Thông tin chi tiết về tuyển sinh các chương trình đạt chuẩn quốc tế bậc sau đại học được thông báo rộng rãi (trong đó có đưa lên trên trang web của Đại học Quốc gia Hà Nội và của các đơn vị) sớm hơn hoặc cùng với thông báo tuyển sinh sau đại học hàng năm. Các đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế cần thực hiện tốt công tác quảng bá thông tin để thu hút thí sinh giỏi vào học.

Điều 25. Quy mô đào tạo

1. Để đảm bảo chất lượng đào tạo, khoá đầu tiên của mỗi chương trình đào tạo thạc sĩ chỉ được tổ chức khi một lớp có tối đa 25 học viên đối với các chuyên ngành thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên, công nghệ, kinh tế, khoa học xã hội và nhân văn; 15 học viên đối với chuyên ngành ngoại ngữ (nếu có). Các khoá đào tạo tiến sĩ đầu tiên không vượt quá 10 học viên cho một chuyên ngành.

2. Sau khi hoàn thành khoá đào tạo đầu tiên, những chuyên ngành đảm bảo được việc nâng cao chất lượng sẽ được mở rộng quy mô đào tạo phù hợp với điều kiện đảm bảo chất lượng.

3. Trong trường hợp có thay đổi quy mô đào tạo, Thủ trưởng đơn vị phải báo cáo và chỉ thực hiện khi được Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt.

Điều 26. Ngôn ngữ giảng dạy và học tập

Ngôn ngữ được dùng để giảng dạy và học tập là tiếng Anh và tiếng Việt. Các môn học chuyên môn của chuyên ngành, các chuyên đề tiến sĩ trong chương trình đạt chuẩn quốc tế chủ yếu là tiếng Anh. Trường hợp sử dụng ngôn ngữ không phải tiếng Anh, đơn vị có chương

trình đạt chuẩn quốc tế phải có văn bản giải trình và được Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt trước khi thực hiện.

Điều 27. Tổ chức giảng dạy tiếng Anh

1. Trong học kỳ thứ nhất

Đối với những học viên cao học, nghiên cứu sinh có trình độ tiếng Anh chưa đạt chuẩn 5,5 IELTS, trước khi học chuyên môn phải học tiếng Anh tăng cường tập trung theo trình độ do Trường Đại học Ngoại ngữ tổ chức trong học kỳ thứ nhất. Nội dung, phương pháp, thời lượng, thời gian và địa điểm học do Trường Đại học Ngoại ngữ quyết định; các đơn vị chương trình đạt chuẩn quốc tế, học viên cao học và nghiên cứu sinh có trách nhiệm thực hiện.

2. Từ học kỳ thứ hai

a) Chương trình dạy tiếng Anh nâng cao được tiếp tục bố trí thêm vào các học kỳ thứ hai trở đi để giúp học viên cao học, nghiên cứu sinh đạt trình độ tiếng Anh 6,0 IELTS hoặc tương đương khi tốt nghiệp.

Trường Đại học Ngoại ngữ chủ trì, phối hợp với các đơn vị tổ chức nâng cao trình độ tiếng Anh chung cho người học bằng các giải pháp thích hợp theo yêu cầu của từng chuyên ngành.

b) Ở thời điểm bắt đầu vào học chuyên môn, đối với những học viên, nghiên cứu sinh đã đạt trình độ tiếng Anh 6,0 IELTS hoặc tương đương được miễn học tiếng Anh nâng cao, nhưng vẫn phải dự kỳ thi kiểm tra đầu ra tiếng Anh khi tốt nghiệp.

Điều 28. Tổ chức giảng dạy chuyên môn bằng tiếng Anh

1. Các môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, các chuyên đề tiên sĩ trong chương trình đạt chuẩn quốc tế chủ yếu được bố trí từ học kỳ hai.

2. Đối với các chuyên ngành khoa học tự nhiên, công nghệ và kinh tế, tất cả các môn học phải được giảng dạy bằng tiếng Anh. Đối với một số chuyên ngành thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn có đặc thù, Thủ trưởng đơn vị đề nghị và Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội xem xét, quyết định việc áp dụng lộ trình giảng dạy chuyên môn bằng tiếng Anh chậm hơn, nhưng ít nhất phải đảm bảo tất cả các môn học trong năm thứ hai (đối với chương trình đào tạo thạc sỹ) và các chuyên đề tiên sỹ đều được giảng dạy bằng tiếng Anh, thảo luận, viết báo cáo, viết luận văn, luận án và bảo vệ bằng tiếng Anh.

3. Sau khóa đào tạo đầu tiên, tất cả các môn học chuyên môn phải giảng dạy bằng tiếng Anh. Người nước ngoài giỏi tiếng Anh và tiếng Việt có thể bảo vệ luận văn, luận án bằng tiếng Việt, nhưng luận văn, luận án vẫn phải viết bằng tiếng Anh; trường hợp đặc biệt do Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quy định.

4. Đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế có trách nhiệm liên hệ, hỗ trợ học viên cao học và nghiên cứu sinh đi học tập, trao đổi và thực tập khoa học ở trường đại học đối tác hay đại học khác tương đương thuộc các nước nói tiếng Anh bằng kính phí cá nhân; tạo điều kiện cho học viên cao học và nghiên cứu sinh tham gia nghiên cứu, viết và gửi đăng báo khoa học

bằng tiếng Anh cho các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước, tham dự hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế.

Điều 29. Giáo trình, tài liệu giảng dạy và học tập

1. Giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy, nghiên cứu phải được đảm bảo như theo quy định đối với đào tạo đại học nêu ở Điều 18 của Quy định này.

2. Các đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế phải xây dựng kế hoạch bổ sung các tạp chí chuyên ngành, tài liệu chuyên khảo và các tài liệu có tính đặc thù cho việc tổ chức đào tạo bậc sau đại học và chuyển cho Trung tâm Thông tin - Thư viện mua.

3. Các đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế chịu trách nhiệm tập hợp kết quả đề tài nghiên cứu điển hình, bài tập tình huống hoặc các nội dung khoa học từ kết quả của các đề tài nghiên cứu khác để phục vụ công tác giảng dạy, học tập.

Điều 30. Tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học

1. Các đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế thực hiện tốt việc tích hợp đào tạo sau đại học và nghiên cứu khoa học.

2. Tất cả học viên cao học và nghiên cứu sinh thuộc Nhiệm vụ chiến lược phải tham gia các hoạt động giảng dạy hoặc hỗ trợ giảng dạy đại học tương ứng (nếu có) và tham gia nghiên cứu khoa học theo yêu cầu và bố trí của Thủ trưởng đơn vị hoặc chủ nhiệm khoa, bộ môn, trưởng phòng thí nghiệm được uỷ quyền. Nhiệm vụ này phải được thông báo cho học viên cao học và nghiên cứu sinh sau khi kết thúc học kỳ thứ nhất.

3. Các đơn vị, cán bộ hướng dẫn, các chủ nhiệm đề tài, dự án khoa học và công nghệ tạo điều kiện thuận lợi nhất (về tài chính, cơ sở vật chất và các điều kiện khác) giao nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể cho từng học viên cao học và nghiên cứu sinh trực tiếp thực hiện trong các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và công nghệ, khảo sát và nghiên cứu thực tế, viết báo cáo khoa học gửi đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước hoặc báo cáo tại các hội nghị khoa học.

4. Học viên cao học và nghiên cứu sinh phải trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu, kết quả thực hiện luận văn, luận án bằng tiếng Anh định kỳ hàng tháng với tập thể giảng viên hướng dẫn, định kỳ 3 tháng với bộ môn hoặc phòng thí nghiệm và 6 tháng với Thủ trưởng đơn vị.

5. Luận án tiến sĩ được bảo vệ trước hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp nhà nước có các nhà khoa học uy tín trong nước và ngoài nước tham gia phân biện và làm thành viên hội đồng.

Điều 31. Phương thức kiểm tra, đánh giá và chuyển đổi

1. Kiểm tra đánh giá

Các đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế xây dựng phương pháp kiểm tra, đánh giá theo qui định của Đại học Quốc gia Hà Nội, đồng thời kết hợp vận dụng kinh nghiệm của trường đại học đối tác có điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện của Đại học Quốc gia Hà Nội, tương tự như đã nêu ở khoản 1, Điều 21 của Quy định này, kể cả việc đánh giá môn học.

2. Chuyển đổi

a) Học viên cao học và nghiên cứu sinh các chuyên ngành đào tạo đạt chuẩn quốc tế sẽ không được tiếp tục theo học nếu:

- Không đạt yêu cầu theo quy định của Quy chế đào tạo sau đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội, cũng như các quy định liên quan của Đại học Quốc gia Hà Nội và của đơn vị có Chương trình đạt chuẩn quốc tế;

- Có biểu hiện không trung thực trong học tập, thi cử hoặc vi phạm pháp luật;

- Không tham gia sinh hoạt chuyên môn quá 6 tháng, không báo cáo về tiến độ và kết quả nghiên cứu, chuyển sang học chương trình đào tạo khác tương ứng.

b) Các học viên cao học và nghiên cứu sinh không đủ điều kiện tiếp tục theo học chương trình đạt chuẩn quốc tế do vi phạm Quy chế đào tạo sau đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội sau khi chịu các hình thức xử lý theo quy định (trừ trường hợp bị buộc thôi học) hoặc không đủ điều kiện tiếp tục theo học do không đạt yêu cầu của các quy định liên quan khác của Đại học Quốc gia Hà Nội và của đơn vị hoặc không đạt trình độ tiếng Anh theo quy định sau khi học tập tăng cường có thể được phép chuyển sang học chuyên ngành khác phù hợp (có cùng đối tượng dự thi, môn thi tuyển sinh, và các điều kiện liên quan khác) của đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế quản lý (nếu có). Cách thức chuyển chuyên ngành học cho các học viên này do Thủ trưởng đơn vị quyết định và báo cáo Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 32. Bằng tốt nghiệp

1. Học viên cao học và nghiên cứu sinh ở các chuyên ngành thuộc Nhiệm vụ chiến lược sẽ được cấp bằng tốt nghiệp nếu thoả mãn các điều kiện sau:

a) Bằng thạc sĩ

- Hoàn thành chương trình đào tạo;

- Có ít nhất 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín;

- Đạt chuẩn tiếng Anh 6,0 IELTS hoặc tương đương;

- Đáp ứng các yêu cầu khác của Quy chế đào tạo sau đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội.

b) Bằng tiến sĩ

- Hoàn thành chương trình đào tạo;

- Đối với các ngành khoa học tự nhiên, công nghệ có ít nhất 1 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành quốc tế có uy tín. Đối với các ngành khoa học xã hội và nhân văn có ít nhất 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín ở trong nước; khuyến khích người học thuộc các lĩnh vực này có bài báo được đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành quốc tế có uy tín;

- Đạt chuẩn tiếng Anh 6,0 IELTS hoặc tương đương;

- Đáp ứng các yêu cầu khác theo Quy chế đào tạo sau đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Bằng thạc sĩ, tiến sĩ

Bằng thạc sĩ và tiến sĩ của các chuyên ngành đào tạo đạt chuẩn quốc tế được ghi theo hệ đào tạo quốc tế tương ứng kèm theo bảng điểm. Phần tiếng Anh ghi là International Standard Program.

Bằng tốt nghiệp chương trình đào tạo bậc thạc sĩ đạt chuẩn quốc tế được coi như bằng tốt nghiệp thạc sĩ tại nước nói tiếng Anh khi xét các điều kiện liên quan đến trình độ tiếng Anh và chuyên môn để học tiếp ở bậc tiến sĩ ở Đại học Quốc gia Hà Nội.

Khuyến khích các đơn vị có đề án thành phần đạt được thỏa thuận với trường đại học đối tác để học viên cao học và nghiên cứu sinh tốt nghiệp có thể nhận 2 bằng, một bằng của Đại học Quốc gia Hà Nội và một bằng của trường đại học đối tác.

Chương VI

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 33. Nhiệm vụ của hoạt động khoa học và công nghệ thuộc đề án thành phần

1. Phục vụ mục tiêu, sản phẩm của đề án thành phần; góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đại học, sau đại học thông qua việc tích hợp đào tạo và nghiên cứu khoa học.
2. Bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của giảng viên và cán bộ khoa học; thu hút các nhà khoa học giỏi ở trong nước và quốc tế tham gia nghiên cứu khoa học và đào tạo.
3. Xây dựng và phát triển nhóm nghiên cứu, trường phái khoa học đạt trình độ quốc tế.
4. Tạo ra các sản phẩm khoa học và công nghệ tiêu biểu của quốc gia và đạt trình độ quốc tế.
5. Mở rộng hợp tác với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, địa phương trong và ngoài nước để phát triển các nguồn lực tài chính cho phát triển ĐHQGHN, thực hiện Nhiệm vụ chiến lược.
6. Làm tiền đề phát triển các bộ môn, khoa, trường đại học, viện, trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế.

Điều 34. Phương thức thực hiện

1. Hoạt động khoa học và công nghệ của đề án thành phần được tổ chức thực hiện thông qua triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ như các hội thảo, hội nghị, đề tài, dự án khoa học và công nghệ các cấp, các dự án hợp tác quốc tế, đăng ký patent, xuất bản, thông tin khoa học và công nghệ như đã quy định tại Hướng dẫn về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ ở Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Khi xây dựng đề án thành phần, Thủ trưởng đơn vị, Hội đồng ngành, liên ngành Đại học Quốc gia Hà Nội, Hội đồng khoa học và đào tạo của các trường đại học và khoa trực thuộc xác định hướng hoạt động khoa học và công nghệ, ưu tiên của ngành, chuyên ngành, xác định các nhóm nghiên cứu mạnh cần được ưu tiên đầu tư phát triển từ tất cả các nguồn kinh phí khác nhau, phù hợp với thể mạnh đặc thù của đơn vị, của khoa, bộ môn trực thuộc và

hướng nghiên cứu ưu tiên của Nhà nước, của Đại học Quốc gia Hà Nội và có nhu cầu xã hội cao.

3. Mẫu phiếu đề xuất, hướng dẫn đề xuất nhiệm vụ và danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã đề xuất được công bố công khai trên trang web của Đại học Quốc gia Hà Nội và của các đơn vị để toàn thể cán bộ và người học biết, tham gia đề xuất và cho ý kiến về các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được đề xuất.

4. Việc đề xuất, tuyển chọn các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc các ngành và chuyên ngành đạt chuẩn quốc tế phải tuân thủ đúng các quy định của Nhà nước và của Đại học Quốc gia Hà Nội. Ban Khoa học Công nghệ chỉ đạo các đơn vị xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ của đề án thành phần theo từng năm trên cơ sở tích hợp các nguồn kinh phí khác nhau như ngân sách nghiên cứu khoa học và công nghệ, từ các đề án hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ, các đề tài khoa học và công nghệ cấp Nhà nước do Đại học Quốc gia Hà Nội và các đơn vị quản lý, các đề án TRIG, các chương trình Nhà nước như chương trình 911, 165, dự án đầu tư chiều sâu, tăng cường năng lực và các chương trình, dự án phù hợp khác.

5. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Nhiệm vụ chiến lược và các dự án khoa học và công nghệ khác có liên quan tới hướng nghiên cứu ưu tiên của đề án thành phần được ưu tiên trong quá trình tuyển chọn để thực hiện, căn cứ trên cơ sở đánh giá dự kiến sản phẩm đầu ra và khả năng đóng góp vào việc thực hiện hướng nghiên cứu ưu tiên của ngành, chuyên ngành. Ngoài nguồn kinh phí của các đề án, dự án này, các đơn vị cần đầu tư thêm hoặc kết hợp với kinh phí từ các nguồn khác để trực tiếp phục vụ cho việc xây dựng và phát triển ngành, chuyên ngành đạt chuẩn quốc tế.

6. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Nhà nước gắn liền với mục tiêu phục vụ các đề án thành phần, các đơn vị có trách nhiệm cùng với Đại học Quốc gia Hà Nội phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ban, ngành khác để thuyết minh, đảm bảo dành những ưu tiên hợp lý trong việc xét chọn, giao nhiệm vụ, đầu tư và đặc biệt sử dụng các kết quả khoa học nhằm phục vụ có hiệu quả nhất các đề án thành phần tại Đại học Quốc gia Hà Nội.

7. Trong quá trình tuyển chọn, Đại học Quốc gia Hà Nội và các đơn vị có trách nhiệm đặt ra các yêu cầu cao hơn về chất lượng, hiệu quả đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan trực tiếp đến đề án thành phần (so với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thông thường, cùng cấp quản lý), trong đó đóng góp mới về học thuật, tiếp cận trình độ quốc tế là yêu cầu bắt buộc và ưu tiên hàng đầu.

8. Các đơn vị có đề án thành phần có trách nhiệm mở rộng và phát triển hợp tác quốc tế trong hoạt động khoa học và công nghệ. Đại học Quốc gia Hà Nội tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các dự án hợp tác quốc tế. Các đơn vị chủ trì đề tài có trách nhiệm mời các nhà khoa học có uy tín quốc tế tham gia chủ trì, nghiên cứu, góp phần đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, xây dựng nhóm nghiên cứu đạt trình độ quốc tế. Đại học Quốc gia Hà Nội và các đơn vị

có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi nhất để việc hợp tác quốc tế đạt được kết quả cao nhất, thiết thực phục vụ các đề án thành phần. Đại học Quốc gia Hà Nội xem xét ưu tiên cấp kinh phí đối ứng, kinh phí cho đoàn ra, đoàn vào, hội thảo, hội nghị, đặc biệt là tạo điều kiện để ứng dụng kết quả từ hợp tác quốc tế.

9. Một số giải pháp đặc biệt

a) Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội bổ nhiệm các nhà khoa học đầu ngành đã nghỉ hưu hoặc không phải là cán bộ cơ hữu của Đại học Quốc gia Hà Nội, kể cả các nhà khoa học là người nước ngoài hoặc Việt kiều làm đồng chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc đề án thành phần. Việc bổ nhiệm những nhà khoa học này thực hiện thông qua hợp đồng lao động theo công việc giữa cơ quan quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cá nhân chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

b) Ngoài kinh phí và trang thiết bị đã được đầu tư trực tiếp theo hợp đồng của nhiệm vụ khoa học và công nghệ, các nhóm nghiên cứu phục vụ các đề án thành phần được ưu tiên sử dụng các phòng thí nghiệm và trang thiết bị khác của Đại học Quốc gia Hà Nội;

c) Đại học Quốc gia Hà Nội tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan và cá nhân chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ đề án thành phần được quyền chủ động tối đa trong việc sử dụng kinh phí đã được cấp để triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trong quá trình thực hiện, đặc biệt trong việc triển khai các nhóm nghiên cứu quốc tế, nếu có khó khăn, vướng mắc thì các cơ quan và cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ báo cáo trực tiếp với Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội để xem xét, giải quyết.

Điều 35. Bản quyền của các sản phẩm khoa học và công nghệ

1. Thực hiện đúng các quy định của Nhà nước và của Đại học Quốc gia Hà Nội về quản lý, sử dụng kết quả nghiên cứu, sản phẩm và cơ sở vật chất được hoàn thành trong khuôn khổ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Đại học Quốc gia Hà Nội và của các đề án thành phần.

2. Đại học Quốc gia Hà Nội và các đơn vị khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi, bao gồm cả việc hỗ trợ kinh phí để các cơ quan và cá nhân chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ công bố kết quả nghiên cứu ở trong và ngoài nước, đăng ký bằng phát minh, sáng chế, xuất bản thành sách chuyên khảo, giáo trình phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học ở Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 36. Thành viên tham gia các hoạt động khoa học và công nghệ

1. Đại học Quốc gia Hà Nội và các đơn vị tạo mọi điều kiện thuận lợi để sinh viên ít nhất từ năm thứ hai trở đi được tham gia nghiên cứu khoa học; sinh viên từ năm thứ 3 trở đi và học viên cao học, nghiên cứu sinh có thể trở thành thành viên của các nhóm nghiên cứu và tham gia thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo các quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Trong đề cương thuyết minh của đề tài, dự án, đề án nghiên cứu khoa học và công nghệ được đề xuất phải có dự trù chi tiết nhu cầu và kế hoạch sử dụng kinh phí, trang thiết bị,

trong đó phải dành tối thiểu 20% kinh phí khoán chi của đề tài, dự án, đề án nghiên cứu khoa học và công nghệ cho người học và cán bộ khoa học trẻ thực hiện một số nội dung của đề tài, dự án, đề án. Ưu tiên cho các đề tài, dự án, đề án có kế hoạch đóng góp vào việc phát triển nhóm nghiên cứu quốc tế, bồi dưỡng cán bộ đầu ngành, đầu đàn và thu hút được sự tham gia của những nhà khoa học có uy tín của trường đại học đối tác hoặc các cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học quốc tế.

3. Các Hội đồng ngành/liên ngành, Hội đồng khoa học và đào tạo của các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giới thiệu để các đơn vị có đề án thành phần thu hút các nhà khoa học có trình độ cao, các chuyên gia giỏi ở trong và ngoài nước tham gia giảng dạy, nghiên cứu, tư vấn, tham gia các hội nghị khoa học thuộc đề án thành phần.

Chương VII **NGƯỜI HỌC**

Điều 37. Nghĩa vụ của người học

1. Người học phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Quy chế đào tạo đại học và Quy chế đào tạo sau đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Cam kết tự nguyện, đồng thuận cao, trách nhiệm cao và quyết tâm với việc học tập, nghiên cứu đáp ứng yêu cầu của Nhiệm vụ chiến lược.

3. Cam kết tìm hiểu để có hiểu biết đầy đủ, sâu sắc về Nhiệm vụ chiến lược và thực hiện nghiêm túc Quy định này, cũng như thực hiện mọi nghĩa vụ theo các quy định của Nhà nước và của Đại học Quốc gia Hà Nội.

4. Khai báo đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin cá nhân trên mạng theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

5. Tất cả người học thuộc Nhiệm vụ chiến lược (trừ người học được đi học nước ngoài theo học bổng của chính phủ Việt Nam và chính phủ các nước, các tổ chức quốc tế) không tiếp tục theo học ngành, chuyên ngành đã được tuyển, phải bồi hoàn kinh phí đào tạo đã sử dụng. Mức bồi hoàn kinh phí do Thủ trưởng đơn vị có đề án thành phần quy định, thu và báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội.

6. Đối với sinh viên năm thứ nhất các chương trình đạt chuẩn quốc tế, ngoài việc thực hiện các nghĩa vụ quy định ở khoản 1,2,3, Điều 37 của Quy định này, còn có các nghĩa vụ sau:

a) Đạt chuẩn tiếng Anh theo yêu cầu và hoàn thành các môn cơ bản, cơ sở chuyên môn, lý luận chính trị, giáo dục quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất với chất lượng như khi học tại đơn vị có đề án thành phần;

b) Chấp hành nghiêm túc các quy định về chuyển đổi (quy định tại khoản 2 điều 21 của Quy định này).

7. Đối với học viên cao học, nghiên cứu sinh, ngoài việc thực hiện các nghĩa vụ quy định ở khoản 1,2,3, Điều 37 của Quy định này, còn có các nghĩa vụ sau:

a) Đạt trình độ tiếng Anh và tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của Quy định này;

b) Chấp hành nghiêm túc các quy định về chuyển đổi quy định tại khoản 2 điều 31 của Quy định này.

Điều 38. Quyền lợi của người học

1. Được hưởng mọi quyền lợi của người học tại Đại học Quốc gia Hà Nội, mọi chế độ chính sách và các quyền lợi đối với người học ngành, chuyên ngành chuyên môn theo quy định của các đơn vị.

2. Được hưởng các quyền lợi tương ứng của người học trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, học bổng, miễn giảm học phí nêu trong Quy định này.

3. Được hưởng quyền lợi của người học theo chương trình đào tạo tài năng, chương trình đào tạo tiên tiến, chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình TRIG, 165, 911 và các chương trình tương đương khác.

Chương VIII ĐỘI NGŨ CÁN BỘ

Điều 39. Yêu cầu phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý

Việc phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn quốc tế được thực hiện theo các yêu cầu sau:

1. Phải được ưu tiên đầu tư cao nhất từ các nguồn lực khác nhau và gắn với việc xây dựng trường phái khoa học, nhóm nghiên cứu mạnh/trung tâm nghiên cứu/phòng thí nghiệm theo mô hình trung tâm xuất sắc.

2. Áp dụng các giải pháp đột phá ở mức cao nhất phù hợp với quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị và của Đại học Quốc gia Hà Nội

3. Dựa vào hợp tác, liên thông, liên kết với các đơn vị, viện nghiên cứu, cơ quan quản lý, đơn vị, doanh nghiệp trong và ngoài nước;

4. Theo quy hoạch, kế hoạch hợp lý.

Điều 40. Tiêu chuẩn của giảng viên, cán bộ quản lý cơ hữu

1. Giảng viên cơ hữu (bao gồm viên chức ở ngạch giảng viên trở lên và giảng viên hợp đồng lao động có đóng bảo hiểm xã hội) tham gia thực hiện Nhiệm vụ chiến lược phải đạt các tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo qui định. Ngoài ra còn phải đáp ứng một số yêu cầu sau của Đại học Quốc gia Hà Nội:

a) Tiêu chuẩn chung

- Có hiểu biết cần thiết về quản trị đại học hiện đại;

- Có hiểu biết đầy đủ và sâu sắc về Nhiệm vụ chiến lược;

- Cam kết thực hiện nghiêm túc Quy định này.

b) Tiêu chuẩn riêng cho từng đối tượng giảng viên

- Giảng viên giảng dạy môn tiếng Anh tham gia đào tạo sinh viên năm thứ nhất chương trình đạt chuẩn quốc tế là các giảng viên ở trong và ngoài Trường Đại học Ngoại ngữ, có trình độ cao, có phương pháp giảng dạy tiên tiến và được Trường Đại học Ngoại ngữ thẩm định và mời giảng dạy;

- Giảng viên tham gia giảng dạy các môn giáo dục lý luận chính trị, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng an ninh cho sinh viên các chương trình đạt chuẩn quốc tế đạt các yêu cầu, tiêu chuẩn như đối với giảng viên dạy chương trình đào tạo hệ chuẩn;

- Giảng viên giảng dạy các môn chuyên môn, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, thực hiện khóa luận tốt nghiệp, ngoài các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

+ Có học vị từ tiến sĩ trở lên; giảng dạy và trao đổi chuyên môn bằng tiếng Anh hoặc ngoại ngữ khác theo yêu cầu của chương trình đạt chuẩn quốc tế; có năng lực và phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá, nghiên cứu tiên tiến;

+ Có năng lực và có khả năng tổ chức nghiên cứu khoa học, sẵn sàng làm việc trong một tập thể hoặc nhóm nghiên cứu của đơn vị và của Đại học Quốc gia Hà Nội; có mối quan hệ và có khả năng hợp tác với các nhà khoa học, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong và ngoài nước; luôn phấn đấu nâng cao trình độ khoa học và công nghệ hiện đại; thường xuyên chủ trì, tham gia đề tài nghiên cứu khoa học, hoặc có bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín, sách chuyên khảo, bằng phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích; tích cực góp phần xây dựng nhóm nghiên cứu, bồi dưỡng cán bộ khoa học và công nghệ giỏi của Đại học Quốc gia Hà Nội;

+ Sẵn sàng thực hiện và tuân thủ các yêu cầu đào tạo theo tín chỉ do Đại học Quốc gia Hà Nội quy định.

2. Cán bộ quản lý tham gia thực hiện Nhiệm vụ chiến lược bao gồm lãnh đạo ĐHQGHN và đơn vị; các thành viên Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược và Ban điều hành Nhiệm vụ chiến lược; Văn phòng và Tổ thư ký Ban Chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược; một số cán bộ, chuyên viên của Văn phòng, các Ban chức năng của ĐHQGHN, các phòng, bộ phận chức năng các đơn vị có đề án thành phần; điều phối viên, cán bộ quản lý trực tiếp tại các đề án thành phần; Giám đốc đề án thành phần; giảng viên kiêm nhiệm công tác quản lý (kể cả cán bộ đã tuyển dụng vào ngạch viên chức và cán bộ ký hợp đồng lao động có đóng bảo hiểm xã hội) phải đạt các tiêu chuẩn và thực hiện các nghĩa vụ do Bộ Giáo dục và Đào tạo qui định. Ngoài ra còn phải đáp ứng một số yêu cầu sau của Đại học Quốc gia Hà Nội:

a) Có hiểu biết đầy đủ, sâu sắc về Nhiệm vụ chiến lược;

b) Cam kết thực hiện nghiêm túc Quy định này;

c) Có tư duy, phương pháp và kỹ năng quản trị đại học tiên tiến, sử dụng tốt công nghệ thông tin và tiếng Anh (đạt chuẩn 5,5 IELTS hoặc tương đương) trong công tác, giao tiếp với

đổi tác nước ngoài; có năng lực tạo ra môi trường học thuật, làm việc thuận lợi cho giảng dạy, học tập, nghiên cứu, sáng tạo, đổi mới;

d) Đối với lãnh đạo đơn vị, cán bộ quản lý cấp khoa, bộ môn, cần đạt tiêu chuẩn lãnh đạo quản lý theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển cán bộ; đối với Giám đốc đề án thành phần, cần đạt tiêu chuẩn quy định tại khoản 4 Điều 6 của Quy định này.

3. Trợ giảng là các giảng viên, có năng lực chuyên môn, năng lực nghiên cứu khoa học tốt, sáng tạo, vận dụng tốt phương pháp giảng dạy tiên tiến, có khả năng hoặc có thể bồi dưỡng, phát triển để đạt chuẩn theo quy định tại khoản 1, Điều 38 của Quy định này.

Điều 41. Quyền lợi và nghĩa vụ của giảng viên, cán bộ quản lý cơ hữu

1. Quyền lợi

Ngoài các quyền lợi như đối với các giảng viên, cán bộ quản lý cơ hữu theo quy định của Nhà nước và của Đại học Quốc gia Hà Nội, giảng viên, cán bộ quản lý cơ hữu tham gia Nhiệm vụ chiến lược ở Đại học Quốc gia Hà Nội được hưởng các quyền lợi sau đây:

a) Được hưởng kinh phí khi tham gia các hoạt động thuộc Nhiệm vụ chiến lược theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và của đơn vị;

b) Được ưu tiên trong công tác giảng dạy, nghiên cứu;

c) Được đãi ngộ theo các chính sách nêu trong các đề án thành phần đã được phê duyệt;

d) Được ưu tiên cử đi học khóa đào tạo dài hạn từ ngân sách nhà nước, các lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, tiếng Anh, quản trị đại học, công nghệ thông tin do Đại học Quốc gia Hà Nội và đơn vị tổ chức;

e) Có ngân sách khoa học và công nghệ riêng để thực hiện các đề tài, dự án, đề án khoa học và công nghệ;

f) Được ưu tiên xét chọn và cử dự thi nâng ngạch viên chức;

g) Được ưu tiên xét tặng các danh hiệu thi đua;

h) Được ưu tiên tuyển dụng làm viên chức ở Đại học Quốc gia Hà Nội (đối với người chưa được tuyển dụng).

2. Nghĩa vụ

a) Nghĩa vụ của giảng viên

Ngoài việc thực hiện nghiêm túc các nghĩa vụ đối với giảng viên theo quy định của Nhà nước và của Đại học Quốc gia Hà Nội, giảng viên tham gia Nhiệm vụ chiến lược phải thực hiện các công việc sau đây:

- Giảng dạy, bao gồm cả việc chuẩn bị bài giảng, lên lớp, hướng dẫn khóa luận, tiểu luận, luận văn, luận án, cũng như các hoạt động đào tạo khác theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, với định mức không quá 150 giờ tín chỉ quy chuẩn đối với giảng viên giảng dạy chuyên môn bằng ngoại ngữ để dành thời gian cho nghiên cứu khoa học và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ;

- Tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ với tổng số giờ phù hợp với yêu cầu đào tạo do Thủ trưởng đơn vị quy định cụ thể đối với từng giảng viên đáp ứng yêu cầu và mục tiêu của đề án thành phần;

- Tham gia hoạt động khoa học và công nghệ với khối lượng được tính bằng số giờ còn lại trong định mức của giảng viên đại học với chức danh khoa học tương ứng.

Nếu khối lượng dành cho giảng dạy, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ và nghiên cứu khoa học vẫn thấp hơn định mức, Thủ trưởng đơn vị giao thêm các nhiệm vụ khác phù hợp với năng lực và yêu cầu công việc, trong đó ưu tiên công việc phục vụ Nhiệm vụ chiến lược.

b) Nghĩa vụ của cán bộ quản lý

Ngoài việc thực hiện nghiêm túc các nghĩa vụ đối với cán bộ quản lý theo quy định của Nhà nước và của Đại học Quốc gia Hà Nội, cán bộ quản lý tham gia Nhiệm vụ chiến lược ở Đại học Quốc gia Hà Nội còn có các nghĩa vụ sau đây:

- Chấp hành nghiêm túc sự phân công công tác do Thủ trưởng đơn vị, Giám đốc đề án thành phần giao;

- Báo cáo kết quả, sản phẩm đúng hạn sau mỗi chương trình đào tạo, bồi dưỡng được tham gia theo đúng quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và đơn vị;

- Đối với cán bộ chưa đủ điều kiện tham gia Nhiệm vụ chiến lược theo quy định tại Điều 40 của Quy định này, có trách nhiệm không ngừng tự đào tạo, bồi dưỡng và tham dự các chương trình đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài Đại học Quốc gia Hà Nội để đạt chuẩn theo quy định.

Điều 42. Phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý

1. Dựa vào năng lực, sở trường, sức khỏe, nguyện vọng của cán bộ và yêu cầu của Nhiệm vụ chiến lược, Thủ trưởng đơn vị xây dựng và công bố bảng mô tả công việc và tiêu chuẩn cho tất cả các vị trí công tác thực hiện đề án thành phần, chỉ đạo Giám đốc đề án thành phần và lãnh đạo khoa có đề án thành phần tổ chức cho tất cả cán bộ đăng ký vào từng vị trí công tác để làm căn cứ cho việc xây dựng và thực hiện kế hoạch cụ thể đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ đáp ứng yêu cầu Nhiệm vụ chiến lược.

2. Việc tuyển dụng, thu hút, quản lý, sử dụng, bồi dưỡng, đào tạo và phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý phải thực hiện theo cách tiếp cận và phương pháp quản trị nguồn nhân lực tiên tiến, theo quy hoạch, kế hoạch hợp lý.

3. Trên cơ sở phân công nhiệm vụ, đề án thành phần đã được phê duyệt và kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trước 30/6 hàng năm, Thủ trưởng đơn vị, Giám đốc đề án thành phần rà soát tiêu chuẩn và trình độ chuyên môn, ngoại ngữ của cán bộ tham gia đề án thành phần để xây dựng kế hoạch tuyển dụng, thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý trong năm học đáp ứng yêu cầu của Nhiệm vụ chiến lược và báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội.

4. Hàng năm, Thủ trưởng đơn vị, Giám đốc các đề án thành phần quyết định phân công giảng viên, cử giảng viên làm trưởng môn học cho các môn học có trong chương trình đạt chuẩn quốc tế; phân công cán bộ quản lý tham gia quản lý các nội dung cụ thể trong đề án thành phần, báo cáo Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược để theo dõi, quản lý. Trong quá trình phân công, ưu tiên và tạo điều kiện về quỹ thời gian, các nguồn lực khác để các cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Điều 40 của Quy định này; có quy định về thời gian tối đa để các cán bộ chưa đáp ứng các tiêu chuẩn hoàn thành các tiêu chuẩn quy định tại Điều 40 của Quy định này.

5. Các đơn vị chủ động tuyển dụng các giảng viên đã đủ điều kiện và cử cán bộ có kinh nghiệm, đã đạt chuẩn (như quy định tại Điều 40 của Quy định này), hướng dẫn tập sự, thử việc cho các cán bộ mới được tuyển dụng; giúp đỡ các cán bộ mới hoà nhập vào môi trường làm việc để bắt nhịp công việc một cách nhanh nhất, hiệu quả nhất, phù hợp nhất với Nhiệm vụ chiến lược.

6. Việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho giảng viên và cán bộ quản lý về chuyên môn và nghiệp vụ ở nước ngoài cần thực hiện tại các trường đại học đối tác.

a) Thời gian trung bình khoảng 03 tháng/lượt đi bồi dưỡng (đối với giảng viên dưới 45 tuổi), 01 tháng/lượt (đối với giảng viên trên 45 tuổi) để có thể tiếp thu được một cách đầy đủ và vận dụng kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm của các đồng nghiệp quốc tế trong việc biên soạn bài giảng, tài liệu giảng dạy - học tập, phương pháp giảng dạy lý thuyết, thảo luận, tổ chức thực hành, kết hợp thực hiện nghiên cứu trọn vẹn một vấn đề khoa học;

b) Thời gian trung bình khoảng 01 tháng/lượt đi bồi dưỡng đối với cán bộ quản lý (chuyên trách và kiêm nhiệm, không phân biệt lứa tuổi) để có thể tiếp thu một cách đầy đủ và vận dụng thành thạo phương pháp quản lý đào tạo có tính hệ thống, quản lý đào tạo theo tín chỉ, quản trị nguồn nhân lực tiên tiến và thực hành quản trị đại học tiên tiến.

7. Việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho giảng viên và cán bộ quản lý về chuyên môn và nghiệp vụ ở trong nước được Đại học Quốc gia Hà Nội và các đơn vị thực hiện thông qua các hình thức sau:

a) Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn về phương pháp giảng dạy, nghiên cứu khoa học, kiểm tra đánh giá, kỹ năng viết và quản lý dự án và các kỹ năng phù hợp khác cho giảng viên; bồi dưỡng thông qua công việc như dự giờ giảng viên nước ngoài, tham dự hội nghị, hội thảo khoa học, thực hiện đề tài, dự án nghiên cứu khoa học, chuyển giao tri thức cho giảng viên;

b) Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn về kiến thức, kỹ năng, quản trị đại học tiên tiến cho cán bộ quản lý; bồi dưỡng thông qua việc tổ chức hội nghị, hội thảo, làm việc chung với chuyên gia nước ngoài;

c) Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ tiếng Anh, công nghệ thông tin, kỹ năng mềm cho cả giảng viên và cán bộ quản lý;

d) Tổ chức các hoạt động tham quan, giao lưu, họp tập, trao đổi kinh nghiệm với các đại học tiên tiến có uy tín cao trong khu vực và thế giới;

e) Các chương trình, đề án của Nhà nước như chương trình 165, 911 cũng như các dự án, chương trình hợp tác quốc tế với các trường đại học tiên tiến trên thế giới, các Quỹ học bổng VEF, Fulbright và các chương trình khác.

8. Các đơn vị chủ động bồi dưỡng, hỗ trợ các cán bộ tham gia các khoá đào tạo về ngoại ngữ, công nghệ thông tin, các phương pháp giảng dạy, giao tiếp, làm việc theo nhóm và các kỹ năng mềm khác; xây dựng các nhóm nghiên cứu và giảng dạy nhằm phát huy tối đa trí tuệ của số đông, đồng thời hình thành phong cách làm việc chuyên nghiệp cho giảng viên và cán bộ quản lý.

9. Trường Đại học Ngoại ngữ tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tiếng Anh cấp chứng chỉ (trung đương trình độ từ C1 đến D) cho giảng viên tham gia giảng dạy chuyên môn bằng tiếng Anh (trừ giảng viên được đào tạo tiến sỹ tại nước nói tiếng Anh; giảng viên do trường Đại học Ngoại ngữ hoặc trường đại học đối tác đánh giá đạt trình độ tiếng Anh).

10. Các đơn vị sử dụng kinh phí của đề án thành phần và các nguồn tài chính khác như kinh phí của các dự án TRIG, nghiên cứu khoa học, NAFOSTED, Quỹ nghiên cứu châu Á, các quỹ học bổng Fulbright, VEF, các chương trình Nhà nước như 165, 911, nguồn Ngân sách nhà nước và nguồn thu sự nghiệp khác của đơn vị để triển khai đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đáp ứng yêu cầu của Nhiệm vụ chiến lược.

11. Thủ trưởng các đơn vị xây dựng các chế độ, chính sách ưu đãi đối với cán bộ tham gia công tác giảng dạy, hướng dẫn học tập, nghiên cứu khoa học và quản lý của ngành, chuyên ngành đạt chuẩn quốc tế thông qua việc bồi dưỡng, chi trả thù lao theo sản phẩm và hiệu quả, chất lượng thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát huy ảnh hưởng quốc tế; tạo điều kiện ưu tiên cho cán bộ thực tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn ở trong nước và ngoài nước; hỗ trợ tạo điều kiện cho cán bộ áp dụng các phương pháp, công nghệ dạy học, quản lý tiên tiến phù hợp với điều kiện của Đại học Quốc gia Hà Nội; cung cấp cho cán bộ tham gia đề án thành phần quyền ưu tiên sử dụng phòng và trang thiết bị làm việc, phòng thí nghiệm, cơ sở vật chất kỹ thuật, tư liệu khoa học, thư viện, mạng VNUnet để phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu.

12. Những cán bộ chưa đủ điều kiện tham gia Nhiệm vụ chiến lược kể cả sau khi đào tạo, bồi dưỡng sẽ được Thủ trưởng đơn vị bố trí công việc phù hợp với năng lực, sở trường, sức khỏe để tham gia giảng dạy, nghiên cứu, phục vụ các chương trình đào tạo chuẩn, giảng dạy sau đại học, nghiên cứu khoa học và công nghệ, hướng dẫn thực hành, thực tập của khoa có đề án thành phần hoặc các công việc khác. Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm bố trí, sắp xếp sử dụng đội ngũ cán bộ này một cách phù hợp.

Điều 43. Thu hút các nhà khoa học giỏi

1. Xây dựng và thực hiện kế hoạch thu hút các nhà khoa học giỏi trong và ngoài nước bằng các chính sách đặc biệt do các đơn vị chủ động đề xuất.

a) Các nhà khoa học được mời về Đại học Quốc gia Hà Nội tham gia đề án thành phần phải đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 40 của Quy định này. Ưu tiên mời các nhà khoa học trẻ, có năng lực nghiên cứu, đã công bố nhiều công trình khoa học có chất lượng cao; tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích các nhà khoa học giỏi, giáo sư là người Việt Nam sống ở nước ngoài về tham gia giảng dạy và trao đổi học thuật với cán bộ và người học của Đại học Quốc gia Hà Nội;

b) Khi ký kết hợp đồng mời các nhà khoa học giỏi trong và ngoài nước tham gia đề án thành phần, cần làm rõ trách nhiệm của các nhà khoa học về yêu cầu đào tạo và nghiên cứu theo chất lượng quốc tế, trách nhiệm và kế hoạch hợp tác với các cán bộ, người học và với các cơ sở đào tạo ở nước ngoài.

2. Nhiệm vụ của các nhà khoa học được mời tham gia giảng dạy, nghiên cứu trong Nhiệm vụ chiến lược

a) Về đào tạo

- Giảng dạy các môn học (hoặc từng phần môn học) thuộc các chương trình đạt chuẩn quốc tế bậc đại học và sau đại học; tổ chức hội thảo; báo cáo chuyên đề; hướng dẫn, phản biện, chấm luận văn, luận án, khoá luận, báo cáo khoa học;

- Biên soạn giáo trình bài giảng, các tài liệu phục vụ nghiên cứu khoa học, giảng dạy và học tập;

- Tham gia xây dựng, triển khai thực hiện các giải pháp và quy trình đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

b) Về nghiên cứu khoa học

- Cùng với các cán bộ của Đại học Quốc gia Hà Nội thực hiện từng phần, từng nội dung hay đồng chủ nhiệm các đề tài, đề án, dự án nghiên cứu khoa học và công nghệ do cán bộ Đại học Quốc gia Hà Nội chủ trì;

- Tham gia các hội đồng đánh giá, nghiệm thu đề tài, đề án, dự án khoa học và công nghệ; phản biện, nhận xét các bài báo khoa học; góp ý hoàn thiện các đề cương đề tài, dự án nghiên cứu khoa học do các cán bộ Đại học Quốc gia Hà Nội đề xuất;

- Tham gia xây dựng và phát triển nhóm nghiên cứu, bộ môn, phòng thí nghiệm, trung tâm hay viện nghiên cứu;

- Tham gia xây dựng các đề tài, đề án, dự án khoa học và công nghệ mới để đấu thầu, xin tài trợ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; đề xuất các hướng nghiên cứu khoa học, nghiên cứu ứng dụng đáp ứng các nhu cầu của các doanh nghiệp hoặc cộng đồng xã hội để Đại học Quốc gia Hà Nội tham khảo và xây dựng các đề tài phối hợp cùng triển khai; làm đầu mối ở nước ngoài để khai thác các nguồn tài trợ hoặc liên kết thực hiện các đề án, dự án đầu tư cho Đại học Quốc gia Hà Nội;

- Tham gia tổ chức, chủ trì hội nghị, hội thảo khoa học;

- Các hoạt động khoa học và công nghệ khác do hai bên thỏa thuận.

c) Về bồi dưỡng cán bộ

- Giảng dạy và kiêm nhiệm nhiệm vụ chuyển giao công nghệ đào tạo cho các giảng viên của Đại học Quốc gia Hà Nội; bồi dưỡng giảng viên trẻ cùng tham gia giảng dạy tại Đại học Quốc gia Hà Nội để có thể đảm nhiệm tốt môn học đó; trực tiếp hướng dẫn hoặc hỗ trợ liên hệ với các nhà khoa học giỏi để hướng dẫn cán bộ của Đại học Quốc gia Hà Nội nghiên cứu, thực hiện luận văn, luận án;

- Bồi dưỡng cán bộ khoa học thông qua việc cùng thực hiện đề tài khoa học và Công nghệ, cùng viết báo cáo khoa học, cùng viết giáo trình, bài giảng, trao đổi thông tin khoa học và các hoạt động chuyên môn khác;

- Trao đổi với cán bộ Đại học Quốc gia Hà Nội về kinh nghiệm giảng dạy, kinh nghiệm nghiên cứu, kinh nghiệm quản trị đại học, liên kết với doanh nghiệp và các hoạt động cộng đồng khác;

- Tạo dựng các quan hệ hợp tác quốc tế để cán bộ Đại học Quốc gia Hà Nội đi trao đổi, học tập, nghiên cứu, tham quan khảo sát ở các trường đại học, cơ sở nghiên cứu, doanh nghiệp của nước ngoài nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ và quản lý.

3. Áp dụng các phương thức hợp tác sau đây đối với các nhà khoa học ở ngoài Đại học Quốc gia Hà Nội:

a) Trực tiếp làm việc tại Đại học Quốc gia Hà Nội

Các nhà khoa học là Việt kiều hoặc người nước ngoài làm việc trực tiếp tại Đại học Quốc gia Hà Nội ngắn hạn hoặc dài hạn (từ 6 tháng trở lên) được thực hiện theo hai phương thức:

- Theo chế độ hỗ trợ của các trường đại học hoặc các tổ chức quốc tế;

- Theo hợp đồng mời giảng dạy hoặc nghiên cứu của Đại học Quốc gia Hà Nội hoặc của các đơn vị có đề án thành phần.

b) Làm việc theo phương thức từ xa thông qua các trao đổi bằng thư điện tử, hoặc giảng dạy trực tuyến để hướng dẫn luận văn, luận án, phản biện hoặc tham gia biên soạn các giáo trình, bài giảng; thực hiện một số nội dung nghiên cứu ở nước ngoài cho các đề tài khoa học của Đại học Quốc gia Hà Nội.

4. Quyền lợi của các nhà khoa học giỏi được mời tham gia giảng dạy, nghiên cứu trong Nhiệm vụ chiến lược

a) Được trả thù lao theo hiệu quả công tác trên cơ sở thỏa thuận giữa hai bên và được hưởng chế độ phụ cấp, tiền thưởng do hiệu quả, lợi ích từ các đề tài nghiên cứu, triển khai dịch vụ, chuyển giao tri thức và các hoạt động tương tự khác mang lại, theo quy định hiện hành của Nhà nước và của Đại học Quốc gia Hà Nội;

b) Được bố trí chỗ ở thuận lợi, phương tiện đi lại phù hợp phòng và phương tiện làm việc tốt;

c) Được ưu tiên sử dụng các phương tiện, thiết bị giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phòng thí nghiệm đáp ứng tối đa nhu cầu hoạt động chuyên môn trong phạm vi cho phép;

d) Được ưu tiên trong việc tuyển chọn, xét duyệt, cấp kinh phí để chủ trì hoặc đồng chủ trì các đề tài nghiên cứu khoa học, dự án khoa học và công nghệ phù hợp với yêu cầu và khả năng chuyên môn;

e) Được hỗ trợ kinh phí để xuất bản, công bố các công trình khoa học, sách chuyên khảo, các phát minh, sáng chế;

f) Được hưởng giá trị (bằng tiền) do hiệu quả hoặc lợi ích của công trình nghiên cứu mang lại;

g) Được xem xét và trao tặng các chức danh tiến sĩ danh dự của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 44. Môi trường làm việc và học tập, nghiên cứu khoa học

1. Thủ trưởng các đơn vị và các bộ phận chức năng xây dựng văn hóa chất lượng, môi trường làm việc văn minh, tôn trọng, tin cậy, thân thiện, dân chủ, bình đẳng, công bằng, khách quan trong đánh giá, sử dụng và đãi ngộ theo chất lượng, số lượng sản phẩm đầu ra để thúc đẩy sáng tạo, phát huy tối đa khả năng đóng góp của đội ngũ cán bộ, người học của đơn vị và các nhà khoa học trong và ngoài nước để đạt mục tiêu, sản phẩm và sự phát triển bền vững của Nhiệm vụ chiến lược.

2. Thủ trưởng các đơn vị và các bộ phận chức năng (các phòng, bộ môn, khoa, tổ, nhóm công tác, phòng thí nghiệm, trung tâm thuộc đơn vị) phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, truyền thông, phòng thí nghiệm, cơ sở vật chất cần thiết để nâng cao chất lượng, hiệu quả làm việc, học tập, nghiên cứu của đội ngũ cán bộ.

3. Áp dụng rộng rãi và phù hợp hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và quản trị nguồn nhân lực của các đại học tiên tiến trong lãnh đạo, quản lý, điều hành trong toàn Đại học Quốc gia Hà Nội.

Chương IX CƠ SỞ VẬT CHẤT

Điều 45. Hệ thống cơ sở vật chất dùng chung

1. Ưu tiên đầu tư để toàn bộ hệ thống giảng đường, phòng thí nghiệm, các cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của các đơn vị thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội được quy hoạch, xây dựng đạt chuẩn và được sử dụng hiệu quả, với sự liên thông, liên kết mạnh, phục vụ chung cho tất cả các ngành, chuyên ngành thuộc Nhiệm vụ chiến lược.

2. Đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý cơ sở vật chất dùng chung, phải tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ và người học của các đơn vị khác được sử dụng, phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học theo quy định đối với từng loại cơ sở vật chất.

3. Định kỳ theo quy định, các đơn vị thống kê và báo cáo Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội hiện trạng cơ sở vật chất có khả năng đáp ứng yêu cầu đào tạo chất lượng quốc tế; xây dựng kế hoạch nâng cấp, xây dựng và phát triển các phòng thí nghiệm chưa đạt chuẩn. Trên

cơ sở báo cáo của các đơn vị, Văn phòng, Ban Kế hoạch Tài chính chủ trì, Ban Đào tạo, Ban Khoa học Công nghệ Đại học Quốc gia Hà Nội phối hợp thống kê, xây dựng và triển khai kế hoạch nâng cấp, xây dựng, hoàn thiện và bố trí sử dụng hệ thống cơ sở vật chất phục vụ Nhiệm vụ chiến lược đảm bảo sự liên thông, liên kết trong toàn Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 46. Xây dựng các giảng đường, phòng học chuẩn

1. Các đơn vị có đề án thành phần phát triển các phòng học, hệ thống điện, ánh sáng, bàn ghế, bảng, quạt, điều hoà nhiệt độ, các dụng cụ, thiết bị phục vụ giảng dạy theo công nghệ tiên tiến (máy tính, máy chiếu, bảng thông minh, kết nối internet và các công cụ đa phương tiện khác), hệ thống thiết bị e-learning để thực hiện các bài giảng điện tử, các thí nghiệm ảo và các thiết bị khác đạt tiêu chuẩn của các trường đại học đối tác;

2. Các đơn vị có đề án thành phần bố trí các phòng tự học có kết nối internet cho người học và phòng làm việc dành cho giảng viên trợ giảng giải đáp thắc mắc và hỗ trợ người học thuộc các chương trình này khi cần thiết.

Điều 47. Hệ thống thông tin, thư viện

1. Phát triển nguồn tài nguyên thông tin phục vụ Nhiệm vụ chiến lược

a) Trung tâm Thông tin - Thư viện có trách nhiệm mua giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ Nhiệm vụ chiến lược. Nội dung, phương thức, quy trình, thủ tục thực hiện như Điều 18 và Điều 29 của Quy định này;

b) Trung tâm Thông tin - Thư viện phải bố trí phòng đọc riêng cho giảng viên và người học thuộc Nhiệm vụ chiến lược;

c) Hàng năm các đơn vị có đề án thành phần đề xuất bổ sung trong kế hoạch nhiệm vụ và kế hoạch ngân sách việc thu thập, bổ sung sách, tạp chí điện tử, các cơ sở dữ liệu, thư mục tài liệu, tóm tắt hoặc toàn văn cho tất cả các ngành, chuyên ngành đào tạo thuộc các đề án thành phần để Trung tâm Thông tin - Thư viện tổ chức thực hiện;

d) Trung tâm Thông tin - Thư viện làm đầu mối và phối hợp với các đơn vị có đề án thành phần đẩy mạnh phát triển cơ sở học liệu (bộ giáo trình, học liệu mở, bài tập tình huống và học liệu khác); ưu tiên đặc biệt về mặt tài chính cho việc hoàn thiện bộ giáo trình mới, hiện đại và đang được trường đại học đối tác sử dụng, đảm bảo mỗi người học có một bộ giáo trình, tài liệu tham khảo ở dạng số hóa cho tất cả các môn học trong chương trình đạt chuẩn quốc tế;

2. Cơ sở vật chất trang thiết bị hỗ trợ thư viện điện tử và truyền thông đa phương tiện

a) Các đơn vị có đề án thành phần phối hợp với Trung tâm Ứng dụng Công nghệ Thông tin, Trường Đại học Công nghệ, Viện Công nghệ Thông tin xây dựng và trang bị đầy đủ công cụ, thiết bị công nghệ thông tin, đảm bảo việc kết nối và truy cập khai thác thông tin tốc độ cao trong toàn Đại học Quốc gia Hà Nội;

b) Xây dựng phòng đa phương tiện ở các đơn vị, phát triển hệ thống học trực tuyến (e-learning), hội thảo trực tuyến (video conference) phục vụ giảng dạy, học tập, hội nghị, hội thảo và giao lưu quốc tế;

c) Lắp đặt tại các giảng đường chuẩn hệ thống phục vụ giảng dạy trực tuyến; trang bị đủ cho các phòng thí nghiệm thực tập cơ bản, thực tập cơ sở, thực tập chuyên ngành hệ thống máy tính nối mạng để sinh viên tra cứu tài liệu, tự làm thí nghiệm, cập nhật các thí nghiệm ảo về khoa học và công nghệ.

3. Nâng cấp hệ thống phòng đọc thuộc Trung tâm Thông tin - Thư viện; củng cố và xây dựng thêm phòng đọc tại các trường, khoa, bộ môn có kết nối vào nguồn học liệu điện tử của Trung tâm Thông tin - Thư viện để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu của cán bộ và người học theo một qui hoạch thống nhất.

Điều 48. Cơ sở dữ liệu về Nhiệm vụ chiến lược

1. Cơ sở dữ liệu ở dạng in và dạng điện tử bao gồm toàn bộ hệ thống văn bản quản lý điều hành của Đại học Quốc gia Hà Nội và các đơn vị; cơ sở học liệu; hệ thống thông tin về khoa học và công nghệ, luận văn, luận án; hệ thống thông tin về người học, người dạy và về đào tạo; các hệ thống thông tin khác phản ánh sản phẩm, các nội dung liên quan chương trình đạt chuẩn quốc tế của các đơn vị có các đề án thành phần và các đơn vị có liên quan. Trung tâm Ứng dụng Công nghệ Thông tin tổ chức xây dựng phần mềm và quản lý cơ sở dữ liệu này.

2. Các đơn vị tham gia Nhiệm vụ chiến lược cung cấp dữ liệu định kỳ về tình hình và kết quả thực hiện Nhiệm vụ chiến lược, chương trình đạt chuẩn quốc tế ở dạng in và số hóa cho Văn phòng Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược.

3. Văn phòng Đại học Quốc gia Hà Nội chủ trì, phối hợp Văn phòng Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược và các đơn vị số hóa và lưu trữ toàn bộ tài liệu, văn bản về hoạt động và kết quả thực hiện chương trình đạt chuẩn quốc tế, trong đó có chỉ đạo quản lý, điều hành hoạt động học thuật, hợp tác và chuyên bản sao cho Trung tâm Thông tin - Thư viện để xây dựng cơ sở dữ liệu sử dụng chung.

4. Trung tâm Thông tin - Thư viện xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ như sách giáo khoa, giáo trình, bài báo khoa học, luận án, luận văn, báo cáo kết quả đề tài khoa học và công nghệ, kỷ yếu hội nghị khoa học của các đề án thành phần và của các đơn vị tham gia thực hiện, đồng thời quản lý để sử dụng cơ sở dữ liệu do Văn phòng, các ban chức năng của Đại học Quốc gia Hà Nội, Văn phòng Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược cung cấp.

Điều 49. Cơ sở vật chất cho các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ

1. Các đơn vị có đề án thành phần phát triển hệ thống trang thiết bị của các phòng thí nghiệm thực tập đại cương, thực tập các môn học cơ bản, hệ thống phòng thí nghiệm thực tập chuyên ngành, thực tập công nghệ một cách đồng bộ, hiện đại, từng bước đạt chuẩn của trường đại học đối tác.

2. Các đơn vị có đề án thành phần xây dựng hệ thống các phòng thí nghiệm, thực tập công nghệ, xưởng thực nghiệm, dây chuyền sản xuất thí nghiệm, gắn thực tập nghiên cứu cơ bản với thực tập triển khai ứng dụng công nghệ; gắn kiến thức lý thuyết với thực tiễn; xây

dựng và nâng cấp hệ thống trạm, trại, vườn thực tập đồng bộ, hiện đại đáp ứng nhu cầu thực tập ứng dụng ngoài trường cho các ngành nghề liên quan.

3. Các đơn vị có đề án thành phần xây dựng các phòng thí nghiệm nghiên cứu liên ngành thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ mũi nhọn và nằm trong chương trình kinh tế, kỹ thuật của Nhà nước. Các phòng thí nghiệm này có hệ thống trang thiết bị hiện đại, đồng bộ, cập nhật trình độ các trường tiên tiến trong khu vực và quốc tế; có tính liên ngành cao; tạo được các dịch vụ chất lượng cao về đào tạo, nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ; tạo được nguồn kinh phí bổ sung để mở rộng, nâng cấp các phòng thí nghiệm; tạo bước đột phá để có các công trình nghiên cứu khoa học và công nghệ tiêu biểu của quốc gia và đạt trình độ quốc tế; xây dựng và phát triển trường phái khoa học; thu hút các nhà khoa học giỏi ở các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học có thời hạn cũng như lâu dài tại Đại học Quốc gia Hà Nội.

4. Các đơn vị tạo cơ chế để xây dựng và vận hành các phòng thí nghiệm liên kết với các tập đoàn công nghiệp trong và ngoài nước, góp phần tăng cường nguồn lực và nâng cao năng lực đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 50. Cơ sở vật chất cho các ngành khoa học xã hội và nhân văn

1. Các đơn vị có đề án thành phần xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất để có các công trình nghiên cứu tiêu biểu của quốc gia và đạt trình độ tiên tiến khu vực và quốc tế về khoa học xã hội và nhân văn.

2. Phát triển các cơ sở vật chất khác như cơ sở học liệu số hóa đáp ứng yêu cầu nghiên cứu những vấn đề điển hình về kinh tế, xã hội, văn hoá, phong tục, tập quán và các vấn đề đặc thù về quốc gia, dân tộc trong quá trình hội nhập và toàn cầu hoá; những vấn đề điển hình về khu vực và quốc tế có tác động đối với quốc gia, dân tộc nhằm phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao vị thế của đất nước; những vấn đề lịch sử và sự hình thành lãnh thổ phục vụ bảo vệ chủ quyền quốc gia đối với vùng đất, vùng trời, vùng biển và các vấn đề khác thuộc hướng nghiên cứu ưu tiên của các đề án thành phần.

3. Xây dựng các phòng thí nghiệm thực hành có hệ thống trang thiết bị hiện đại, đồng bộ, cập nhật, các studio, phòng đa phương tiện được sử dụng mang tính liên ngành; các phòng bảo tàng trưng bày các vật liệu, tư liệu lịch sử nhằm thu hút đông đảo người học và cán bộ khoa học khai thác phục vụ công tác nghiên cứu khoa học, làm khoá luận, luận văn, luận án chất lượng cao; phòng chiếu phim, các phòng trình diễn và thực hành đặc thù để tạo được các dịch vụ chất lượng cao về đào tạo, nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ, tạo được nguồn kinh phí bổ sung.

Điều 51. Các trung tâm giao lưu quốc tế và hệ thống câu lạc bộ sinh viên

1. Các đơn vị có đề án thành phần xây dựng và trang bị hệ thống câu lạc bộ sinh hoạt học thuật, thể thao, giao lưu văn hóa và hoạt động khác; xây dựng các trung tâm giao lưu sinh viên quốc tế với các trường đại học đối tác và các trường đại học thuộc các nước nói tiếng Anh để tổ chức cho sinh viên đi tham quan, thực tập, hội nghị, hội thảo khoa học.

2. Đại học Quốc gia Hà Nội tạo cơ chế thuận lợi để các đơn vị thực hiện các chương trình trao đổi cán bộ và người học đi học tập, nghiên cứu, giảng dạy tại trường đại học có uy tín theo phương thức tự túc kinh phí toàn phần hoặc một phần (đối với người học), hỗ trợ của đề án thành phần và đơn vị, khuyến khích cá nhân tự trang trải một phần kinh phí (đối với cán bộ).

3. Xây dựng các vườn ươm tài năng khoa học trẻ, vườn ươm doanh nghiệp trẻ; các câu lạc bộ sinh viên sáng tạo nhằm tạo điều kiện ứng dụng các kiến thức đã học và sáng tạo tri thức mới.

Chương X

LIÊN KẾT VÀ HỢP TÁC

Điều 52. Nội dung liên kết và hợp tác

Nội dung liên kết hợp tác với với cơ sở nghiên cứu, đào tạo, sản xuất, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và địa phương bao gồm:

1. Trao đổi, phản hồi góp phần hoàn thiện chuẩn đầu ra cho chương trình, nội dung và phương pháp đào tạo để đáp ứng tốt hơn nhu cầu xã hội.

2. Tạo cơ hội cho người học được thực tập, thực hành để nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, vận dụng kiến thức đã học, nâng cao hiểu biết và thích ứng với môi trường làm việc trong tương lai.

3. Thu hút các nhà khoa học, doanh nhân, cán bộ lãnh đạo quản lý giỏi tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học.

4. Sử dụng hiệu quả các nguồn lực khác của các bên, góp phần gắn kết chặt chẽ giữa nhà trường và xã hội.

5. Ký kết được các hợp đồng chuyển giao tri thức để tạo thêm nguồn thu thực hiện Nhiệm vụ chiến lược và phát triển Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 53. Triển khai liên kết và hợp tác

1. Văn phòng, các Ban chức năng của Đại học Quốc gia Hà Nội hỗ trợ thủ tục cần thiết để các đơn vị đẩy mạnh và nâng cao liên kết, hợp tác với cơ sở nghiên cứu, đào tạo, sản xuất, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và địa phương.

2. Trách nhiệm của các đơn vị có đề án thành phần

a) Bố trí lịch trình, kế hoạch giảng dạy, học tập để tạo thuận lợi cho giảng viên và người học tham gia hợp tác, thực tập, thực tế ở cơ sở nghiên cứu, đào tạo, sản xuất, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và địa phương phù hợp với đặc thù của ngành, chuyên ngành.

b) Xây dựng và thực hiện liên kết và hợp tác dưới dạng dự án trên cơ sở điều tra nhu cầu, yêu cầu, khả năng của đối tác và thế mạnh, nguồn lực của đơn vị.

Chương XI

TÀI CHÍNH

Điều 54. Nguồn kinh phí

1. Kinh phí hỗ trợ được giao từ Nhiệm vụ chiến lược.
2. Kinh phí do ngân sách nhà nước cấp cho đào tạo thường xuyên.
3. Kinh phí do Ngân sách nhà nước cấp từ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản (nếu có).
4. Kinh phí do Ngân sách nhà nước cấp từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ.
5. Học phí của người học thuộc Nhiệm vụ chiến lược.
6. Nguồn thu từ hợp tác nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước, chuyển giao tri thức, dịch vụ với địa phương, doanh nghiệp, tài trợ, viện trợ dành cho đề án thành phần.
7. Các nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị dành cho đề án thành phần.

Điều 55. Căn cứ, nguyên tắc và phân bổ kinh phí

1. Căn cứ phân bổ ngân sách nhà nước
 - a) Chỉ tiêu đào tạo của các ngành, chuyên ngành được Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt;
 - b) Dự toán theo lộ trình hàng năm của đề án thành phần đã được Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt, bao gồm:
 - Kinh phí chi cho đào tạo và quản lý đào tạo (bao gồm cả kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và mời cán bộ giảng dạy);
 - Kinh phí chi từ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản (các dự án đầu tư phát triển ngành, chuyên ngành nếu có);
 - Kinh phí chi cho các đề tài, dự án khoa học và công nghệ từ hoạt động khoa học và công nghệ thường xuyên;
 - Kinh phí chi từ các nguồn thu bổ sung của đơn vị.
 - c) Ngoài các nguồn kinh phí nêu trên, các đơn vị phải tích hợp và sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị phù hợp với nội dung công việc của Nhiệm vụ chiến lược nhằm huy động được mọi nguồn lực hỗ trợ cho Nhiệm vụ chiến lược.

Các nguồn kinh phí này phải được đưa vào kế hoạch nhiệm vụ năm học, kế hoạch khoa học và công nghệ hàng năm của đơn vị. Việc xét chọn, phê duyệt, triển khai thực hiện và quản lý, nghiệm thu, thanh quyết toán kinh phí tuân thủ theo các quy định hiện hành của Nhà nước và của Đại học Quốc gia Hà Nội theo phương châm tạo điều kiện chủ động cho các đơn vị trong việc thực hiện Nhiệm vụ chiến lược.

2. Phân bổ kinh phí Ngân sách nhà nước

a) Nguyên tắc phân bổ

Căn cứ dự toán Đại học Quốc gia Hà Nội đã đăng ký và được Bộ Tài chính giao, sau khi kế hoạch và dự toán kinh phí theo lộ trình hàng năm của các đề án thành phần, của các đơn vị

giảng dạy các môn chung được Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt, các đơn vị tham gia giảng dạy chương trình đạt chuẩn quốc tế được phân bổ kinh phí và có trách nhiệm quản lý và được phép sử dụng nguồn kinh phí ngân sách nhà nước do Đại học Quốc gia Hà Nội giao cũng như nguồn thu học phí theo đúng Luật ngân sách, các quy định hiện hành của Nhà nước và của Đại học Quốc gia Hà Nội.

b) Tỷ lệ phân bổ

- Kinh phí thường xuyên

Phân bổ kinh phí giảng dạy các môn học chung bao gồm ngoại ngữ, lý luận chính trị, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng an ninh cho bậc đại học theo định mức chi ngân sách thường xuyên bình quân cho 1 tín chỉ của từng đơn vị đào tạo, số sinh viên theo học môn chung.

+ Năm thứ nhất

Đối với môn ngoại ngữ: (i) Trường Đại học Ngoại ngữ được hưởng 85% để tổ chức đào tạo và quản lý sinh viên Nhiệm vụ chiến lược năm thứ nhất; (ii) Đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế được hưởng 15% để phối hợp với Trường Đại học Ngoại ngữ theo dõi, giám sát, quản lý và điều phối các hoạt động đào tạo, tổ chức hoạt động ngoại khóa cho sinh viên.

Đối với các môn giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh: (i) Đơn vị giảng dạy được hưởng 80%; (ii) Trường Đại học Ngoại ngữ được hưởng 5% để quản lý sinh viên; (iii) Đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế được hưởng 15% để phối hợp với Trường Đại học Ngoại ngữ theo dõi, giám sát, quản lý và điều phối các hoạt động đào tạo, tổ chức hoạt động ngoại khóa cho sinh viên.

Đối với môn lý luận chính trị: (i) Đơn vị giảng dạy được hưởng 70%; (ii) Trường Đại học Ngoại ngữ được hưởng 15% (trong đó 10% cơ sở vật chất và 5% quản lý sinh viên); (iii) Đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế được hưởng 15% để phối hợp với Trường Đại học Ngoại ngữ theo dõi, giám sát, quản lý và điều phối các hoạt động đào tạo, tổ chức hoạt động ngoại khóa cho sinh viên.

Đối với các môn chuyên môn do đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế giảng dạy: (i) Trường Đại học Ngoại ngữ được hưởng 15%; (ii) Đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế được hưởng 85%.

+ Từ năm thứ hai

Tỷ lệ kinh phí 70% (vì có tính học phí để cấp học bổng) bậc đại học đối với các môn ngoại ngữ, lý luận chính trị; 80% đối với các môn giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng an ninh.

Phân bổ kinh phí giảng dạy các môn ngoại ngữ và triết học bậc sau đại học cho các đơn vị được giao nhiệm vụ theo nguyên tắc tương tự như đại học chính quy, với tỷ lệ 70% kinh phí dành cho giảng dạy các môn học chung.

- Kinh phí thuộc Nhiệm vụ chiến lược

+ Năm thứ nhất

Đối với môn ngoại ngữ: (i) Trường Đại học Ngoại ngữ được hưởng 85% để tổ chức đào tạo và quản lý sinh viên năm thứ nhất chương trình đạt chuẩn quốc tế; (ii) Đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế được hưởng 15% để phối hợp với Trường Đại học Ngoại ngữ theo dõi, giám sát, quản lý và điều phối các hoạt động đào tạo, tổ chức hoạt động ngoại khóa cho sinh viên.

+ Từ năm thứ hai

Tỷ lệ kinh phí 70% đối với ngoại ngữ.

Phân bổ kinh phí giảng dạy ngoại ngữ và triết học bậc sau đại học cho các đơn vị được giao nhiệm vụ theo nguyên tắc tương tự như đại học chính quy, với tỷ lệ 70% kinh phí dành cho giảng dạy các môn học chung.

3. Học phí

Căn cứ Nghị định 49/2010/CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ về việc quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015, Thủ trưởng các đơn vị đề xuất và trình Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt mức học phí đóng góp của người học thuộc đề án thành phần. Mức học phí cụ thể phải phù hợp với chi phí thực tế/người học/ngành, chuyên ngành đảm bảo thu bù chi và có tích lũy, phải được công bố công khai với người học trước khi tuyển sinh.

a) Nguyên tắc thu học phí

- Đơn vị trực tiếp giảng dạy chương trình đạt chuẩn quốc tế sẽ thu học phí của người học theo số tín chỉ thực tế giảng dạy, với định mức học phí cho mỗi tín chỉ do đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế xác định;

- Đơn vị thu học phí trích chuyển tỷ lệ % học phí cho Văn phòng Đại học Quốc gia Hà Nội, Trung tâm Thông tin - Thư viện, Trung tâm Hỗ trợ sinh viên theo qui định;

- Đơn vị thu học phí chuyển cho đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế: Học phí dành để cấp học bổng, tổng học phí dôi ra do chênh lệch định mức học phí cho mỗi tín chỉ giữa hai đơn vị và kinh phí phối hợp quản lý sinh viên.

b) Tỷ lệ học phí cần điều chuyển

Sau khi trừ đi kinh phí trích chuyển cho Văn phòng Đại học Quốc gia Hà Nội, Trung tâm Thông tin - Thư viện, Trung tâm Hỗ trợ sinh viên, phần kinh phí còn lại được phân bổ như sau:

- Học phí dành để cấp học bổng (đối với bậc đại học): 15%.

- Tổng học phí dôi ra do chênh lệch định mức học phí cho mỗi tín chỉ giữa hai đơn vị được tính như sau: $A = a \times b \times (c - d)$. Trong đó a là số tín chỉ thực tế giảng dạy; b là số sinh viên; c là định mức học phí cho mỗi tín chỉ của đơn vị có sinh viên; d là định mức học phí cho mỗi tín chỉ của đơn vị trực tiếp giảng dạy.

- Kinh phí phối hợp quản lý sinh viên của đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế: 15% .

c) Phương thức thực hiện

- Các đơn vị tham gia giảng dạy, quản lý chương trình đạt chuẩn quốc tế thống nhất và cung cấp cho Ban Đào tạo (qua Văn phòng Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược) thẩm định số tín chỉ đảm nhiệm giảng dạy của từng đơn vị theo khóa học và từng môn học chung, các môn chuyên môn.

- Các đơn vị tham gia giảng dạy, quản lý chương trình đạt chuẩn quốc tế cùng với Văn phòng Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược thống nhất số học phí thực tế được hưởng của từng đơn vị.

- Các đơn vị trực tiếp giảng dạy chương trình đạt chuẩn quốc tế sẽ thu và chuyển học phí của người học theo nguyên tắc như nêu ở trên.

+ Năm thứ nhất

Đối với môn ngoại ngữ: sau khi trừ tổng học phí dôi ra do chênh lệch định mức học phí cho mỗi tín chỉ giữa hai đơn vị - được chuyển cho đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế, (i) Trường Đại học Ngoại ngữ được hưởng 70% để tổ chức đào tạo và quản lý sinh viên năm thứ nhất chương trình đạt chuẩn quốc tế; (ii) Các đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế được hưởng 15% để phối hợp với Trường Đại học Ngoại ngữ theo dõi, giám sát, quản lý và điều phối các hoạt động đào tạo, tổ chức hoạt động ngoại khóa cho sinh viên, đồng thời được hưởng 15% để cấp học bổng cho sinh viên.

Đối với môn giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng an ninh: sau khi trừ tổng học phí dôi ra do chênh lệch định mức học phí cho mỗi tín chỉ giữa hai đơn vị - được chuyển cho đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế, (i) Đơn vị giảng dạy được hưởng 65%; (ii) Trường Đại học Ngoại ngữ được hưởng 5% để quản lý sinh viên; (iii) Các đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế được hưởng 15% để phối hợp với Trường Đại học Ngoại ngữ theo dõi, giám sát, quản lý và điều phối các hoạt động đào tạo, tổ chức hoạt động ngoại khóa cho sinh viên, 15% để cấp học bổng cho sinh viên.

Đối với môn lý luận chính trị: sau khi trừ tổng học phí dôi ra do chênh lệch định mức học phí cho mỗi tín chỉ giữa hai đơn vị - được chuyển cho đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế (i) Đơn vị giảng dạy được hưởng 55%; (ii) Trường Đại học Ngoại ngữ được hưởng 15% (trong đó 10% cơ sở vật chất và 5% quản lý sinh viên); (iii) Các đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế được hưởng 15% để phối hợp với Trường Đại học Ngoại ngữ theo dõi, giám sát, quản lý và điều phối các hoạt động đào tạo, tổ chức hoạt động ngoại khóa cho sinh viên, 15% để cấp học bổng cho sinh viên.

Đối với các môn chuyên môn do đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế: (i) Trường Đại học Ngoại ngữ được hưởng 15%; (ii) Các đơn vị có chương trình đạt chuẩn quốc tế được hưởng 85%.

+ Từ năm thứ hai

Tỷ lệ kinh phí 55% đối với các môn ngoại ngữ, lý luận chính trị.

Tỷ lệ kinh phí 65% đối với các môn giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng an ninh bậc đại học.

Phân bổ kinh phí giảng dạy các môn ngoại ngữ và triết học bậc sau đại học cho các đơn vị được giao nhiệm vụ theo nguyên tắc tương tự như đại học chính quy, với tỷ lệ 55% kinh phí giành cho giảng dạy các môn học chung.

4. Kinh phí từ các nguồn hợp pháp khác

Các đơn vị bố trí kinh phí hỗ trợ cho Nhiệm vụ chiến lược theo đề án thành phần đã được phê duyệt.

5. Kinh phí do Ngân sách nhà nước cấp từ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Các đơn vị được cấp kinh phí cho Nhiệm vụ chiến lược theo quyết định của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội đã phê duyệt.

6. Kinh phí do ngân sách nhà nước cấp từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ

Các đơn vị được cấp kinh phí cho Nhiệm vụ chiến lược theo quyết định của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội đã phê duyệt.

Điều 56. Các định mức chi cụ thể

1. Căn cứ pháp lý

a) Thông tư số 91/2005/TT-BTC ngày 18/10/2005 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí;

b) Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 9/8/2006 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ;

c) Hướng dẫn số 2100/KHTC ngày 29/11/2006 của Đại học Quốc gia Hà Nội về việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ đối với đơn vị sự nghiệp trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính;

d) Thông tư số 44/2007/TTLT-BTC-KHCN ngày 07/5/2007 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Khoa học Công nghệ hướng dẫn xây dựng định mức xây dựng và phân bổ kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học công nghệ có sử dụng Ngân sách nhà nước;

e) Thông tư liên tịch số 144/2007/TTLT-BTC-BGDĐT-BNG ngày 05/12/2007 của liên Bộ Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Ngoại giao về hướng dẫn chế độ cấp phát và quản lý kinh phí đào tạo lưu học sinh Việt Nam ở nước ngoài bằng nguồn vốn Ngân sách nhà nước;

f) Đề án “Đào tạo theo chương trình tiên tiến tại một số trường đại học Việt Nam giai đoạn 2008-2015” ban hành theo Quyết định số 1505/QĐ-TTg ngày 15/10/2008 của Chính phủ;

g) Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17/6/2009 của Bộ Tài chính quy định nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học đối với các ngành đào tạo Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp;

h) Thông tư 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ Ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

i) Đề án 911, Đề án TRIG và chương trình tiên tiến được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt;

k) Các hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo liên quan.

2. Nội dung và định mức chi cụ thể

Đại học Quốc gia Hà Nội có Quy định riêng về nội dung và định mức chi cụ thể cho Nhiệm vụ chiến lược. Căn cứ khung định mức (mức trần) của Đại học Quốc gia Hà Nội, Thủ trưởng các đơn vị có đề án thành phần qui định cụ thể định mức chi của đơn vị phù hợp với tình hình thực tế (nhưng không được trái với Qui định của Đại học Quốc gia Hà Nội) thông qua Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị, trong trường hợp đặc biệt trình Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm thanh quyết toán theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước và hướng dẫn của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 57. Sử dụng kinh phí

Trên cơ sở các đề án thành phần đã được Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt, Thủ trưởng các đơn vị lập dự toán chi theo nhiệm vụ của đề án thành phần với các nội dung chi như sau:

1. Phát triển đội ngũ

a) Chi phí thu hút giảng viên có trình độ tiến sĩ;

b) Cử giảng viên đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, nghiên cứu khoa học tiên tiến ở nước ngoài;

c) Đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn đối với giảng viên để nâng cao trình độ chuyên môn, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, nghiên cứu khoa học tiên tiến ở trong nước;

d) Hỗ trợ giảng viên dự giờ giảng của giảng viên nước ngoài;

e) Cử giảng viên đi học tiếng Anh trong nước (để đạt chuẩn 6,0 IELTS hoặc tương đương);

f) Chi phí cán bộ quản lý đi đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về quản trị đại học tiên tiến ở nước ngoài;

g) Đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn đối với cán bộ quản lý ở trong nước;

h) Cử cán bộ quản lý đi học tiếng Anh trong nước (để đạt chuẩn 5,5 IELTS hoặc tương đương);

2. Nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động khoa học và công nghệ.

a) Triển khai thực hiện đề tài cấp Nhà nước;

b) Triển khai thực hiện đề tài ngoài Đại học Quốc gia Hà Nội;

c) Triển khai thực hiện đề tài nghiên cứu cơ bản và nhiệm vụ bảo vệ môi trường;

d) Triển khai thực hiện đề tài cấp Đại học Quốc gia Hà Nội (nhóm A);

e) Triển khai thực hiện đề tài cấp Đại học Quốc gia Hà Nội (nhóm B);

- f) Triển khai thực hiện đề tài cấp cơ sở;
- g) Chuẩn bị và tổ chức hội thảo khoa học quốc tế;
- h) Hỗ trợ công bố kết quả nghiên cứu ở tạp chí quốc tế;
- i) Hỗ trợ xuất bản sách chuyên khảo;
- k) Hỗ trợ nghiên cứu khoa học sinh viên.

3. Hiện đại hóa chương trình, học liệu, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá và cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học

- a) Hoàn thiện, điều chỉnh và bổ sung khung chương trình song ngữ Anh-Việt;
- b) Biên tập và ban hành chương trình song ngữ Anh-Việt;
- c) Xây dựng đề cương môn học;
- d) Thẩm định toàn bộ chương trình đào tạo;
- e) Điều tra khảo sát ý kiến của các đối tượng liên quan đến chương trình đào tạo, trong đó có sinh viên tốt nghiệp;
- g) Tự đánh giá kiểm định chất lượng chương trình với trường đại học đối tác;
- h) Thuê đánh giá ngoài kiểm định chất lượng chương trình với trường đại học đối tác;
- i) Thiết kế và chuẩn hóa bộ đề thi;
- k) Biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo tiếng Việt;
- l) Biên dịch tài liệu tiếng Anh;
- m) Mua giáo trình;
- n) Mua tài liệu tham khảo;
- o) Đầu tư nâng cấp, sửa chữa phòng học, phòng điều hành, phòng hội họp, sinh hoạt chuyên môn chung (bao gồm cả phòng, thiết bị phục vụ làm việc);
- p) Tủ sách (bao gồm: giá sách, hệ thống thông tin phục vụ tủ sách, các đầu sách, tạp chí tham khảo);
- q) Phòng thí nghiệm (cơ sở, chuyên đề);
- r) Bảo trì, bảo dưỡng thiết bị phòng thí nghiệm;
- s) Mua hoặc xây dựng phần mềm giảng dạy;
- t) Xây dựng và duy trì Website chương trình.

4. Hợp tác Quốc tế

- a) Tổ chức các hội thảo quốc tế;
- b) Mời giảng viên nước ngoài;
- c) Hỗ trợ người học là người nước ngoài đến học các chương trình đạt chuẩn quốc tế và hỗ trợ người học các chương trình đạt chuẩn quốc tế đi trao đổi học tập ở nước ngoài.

5. Hoạt động đào tạo

- a) Tổ chức giảng dạy ngoại ngữ năm thứ nhất;
- b) Tổ chức đào tạo chuyên môn bằng tiếng Anh tại đơn vị;
- c) Tổ chức đào tạo chuyên môn bằng tiếng Việt tại đơn vị;
- d) Thực hành, thực tập cho người học;

- e) Hỗ trợ người học thực tập cuối khóa trong hoặc ngoài nước;
- f) Hướng dẫn người học làm khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp;
- g) Xây dựng đề án thành phần;
- h) Thẩm định đề án thành phần;
- i) Tổ chức hội nghị, hội thảo, tổng kết năm học;
- k) Hỗ trợ người học: học bổng, khen thưởng;
- l) Văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, công tác phí;
- m) Kiểm định chất lượng/đánh giá/ kiểm tra/tổng kết chương trình.

6. Học bổng

Học bổng cho người học được xét trên cơ sở các quy định hiện hành của Nhà nước và của Đại học Quốc gia Hà Nội. Các mức học bổng bao gồm: xuất sắc, giỏi và khá. Trong đó mức thấp nhất dành cho loại khá tương đương 100% học phí một người học phải nộp. Số lượng và mức học bổng sẽ được điều chỉnh hàng năm theo quyết định của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội dựa theo kết quả học tập, nghiên cứu khoa học và rèn luyện của người học.

Học bổng được xét và cấp dựa vào tổng điểm của các tiêu chí trong quy định của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội theo thứ tự từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu của từng loại học bổng. Mỗi người học đạt tiêu chuẩn chỉ được nhận một loại học bổng. Kết quả xét học bổng được thông báo công khai.

Tạm thời áp dụng các tiêu chí sau đây để xét và cấp học bổng (trong một tiêu chí, chỉ xét một kết quả cao nhất).

a) Đào tạo đại học

- Đối với sinh viên năm thứ nhất, căn cứ theo tổng điểm của ba thành tích sau đây:

+ Thành tích thi học sinh giỏi

Cấp quốc tế: giải nhất: 5,0 điểm; giải nhì: 4,5 điểm; giải ba: 4,0 điểm; giải khuyến khích: 3,5 điểm.

Cấp khu vực và quốc gia: giải nhất: 3,0 điểm; giải nhì: 2,5 điểm; giải ba: 2,0 điểm; giải khuyến khích: 1,5 điểm.

Cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tương đương: giải nhất: 1,0 điểm; giải nhì: 0,7 điểm; giải ba: 0,5 điểm; giải khuyến khích: 0,3 điểm.

+ Trung bình cộng điểm thi tuyển sinh đại học (nếu có) và điểm học ba năm học Trung học phổ thông của các môn học thi tuyển vào đại học (không tính hệ số): từ 9,5 – 10 điểm: 3,0 điểm; từ 9,0 – 9,4 điểm: 2,5 điểm; từ 8,5 – 8,9 điểm: 2,0 điểm; từ 8,0 – 8,4 điểm: 1,5 điểm.

+ Đối với hệ chuyên có môn học chuyên phù hợp thì xét điểm ưu tiên về học lực của cả ba năm học Trung học phổ thông: loại giỏi: 1,0 điểm; loại khá: 0,5 điểm.

- Đối với sinh viên năm thứ hai trở đi, căn cứ theo tổng điểm của các thành phần sau:

+ Thành tích học tập: Điểm trung bình chung học kỳ;

+ Thành tích nghiên cứu khoa học:

Đạt giải thưởng cấp Đại học Quốc gia Hà Nội hoặc cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo: giải nhất: 0,20 điểm; giải nhì: 0,15 điểm; giải ba: 0,1 điểm; giải khuyến khích: 0,07 điểm;

Đạt giải thưởng cấp đơn vị: giải nhất: 0,1 điểm; giải nhì: 0,07 điểm; giải ba: 0,05 điểm.

Công trình khoa học của một tác giả đăng ở tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học (có phản biện): cấp quốc tế: 0,4 điểm; cấp quốc gia: 0,3 điểm; cấp cơ sở: 0,2 điểm. Đồng tác giả được tính tỷ lệ điểm thưởng này theo cách tính do Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước quy định.

b) Đào tạo thạc sĩ

- Đối với học viên cao học năm thứ nhất, căn cứ theo tổng điểm của các thành phần sau:

+ Điểm trung bình chung tích lũy các môn học thuộc khối kiến thức chuyên môn của bậc đại học (bao gồm kiến thức cơ sở của ngành, chuyên ngành, khóa luận/thi tốt nghiệp);

+ Trung bình cộng điểm thi tuyển sinh cao học các môn cơ bản, cơ sở (nếu có);

+ Thành tích nghiên cứu khoa học: Điểm thưởng nghiên cứu khoa học áp dụng như đối với bậc đại học.

- Đối với học viên cao học năm thứ hai, căn cứ theo tổng điểm của các thành phần sau:

+ Thành tích học tập: Điểm trung bình chung tích lũy;

+ Thành tích nghiên cứu khoa học: Điểm thưởng nghiên cứu khoa học áp dụng như đối với bậc đại học. Mức điểm thưởng cho các thành tích khác về nghiên cứu khoa học do Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội xem xét, quyết định.

c) Đào tạo tiến sĩ

- Đối với nghiên cứu sinh năm thứ nhất, căn cứ theo các điểm thành phần sau:

+ Điểm trung bình chung tích lũy khối kiến thức nhóm chuyên ngành và chuyên ngành của bậc thạc sĩ;

+ Trung bình cộng điểm thi nghiên cứu sinh các môn cơ bản, cơ sở (nếu có);

+ Điểm thưởng nghiên cứu khoa học được áp dụng như đối với bậc cao học;

+ Điểm bảo vệ luận văn thạc sĩ.

- Đối với nghiên cứu sinh năm thứ hai trở đi, căn cứ theo các điểm thành phần sau:

+ Điểm trung bình chung tích lũy khối kiến thức nhóm chuyên ngành và chuyên ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ (nếu có);

+ Điểm trung bình chung các chuyên đề tiến sĩ;

+ Điểm thưởng thành tích nghiên cứu khoa học được áp dụng như cách tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước, bao gồm: điểm giáo trình, sách chuyên khảo; các bài báo khoa học; chủ trì và tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, bằng phát minh, sáng chế, giải thưởng và các sản phẩm khoa học và công nghệ có giá trị khác. Tất cả các công trình khoa học trên phải được thực hiện và công bố lần đầu trong thời gian làm nghiên cứu sinh. Ban Khoa học Công nghệ làm đầu mối đánh giá và xác định thành tích nghiên cứu khoa học của người học.

Chương XII

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH ĐẠT CHUẨN QUỐC TẾ

Điều 58. Đánh giá mức độ đạt chuẩn quốc tế của ngành, chuyên ngành

1. Đánh giá kết quả, mức độ thành công của đề án thành phần và mức độ đạt chuẩn quốc tế của ngành, chuyên ngành dựa vào:

- a) Sản phẩm được quy định tại Điều 3 của Quy định này;
- b) Tiêu chí cận kề chuẩn quốc tế theo Phụ lục 1 của Quy định này;
- c) Kết quả kiểm định chất lượng chương trình đào tạo đạt chuẩn quốc tế.

2. Các bài học, kinh nghiệm thành công, các rủi ro, điểm yếu cần khắc phục.

Điều 59. Duy trì hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ của các ngành, chuyên ngành đã đạt chuẩn quốc tế

1. Đảm bảo nguồn tài chính, trong đó có một tỷ lệ hợp lý từ nguồn thu học phí, nguồn thu từ các hoạt động khoa học, công nghệ, sản xuất kinh doanh, dịch vụ của các đơn vị để duy trì và phát triển các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, quản lý tiên tiến và phát triển nhóm ngành, chuyên ngành, bộ môn, khoa, trường đạt chuẩn quốc tế.

2. Từng bước nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu cao của xã hội. Triển khai quảng bá và đầu tư để thu hút được người học giỏi trong và ngoài nước theo học các chương trình đạt chuẩn quốc tế và thu hút được các nhà khoa học và cán bộ quản lý giỏi về công tác tại Đại học Quốc gia Hà Nội.

3. Bổ sung các nguồn tài chính mới để hiện đại hóa, duy trì, phát triển đội ngũ cán bộ, hệ thống chương trình đào tạo, kiểm định, giáo trình, cơ sở học liệu, cơ sở dữ liệu, cơ sở vật chất, hệ thống cơ chế, phương pháp quản trị đại học tiên tiến của đề án thành phần.

4. Xây dựng môi trường, điều kiện làm việc, đào tạo, bồi dưỡng, có chính sách đãi ngộ xứng đáng về tinh thần, vật chất theo các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và từ nguồn thu tài chính hợp pháp và bằng chính thương hiệu của mình để duy trì và phát triển đội ngũ cán bộ có được từ việc triển khai Nhiệm vụ chiến lược

5. Duy trì và phát triển các liên kết và hợp tác có từ đề án thành phần, đồng thời phát triển thêm các hợp tác mới trên cơ sở hai bên cùng có lợi.

6. Phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng của Đại học Quốc gia Hà Nội theo chuẩn quốc tế; triển khai kiểm định chất lượng theo chuẩn quốc tế các chương trình đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội; thẩm định điều kiện đảm bảo chất lượng đối với đề án thành phần nhằm duy trì chuẩn quốc tế, đáp ứng cao nhu cầu đào tạo nhân tài và nhân lực chất lượng cao của đất nước.

7. Nâng cao trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi hợp pháp của các cán bộ tham gia thực hiện Nhiệm vụ chiến lược; sử dụng đúng người, đúng việc; phát huy tối đa năng lực sáng tạo của cá nhân, hợp tác, liên kết liên thông

8. Phân cấp quản lý phù hợp với năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị; tăng cường kiểm tra, giám sát và kịp thời điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ cho phù hợp với tình hình thực tế, thực hiện quy trình quản lý mở hai chiều (top-down và bottom-up) và theo tinh thần quản trị doanh nghiệp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao tri thức, phát triển và sử dụng các nguồn lực mới.

Điều 60. Tiếp tục phát triển thêm các ngành, chuyên ngành đạt chuẩn quốc tế và các đơn vị đạt chuẩn quốc tế

1. Xây dựng chiến lược phát triển đơn vị từng bước đạt chuẩn quốc tế, xác định các hướng nghiên cứu và đào tạo ưu tiên các ngành, chuyên ngành có các điều kiện cận kề chuẩn quốc tế để lập quy hoạch, hoàn thiện kế hoạch phát triển Nhiệm vụ chiến lược.

2. Tiếp tục đầu tư phát triển để tất cả các ngành, chuyên ngành trong một khoa đều đạt chuẩn quốc tế, xây dựng nhiều khoa đạt chuẩn quốc tế. Có các biện pháp hợp lý tạo ra sự gắn kết hữu cơ giữa các chương trình đào tạo đã được đầu tư với chương trình đào tạo khác của các bộ môn, khoa để hoàn thành việc xây dựng các đơn vị đầu tiên từ cấp bộ môn đến cấp khoa đạt chuẩn quốc tế.

3. Xem xét đầu tư để một số trường có nhiều hoặc tất cả các khoa đạt chuẩn quốc tế, tiến tới có trường đại học thành viên đạt chuẩn quốc tế trong lộ trình đưa Đại học Quốc gia Hà Nội đạt chuẩn quốc tế.

4. Phát triển các nguồn lực cần thiết, mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác trong và ngoài nước để đẩy mạnh Nhiệm vụ chiến lược.

5. Tiếp tục đổi mới quản trị đại học, chỉ đạo quyết liệt, nâng cao sự tâm huyết, trách nhiệm của cán bộ, người học thực hiện thật tốt Nhiệm vụ chiến lược.

Chương XIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 61. Tổ chức thực hiện

1. Ban Chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược và Ban điều hành Nhiệm vụ chiến lược thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, chế độ làm việc như quy định tại chương II của Quy định này.

2. Ban Chính trị và Công tác học sinh sinh viên, trên cơ sở chỉ đạo, hướng dẫn của Ban Tuyên giáo Đảng ủy, Ban Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội, thực hiện các nhiệm vụ:

a) Chủ trì phối hợp chặt chẽ với các đơn vị, Ban Chấp hành Công đoàn và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội thực hiện tốt Kết luận của Ban Thường vụ Đảng ủy và Đảng ủy về Nhiệm vụ chiến lược và Quy định này, cũng như các văn bản khác liên quan;

b) Xây dựng và triển khai Kế hoạch cụ thể bằng các phương pháp khác nhau như tổ chức hội thảo, tập huấn, thông tin trên trang web, Bản tin và các tài liệu khác để tuyên truyền, phổ biến, quán triệt về ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng, lợi ích, thuận lợi, khó khăn, thách

thức và nội dung của Nhiệm vụ chiến lược nhằm nâng cao nhận thức, tạo được sự đồng thuận cao, trách nhiệm cao của toàn thể cán bộ, viên chức, người học trong toàn Đại học Quốc gia Hà Nội cũng như sự chia sẻ, ủng hộ tích cực của phụ huynh người học tham gia thực hiện Nhiệm vụ chiến lược;

c) Đề xuất khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong quá trình thực hiện Nhiệm vụ chiến lược.

3. Ban Tổ chức Cán bộ chỉ đạo thực hiện nội dung về phát triển đội ngũ cán bộ theo quy định tại chương VIII của Quy định này.

4. Ban Đào tạo chỉ đạo triển khai thực hiện các nội dung quy định tại chương IV và chương V của Quy định này.

5. Ban Khoa học Công nghệ chỉ đạo triển khai các hoạt động khoa học và công nghệ từ tất cả các nguồn có thể thực hiện các nội dung quy định tại chương VI của Quy định này.

6. Ban Kế hoạch Tài chính chịu trách nhiệm chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai các giải pháp phát triển các điều kiện đảm bảo như quy định tại chương XI của Quy định này; Tham mưu cho Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc cấp kinh phí thực hiện Nhiệm vụ chiến lược.

7. Ban Thanh tra chịu trách nhiệm chủ trì thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát theo kế hoạch thường xuyên hoặc đột xuất; phối hợp với Ban Chính trị và Công tác học sinh viên đề xuất khen thưởng đối với những tập thể, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ và đề xuất các hình thức xử lý kỷ luật đối với những tập thể, cá nhân không thực hiện theo đúng các chủ trương, kết luận, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy, Ban Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội và Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược.

8. Ban Quan hệ Quốc tế hỗ trợ các đơn vị trong việc thông tin, kết nối, hợp tác với các đối tác quốc tế; đầu mối chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Cán bộ trong việc mời các nhà khoa học nước ngoài đến Đại học Quốc gia Hà Nội giảng dạy, nghiên cứu và cử cán bộ Đại học Quốc gia Hà Nội đi đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, chuyển giao khoa học và công nghệ ở nước ngoài; đầu mối chủ trì, phối hợp với Ban Chính trị và Công tác học sinh viên trong việc thu hút, tiếp nhận, trao đổi sinh viên quốc tế đến Đại học Quốc gia Hà Nội học tập, nghiên cứu và gửi sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh của Đại học Quốc gia Hà Nội đi học tập, nghiên cứu ở nước ngoài; đầu mối chủ trì, phối hợp với Ban Khoa học Công nghệ trong việc phát triển các dự án, hợp tác quốc tế.

9. Văn phòng Đại học Quốc gia Hà Nội chịu trách nhiệm tích hợp dữ liệu, thống kê liên quan đến Nhiệm vụ chiến lược vào cơ sở dữ liệu chung và các báo cáo giao ban, báo cáo định kỳ, đột xuất của Đại học Quốc gia Hà Nội; quản lý các nguồn kinh phí của Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược.

10. Văn phòng Ban Chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược thực hiện tốt nhiệm vụ được giao theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy định này và theo sự chỉ đạo của Ban Giám đốc, Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược, làm tốt công tác truyền thông, tổng hợp thông tin, theo dõi, đôn đốc

các bên liên quan thực hiện đúng các nội dung của Quy định này và các Kết luận, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy, Ban Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội và Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược.

11. Thủ trưởng các đơn vị có Nhiệm vụ chiến lược chịu trách nhiệm làm tốt việc quán triệt tới cán bộ và người học của đơn vị mình đồng thời chỉ đạo sâu sát, triển khai quyết liệt, giải quyết dứt điểm các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Nhiệm vụ chiến lược; thường xuyên kiểm tra, giám sát và định kỳ tổ chức tự đánh giá, báo cáo những vấn đề nảy sinh và kết quả thực hiện với Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược Văn phòng Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược.

12. Công đoàn các cấp thực hiện theo sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy Đại học Quốc gia Hà Nội trong việc động viên cán bộ lãnh đạo công đoàn chủ động tìm hiểu đầy đủ, nắm chắc các Kết luận của Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy, các quy định, hướng dẫn và chỉ đạo của Ban Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội, Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược để phối hợp với chính quyền các cấp tổ chức tốt việc tuyên truyền, phổ biến, quán triệt về mục tiêu, sản phẩm, nội dung, thuận lợi và lợi ích của Nhiệm vụ chiến lược; phát hiện những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Nhiệm vụ chiến lược để đề xuất các giải pháp khắc phục và động viên, khuyến khích cán bộ, viên chức tích cực thực hiện Nhiệm vụ chiến lược, trọng tâm là động viên, yêu cầu cán bộ, viên chức tích cực tham gia đào tạo, bồi dưỡng và tự nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của Nhiệm vụ chiến lược; chú trọng tổ chức các hoạt động và giải pháp có tính đặc thù của Công đoàn tác động đến việc hoàn thành Nhiệm vụ chiến lược.

13. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội sinh viên thực hiện theo sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy Đại học Quốc gia Hà Nội trong việc tham gia triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt trong cán bộ trẻ và người học có nhận thức đầy đủ và sâu sắc nhằm tiếp tục tạo sự đồng thuận, trách nhiệm cao và quyết tâm thực hiện thắng lợi Nhiệm vụ chiến lược; tích cực tham gia phát triển đội ngũ cán bộ trẻ đạt chuẩn quốc tế, trong đó đặc biệt cần tổ chức động viên và cổ vũ các giảng viên trẻ đi tiên phong trong việc phát triển đạt chuẩn cán bộ giảng dạy là tiến sĩ, có nhiều công trình khoa học, đổi mới phương pháp giảng dạy, giảng dạy chuyên môn bằng tiếng Anh, sử dụng tốt các kỹ năng chuyên môn, kỹ năng mềm trong giảng dạy và tích cực nghiên cứu khoa học; hướng dẫn việc thành lập, xây dựng cơ chế vận hành tổ chức Đoàn và Hội sinh viên của các lớp khóa học thuộc các chương trình đạt chuẩn quốc tế theo đúng Điều lệ Đoàn và Điều lệ Hội; chủ động đề xuất và tham gia tích cực vào quá trình đào tạo, kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển tâm nhin, năng lực và kỹ năng của người học.

Điều 62. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các văn bản sau đây:

a) Quy định tạm thời về xây dựng và phát triển một số ngành, chuyên ngành đạt trình độ quốc tế, ban hành theo Quyết định số 1022/QĐ-KHTC, ngày 05 tháng 3 năm 2009 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

b) Quy định tạm thời về đào tạo sinh viên năm thứ nhất thuộc chương trình đào tạo đạt chuẩn quốc tế tại ĐHQGHN, ban hành theo Quyết định số 436/QĐ-ĐHQGNN, ngày 11 tháng 02 năm 2011 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

c) Quy định về cơ cấu tổ chức, chỉ đạo và điều hành Nhiệm vụ chiến lược ở Đại học Quốc gia Hà Nội, ban hành kèm theo Quyết định số 2745/QĐ-ĐHQGHN ngày 16 tháng 9 năm 2011 của Giám đốc ĐHQGHN;

d) Hướng dẫn tổ chức đào tạo năm thứ nhất cho các sinh viên thuộc Nhiệm vụ chiến lược ở Đại học Quốc gia Hà Nội số 3226 /HD-ĐHQGHN, ngày 08 tháng 11 năm 2010 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

e) Các văn bản khác của Đại học Quốc gia Hà Nội đã ban hành trước đây có liên quan đến xây dựng và phát triển ngành, chuyên ngành đạt chuẩn quốc tế trái với Quy định này.

2. Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định điều chỉnh, bổ sung một số quy định mang tính cụ thể và định lượng cho phù hợp với tình hình thực tế để áp dụng và thông báo cho Ban Chỉ đạo Đại học Quốc gia Hà Nội tại phiên họp gần nhất./.

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

GS. TS. Mai Trọng Nhuận

PHỤ LỤC 1
Tiêu chí của ngành, chuyên ngành cận kề chuẩn quốc tế

TT	Các tiêu chí và chỉ số cận kề	Chỉ số của đơn vị tại thời điểm hiện tại	Chỉ số dự kiến của đơn vị sau khi đề án thành phần kết thúc	Chỉ số theo nhóm 200 trường hàng đầu thế giới	Chỉ số xếp hạng của QS/THES
1	Đội ngũ cán bộ khoa học, giảng viên				
1.1	Tỉ lệ sinh viên/giảng viên			tối đa là 12/1	
1.2	Tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên			100%	
1.3	Tỉ lệ giảng viên có thể giảng dạy được bằng tiếng Anh			100%	
1.4	Tỉ lệ giảng viên giáo sư/phó giáo sư			tối thiểu 30%	
2	Hệ thống chương trình đào tạo				
2.1	Chương trình đào tạo đã được kiểm định (bởi Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Quốc gia Hà Nội, các hệ thống khác)			Đạt chuẩn của trường đại học đối tác	
2.2	Đã và đang liên kết, hợp tác, sử dụng chương trình đào tạo (gồm có chương trình và bộ học liệu) của các đại học tiên tiến trên thế giới				
2.3	Số môn học trong chương trình đào tạo đã được			100%	

	giảng dạy bằng tiếng Anh				
3	Hệ thống, cơ chế, phương pháp quản trị đại học tiên tiến				
3.1.	Danh mục các quy trình quản trị đại học đã được thực hiện theo chuẩn ISO				
3.2.	Số lượng và danh mục các quy trình/công tác quản lý được tin học hóa				
4	Hệ thống cơ sở dữ liệu (ở dạng in và dạng điện tử) theo dạng chuẩn do Đại học Quốc gia Hà Nội quy định				
4.1.	Hệ thống các văn bản quản lý, điều hành liên quan đến Nhiệm vụ chiến lược				
4.2.	Các thông tin, báo cáo, các sản phẩm, kết quả dữ liệu khác				
5	Hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị				
5.1	Phòng học chuẩn; phòng thực hành/thực tập				
5.2	Hệ thống phòng thí nghiệm, thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu				
5.3	Hạ tầng CNTT				
5.4	Hệ thống học liệu (số đầu				

	sách, tài liệu tham khảo)				
5.5	Tài nguyên số công bố và xuất bản trên cổng thông tin của Đại học Quốc gia Hà Nội và đơn vị			5 tài liệu/giảng viên/năm	
5.6	Mức độ đầu tư cho thư viện			01 thư mục/sinh viên/năm	
6	Chất lượng sản phẩm đào tạo (cử nhân, kỹ sư/thạc sĩ/tiến sĩ)				
6.1.	Có đạo đức tốt, trình độ, năng lực, kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm, đáp ứng yêu cầu kinh tế - xã hội và thị trường lao động quốc tế				
6.2.	Chuẩn tiếng Anh			Đạt chuẩn 6.0 IELTS hoặc tương đương	
6.3	Tỷ lệ người học nhận được học bổng tiếp tục học tập ở nước ngoài hoặc làm việc ở các cơ quan/doanh nghiệp có uy tín trong và ngoài nước ngay sau khi tốt nghiệp			> 25%	
6.4.	Số người học được đi thực tập, trao đổi ở nước ngoài				
7	Chất lượng và sản				

	phẩm hoạt động khoa học công nghệ				
7.1	Số bài báo đăng trên tạp chí khoa học ISI...			01/công trình/cán bộ khoa học/năm	
7.2	Số lần được trích dẫn (lần/công trình/năm)			Ít nhất 01/công trình/năm	
7.3	Số các nhà khoa học có báo cáo mời, trình bày tại các hội nghị khoa học quốc tế			ít nhất 01/chuyên ngành/năm	
7.4	Số sách chuyên khảo			01 sách/chuyên ngành/năm (trong đó có 01 sách/chuyên ngành/5 năm xuất bản bằng tiếng nước ngoài)	
7.5	Số bằng phát minh sáng chế hoặc giải thưởng khoa học và công nghệ (hoặc số lượng các sản phẩm khoa học và công nghệ tiêu biểu, tư vấn hoạch định chính sách, giải pháp hữu ích...)			01/ngành hoặc chuyên ngành/năm	
7.6	Số chương trình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ hợp tác với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và địa phương			01/ngành hoặc chuyên ngành/3 năm	
8	Hiệu quả hợp tác trong và ngoài nước				

8.1	Tỉ lệ giảng viên quốc tế (số giảng viên quốc tế/số giảng viên Việt Nam)			10%	
8.2	Tỉ lệ sinh viên quốc tế (số sinh viên quốc tế/số sinh viên Việt Nam)			05%	
8.3	Tỉ lệ giảng viên đi trao đổi nước ngoài (số giảng viên đi trao đổi/tổng số giảng viên)			25%	
8.4	Tỉ lệ sinh viên đi trao đổi nước ngoài (số sinh viên đi trao đổi/tổng số sinh viên cùng khoá)			10%	
8.5	Số các môn học giảng dạy bằng tiếng Anh (trừ các môn lý luận chính trị, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng an ninh)			100%	
8.6	Số lượng các chương trình, đề tài hợp tác với các trường đại học nước ngoài trong nhóm 500 của thế giới			01/ngành hoặc chuyên ngành/3 năm	
8.7	Số học giả quốc tế đánh giá và thừa nhận			Tối thiểu 03/ngành hoặc chuyên ngành/lần khảo sát của tổ chức xếp hạng đại học thế giới	
8.8	Đánh giá và thừa nhận của các nhà tuyển dụng trong nước và quốc tế			03/ ngành hoặc chuyên ngành/lần khảo sát của của tổ chức xếp hạng đại học	

				thế giới.	
9	Sự cần thiết phát triển ngành, chuyên ngành đạt chuẩn quốc tế				
9.1	Mức độ yêu cầu tự thân đạt chuẩn quốc tế của ngành, chuyên ngành			100%	
9.2	Cam kết của lãnh đạo về sẵn sàng, quyết tâm, trách nhiệm cao của đội ngũ cán bộ thực hiện Nhiệm vụ chiến lược và Quy định này			100%	
9.3	Thuộc các lĩnh vực khoa học cơ bản, công nghệ cao, kinh tế - xã hội mũi nhọn; đóng vai trò cơ bản, tiên phong cho bước phát triển đột phá của ngành, chuyên ngành				
9.4	Thuộc các hướng ưu tiên của Nhà nước/đặc thù của Đại học Quốc gia Hà Nội/đáp ứng nhu cầu cao của xã hội				
9.5	Góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh quốc gia và uy tín quốc tế của đơn vị và của Đại học Quốc gia Hà Nội, có tác động lan tỏa,				

	thúc đẩy các ngành/chuyên ngành khác phát triển đạt chuẩn quốc tế				
10	Các tiêu chí khác theo đặc thù của đề án thành phần				

PHỤ LỤC 2
Mẫu đề xuất đề án thành phần
(Tóm tắt nội dung chủ yếu của đề xuất đề án thành phần)

Tên đề án :	Xây dựng và phát triển ngành ...chuyên ngànhđạt chuẩn quốc tế
Mục tiêu của đề án:	Ghi cụ thể
Các sản phẩm của Đề án:	Chi tiết hóa các sản phẩm nêu tại điều 3 của Quy định này, phù hợp với đặc thù của ngành, chuyên ngành dự kiến
Mức độ cận kề chuẩn quốc tế	Tự đánh giá theo tiêu chí nêu ở Phụ lục 1
Khả năng thu hút người học	Nhu cầu xã hội, tính mới, độc đáo của chương trình đào tạo, nghiên cứu, khả năng của người học có việc làm tốt sau khi tốt nghiệp
Khả năng thu hút các nguồn lực	Số lượng các đề tài, dự án khoa học và công nghệ, hợp tác chuyển giao tri thức, tên các dự án đầu tư chiều sâu, tăng cường năng lực liên quan tới ngành, chuyên ngành
Trường đại học đối tác	Tên trường bằng tiếng Anh, vị trí xếp hạng theo THES, QS, Shanzai Jiotong University Mức độ kiểm định của chương trình đào tạo của trường đối tác dự kiến sử dụng để xây dựng chương trình đạt chuẩn quốc tế Thế mạnh của trường đối tác Địa chỉ, trang web Nội dung các thỏa thuận hợp tác với đối tác Các thông tin khác
Cơ quan chủ quản:	Đại học Quốc gia Hà Nội Địa chỉ liên lạc: Văn phòng Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược, Nhà điều hành Đại học Quốc gia Hà Nội,
Đơn vị thực hiện:	[Tên đơn vị / tên khoa hoặc bộ môn thực hiện đề án thành phần] - Đại học Quốc gia Hà Nội
Giám đốc đề án dự kiến:	[Họ tên, chức danh, địa chỉ, email, điện thoại liên hệ]
Kinh phí thực hiện:	Tổng kinh phí: (Bằng chữ:.....)
	Nguồn kinh phí Nhiệm vụ chiến lược: ... (Bằng chữ:.....)
	Nguồn kinh phí từ người học: (Bằng chữ:.....)

	Nguồn kinh phí khác: (Bằng chữ:.....)
Thời gian thực hiện:	Thời gian:,
Hiệu quả , tác động của đề án thành phần	Nêu những hiệu quả và tác động chính đối với kinh tế - xã hội của đất nước
Khả năng đạt chuẩn quốc tế sau giai đoạn đầu tư ban đầu	Tự đánh giá khả năng đạt các tiêu chí nêu ở Phụ lục 1 sau giai đoạn đầu tư ban đầu
Quản lý rủi ro	Nêu các rủi ro có thể có và giải pháp hạn chế rủi ro
Tính bền vững	Nêu tóm tắt khả năng duy trì và phát triển đề án thành phần sau giai đoạn đầu tư ban đầu

Kèm theo tóm tắt nói trên còn có khung logic tóm tắt đề án thành phần, thể hiện các hoạt động chính và nguồn lực thực hiện để đạt từng sản phẩm, thời gian dự kiến đạt các sản phẩm.

PHỤ LỤC 3
Mẫu đề án thành phần

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

[ĐƠN VỊ]

ĐỀ ÁN THÀNH PHẦN

XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
NGÀNH....., CHUYÊN NGÀNH
ĐẠT CHUẨN QUỐC TẾ

Hà Nội, năm 20....

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

[ĐƠN VỊ]

ĐỀ ÁN THÀNH PHẦN

XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

NGÀNH..., CHUYÊN NGÀNH.....

ĐẠT CHUẨN QUỐC TẾ

**ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
Ký tên, đóng dấu**

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN
GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
Phê duyệt điều chỉnh**

Hà Nội, năm 20...

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên đề án thành phần:	Xây dựng và phát triển ngành..., chuyên ngànhđạt chuẩn quốc tế
Mục tiêu của đề án thành phần:	(trích mục tiêu đã ghi trong đề án thành phần)
Các sản phẩm của đề án thành phần:	Tóm tắt theo các nhóm sản phẩm đã nêu trong đề án thành phần
Cơ quan chủ quản:	Đại học Quốc gia Hà Nội Địa chỉ liên lạc: Văn phòng Ban chỉ đạo Nhiệm vụ chiến lược, Nhà điều hành Đại học Quốc gia Hà Nội.
Đơn vị thực hiện:	[Tên đơn vị] - Đại học Quốc gia Hà Nội
Giám đốc đề án thành phần (dự kiến):	[Họ tên, chức danh, địa chỉ, email, điện thoại liên hệ]
Kinh phí thực hiện:	Tổng kinh phí: (Bằng chữ:.....) Nguồn kinh phí Nhiệm vụ chiến lược: ... (Bằng chữ:.....) Nguồn kinh phí từ người học: (Bằng chữ:.....) Nguồn kinh phí khác: (Bằng chữ:.....)
Thời gian thực hiện:năm, từđến

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT (Nếu có)

1. BỐI CẢNH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN	
1.1. Cơ sở pháp lý và thực tiễn xây dựng đề án thành phần:	
1.2. Giới thiệu về đơn vị thực hiện đề án thành phần	
1.3. Giới thiệu về ngành, chuyên ngành.....	
1.4. Giới thiệu về trường đối tác, chương trình đào tạo dự kiến lựa chọn	
1.5. Sự cần thiết của việc thực hiện đề án thành phần	
2. MỤC TIÊU, SẢN PHẨM VÀ NỘI DUNG ĐỀ ÁN THÀNH PHẦN	
2.1. Đối tượng và phạm vi của đề án thành phần.....	
2.2. Mục tiêu chung.....	
2.3. Các mục tiêu cụ thể	
2.4. Các sản phẩm	
2.5. Các hoạt động chính	
3. TÓM TẮT KHUNG LOGIC	
4. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG VÀ KINH PHÍ	
4.1. Kế hoạch, lộ trình hoạt động	
4.2. Kinh phí hoạt động	
5. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN VÀ QUẢN LÝ ĐỀ ÁN THÀNH PHẦN	
5.1. Kế hoạch thực hiện.....	
5.2. Quản lý đề án thành phần.....	
5.3. Theo dõi, kiểm tra đánh giá tiến độ và chất lượng.....	
6. HIỆU QUẢ VÀ TÍNH BỀN VỮNG CỦA ĐỀ ÁN THÀNH PHẦN	
6.1. Hiệu quả và lợi ích của đề án thành phần	
6.2. Rủi ro của đề án thành phần và phương hướng quản lý rủi ro.....	
6.3. Tính bền vững của đề án thành phần	
7. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ ĐẦU TƯ	
8. TÀI LIỆU THAM KHẢO	
9. PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

CSVC	Cơ sở vật chất
ĐH	Đại học
ĐHQGHN	Đại học Quốc gia Hà Nội
ĐHNN	Đại học Ngoại ngữ
ĐATP	Đề án thành phần
KTĐG	Kiểm tra đánh giá
NCS	Nghiên cứu sinh
NVCL	Nhiệm vụ chiến lược
NCKH	Nghiên cứu khoa học
PGS	Phó giáo sư
PPGD	Phương pháp giảng dạy
SĐH	Sau đại học
TS	Tiến sĩ
.....
.....

1. Bối cảnh thực hiện đề án thành phần

1.1. Cơ sở pháp lý và căn cứ thực tiễn xây dựng đề án thành phần

- Nêu các văn bản của Nhà nước, các bộ, ban ngành, ĐHQGHN và của đơn vị là căn cứ pháp lý để xây dựng đề án thành phần;

- Nêu kinh nghiệm của các trường đại học trong và ngoài nước về phát triển ngành, chuyên ngành đạt chuẩn quốc tế.

1.2. Giới thiệu về đơn vị thực hiện đề án thành phần

- Mức độ cận kề chuẩn quốc tế của ngành, chuyên ngành dự kiến (cung cấp đầy đủ số liệu, thông tin như Phụ lục 1);

- Tự đánh giá về mức độ cận kề chuẩn quốc tế của ngành, chuyên ngành dự kiến;

- Đặc thù, đặc điểm vượt trội;

- Kinh nghiệm của đơn vị trong việc triển khai các hoạt động liên quan tới Nhiệm vụ chiến lược.

1.3. Giới thiệu về ngành, chuyên ngành

- Cơ cấu các chuyên ngành thuộc ngành dự kiến, mối liên hệ, liên thông giữa ngành và chuyên ngành;

- Đặc thù, điểm nội trội;

- Nhu cầu, xu hướng phát triển liên hoàn của ngành, chuyên ngành trên thế giới và Việt Nam.

- Khả năng thu hút các nguồn lực như người học giỏi, giảng viên xuất sắc, nguồn lực tài chính.

1.4. Giới thiệu về trường đại học đối tác

- Đặc thù, điểm mạnh, chiến lược, giá trị cốt lõi, các ưu tiên trong nghiên cứu và đào tạo, chuyển giao tri thức và hợp tác quốc tế;

- Cơ cấu ngành, chuyên ngành;

- Hiện trạng kiểm định, xếp hạng của trường đại học đối tác; kiểm định và xếp hạng chương trình đào tạo dự kiến hợp tác theo THE, QS, webometrics...

1.5. Sự cần thiết của việc thực hiện đề án thành phần

2. Mục tiêu, sản phẩm, nội dung của đề án thành phần

2.1. Đối tượng và phạm vi của đề án thành phần

2.2. Mục tiêu chung

Bổ sung, chi tiết hóa các mục tiêu Nhiệm vụ chiến lược nêu tại Điều 2 của Quy định này, có điều chỉnh cho phù hợp với ngành, chuyên ngành.

2.3. Các mục tiêu cụ thể

Cụ thể hóa, chi tiết hóa mục tiêu của Nhiệm vụ chiến lược phù hợp với đề án thành phần.

2.4. Các sản phẩm

- Bổ sung, chi tiết hóa các sản phẩm Nhiệm vụ chiến lược nêu ở Điều 3 của Quy định này, có điều chỉnh cho phù hợp với đề án thành phần;

- Mô tả ngắn gọn số lượng, chất lượng, dạng loại các sản phẩm sau đó lập bảng (xem bảng 2.4.). Ví dụ đối với sản phẩm là đội ngũ cán bộ thì số lượng thu hút, đào tạo, bồi dưỡng ... cho các nhóm nhân lực giảng viên, cán bộ quản lý; sau đó, các sản phẩm này sẽ được tóm tắt bằng bảng dưới đây.

Bảng 2.4. Tóm tắt các chỉ số tăng cường năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý

STT	Tên sản phẩm	Chỉ số ban đầu	Chỉ số mục tiêu	Chỉ số cần tăng	Chỉ số tăng theo năm			
Sản phẩm 1.1								
Sản phẩm 1.2								
Sản phẩm 1.3								
...								

2.5. Các hoạt động chính của đề án thành phần

- Dựa vào các nội dung tương ứng của Quy định Nhiệm vụ chiến lược, chi tiết hóa và bổ sung tất cả các hoạt động cần thiết để đạt được từng sản phẩm;

- Nêu và mô tả từng hoạt động để đạt từng sản phẩm như các ví dụ dưới đây.

2.5.1. Mô tả các hoạt động tăng cường năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý

Mô tả ngắn gọn nội dung các hoạt động:

- Đánh giá hiện trạng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý theo các chuẩn (sản phẩm đầu ra như đã mô tả trong bảng 2.4.) để làm rõ được mức độ thiếu hụt cả về số lượng, chất lượng so với yêu cầu đối với từng bậc đào tạo;

- Kế hoạch triển khai cho từng loại hoạt động để đạt được từng sản phẩm như đã nêu trong bảng 2.4;

- Tổ chức thực hiện từng hoạt động như đã nêu trong kế hoạch. Lưu ý cần bám sát vào các nội dung đã nêu ở chương VIII của Quy định này và các kết luận của Đảng ủy và Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý thuộc Nhiệm vụ chiến lược.

Các hoạt động tăng cường năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý được tóm tắt ở bảng 2.5.1.

Bảng 2.5.1. Tóm tắt các hoạt động tăng cường năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý

Sản phẩm	Mã số hoạt động	Mô tả hoạt động	Thời gian thực hiện (bắt đầu; kết thúc)
Sản phẩm 1.1	HĐ 1.1.1		
	HĐ 1.1.2		
	HĐ 1.1.3		
Sản phẩm	HĐ 1.2.1		

1.2	HĐ 1.2.2		
	HĐ 1.2.3		
...			

2.5.2. Mô tả các hoạt động hiện đại hóa hệ thống chương trình đào tạo

Mô tả tóm tắt nội dung các hoạt động:

- Đánh giá hiện trạng chương trình, các môn học (giảng dạy bằng tiếng Anh), học liệu, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá,... Từ đó thấy rõ được cần hiện đại các nội dung này như thế nào?. Ví dụ, chương trình đào tạo cần được hiện đại theo chương trình đào tạo của trường đại học đối tác nào (tính hiện đại, phù hợp,...), các nội dung khác cũng làm rõ một cách tương tự;

- Kế hoạch triển khai cho từng loại hoạt động để đạt được từng sản phẩm như đã nêu trong bảng 2.4.;

- Tổ chức thực hiện các hoạt động đã nêu trong kế hoạch. Lưu ý cần bám sát vào các nội dung chương IV, chương V của Quy định này và các Kết luận của Đảng ủy, Ban Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về Nhiệm vụ chiến lược.

Bảng 2.5.2. Tóm tắt các hoạt động hiện đại hóa hệ thống chương trình đào tạo đại học/thạc sĩ/tiến sĩ

Sản phẩm	Mã số hoạt động	Mô tả hoạt động	Thời gian thực hiện (bắt đầu, kết thúc)
Sản phẩm 2.1	HĐ 2.1.1		
	HĐ 2.1.2		
	HĐ 2.1.1		
Sản phẩm 2.2	HĐ 2.2.1		
	HĐ 2.2.2		
	HĐ 2.2.1		

2.5.3. Mô tả các hoạt động đổi mới quản trị đại học

Mô tả tóm tắt nội dung các hoạt động:

- Đánh giá hiện trạng quản trị đại học, việc triển khai thực hiện việc đổi mới quản trị đại học, quá trình triển khai các quy trình quản lý theo chuẩn ISO, tình hình tin học hóa quản lý tại đơn vị, ... Từ đó thấy rõ được cần đổi mới, hiện đại các nội dung này như thế nào;

- Kế hoạch triển khai cho từng loại hoạt động để đạt được từng sản phẩm như đã nêu trong bảng 2.4.;

- Tổ chức thực hiện các hoạt động đã nêu trong kế hoạch.

Bảng 2.5.3. Tóm tắt các hoạt động đổi mới và hiện đại hóa quản trị đại học

Sản phẩm	Mã số hoạt động	Mô tả hoạt động	Thời gian thực hiện (bắt đầu, kết thúc)
Sản phẩm	HĐ 2.1.1		

2.1	HĐ 2.1.2		
	HĐ 2.1.1		
Sản phẩm 2.2	HĐ 2.2.1		
	HĐ 2.2.2		
	HĐ 2.2.1		

2.5.4. Mô tả các hoạt động xây dựng cơ sở dữ liệu, tài nguyên (dạng in và tài nguyên số,...) theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội

Mô tả tóm tắt nội dung các hoạt động:

- Đánh giá hiện trạng cơ sở dữ liệu của đơn vị, đánh giá nguồn tài nguyên hiện có, ...cũng như yêu cầu của Đại học Quốc gia Hà Nội tiếp cận các chuẩn cơ sở dữ liệu như quốc tế, ... Từ đó thấy rõ được cần đổi mới, hiện đại các nội dung này như thế nào;

- Kế hoạch triển khai cho từng loại hoạt động để đạt được từng sản phẩm như đã nêu trong bảng 2.4.;

- Tổ chức thực hiện các hoạt động đã nêu trong kế hoạch.

Bảng 2.5.4. Tóm tắt các hoạt động hiện đại hóa cơ sở dữ liệu

Sản phẩm	Mã số hoạt động	Mô tả hoạt động	Thời gian thực hiện (bắt đầu, kết thúc)
Sản phẩm 2.1	HĐ 2.1.1		
	HĐ 2.1.2		
	HĐ 2.1.1		
Sản phẩm 2.2	HĐ 2.2.1		
	HĐ 2.2.2		
	HĐ 2.2.1		

2.5.5. Mô tả các hoạt động nhằm hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị, học liệu

Mô tả tóm tắt nội dung các hoạt động:

- Đánh giá hiện trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị, học liệu,... của đơn vị, phân tích các yêu cầu, mục tiêu đề ra, từ đó thấy rõ được cần nội dung và giải pháp để đổi mới, hiện đại các nội dung này như thế nào;

- Kế hoạch triển khai cho từng loại hoạt động để đạt được từng sản phẩm như đã nêu trong bảng 2.4;

- Tổ chức thực hiện các hoạt động đã nêu trong kế hoạch.

Bảng 2.5.5. Tóm tắt các hoạt động hiện đại hóa cơ sở vật chất

Sản phẩm	Mã số hoạt động	Mô tả hoạt động	Thời gian thực hiện (bắt đầu, kết thúc)
Sản phẩm 2.1	HĐ 2.1.1		
	HĐ 2.1.2		

	HĐ 2.1.1		
Sản phẩm 2.2	HĐ 2.2.1		
	HĐ 2.2.2		
	HĐ 2.2.1		

(Cần chỉ rõ cơ sở vật chất phục vụ đào tạo đại học, sau đại học)

2.5.6. Mô tả các hoạt động nhằm thực hiện các sản phẩm đào tạo cử nhân, kỹ sư, thạc sĩ, tiến sĩ đáp ứng chuẩn đầu ra

Mô tả tóm tắt nội dung các hoạt động:

- Đánh giá hiện trạng các sản phẩm đầu ra (về tuyển sinh đầu vào, trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, kỹ năng, đánh giá của nhà tuyển dụng và xã hội, phân tích các yêu cầu, chất lượng đầu ra, từ đó thấy rõ được cần nội dung và giải pháp để đổi mới, thực hiện thành công các nội dung này như thế nào);

- Kế hoạch thực hiện các hoạt động cụ thể cho từng việc phù hợp và chi tiết hóa các nội dung tương ứng trong Quy định Nhiệm vụ chiến lược, trong đó có hoạt động đào tạo cử nhân (kỹ sư, bác sỹ), thạc sĩ, tiến sĩ trong cùng một đề án thành phần, có phân kỳ thực hiện phù hợp;

- Tổ chức thực hiện các hoạt động đã nêu trong kế hoạch.

Bảng 2.5.6. Tóm tắt các hoạt động đảm bảo chất lượng sản phẩm đào tạo đáp ứng chuẩn cử nhân/thạc sĩ/tiến sĩ

Sản phẩm	Mã số hoạt động	Mô tả hoạt động	Thời gian thực hiện (bắt đầu, kết thúc)
Sản phẩm 2.1	HĐ 2.1.1		
	HĐ 2.1.2		
	HĐ 2.1.1		
Sản phẩm 2.2	HĐ 2.2.1		
	HĐ 2.2.2		
	HĐ 2.2.1		

2.5.7. Mô tả các hoạt động nâng cao chất lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học và Công nghệ

Mô tả ngắn gọn nội dung các hoạt động:

- Đánh giá hiện trạng năng lực nghiên cứu khoa học và công nghệ của ngành, chuyên ngành: đội ngũ nghiên cứu; các nhóm nghiên cứu hiện có, các loại sản phẩm khoa học và công nghệ (số lượng, chất lượng...);

- Kế hoạch triển khai hoạt động khoa học và công nghệ phù hợp với Quy định Nhiệm vụ chiến lược, trong đó có xác định các hướng nghiên cứu, đề tài, dự án liên quan trực tiếp tới ngành, chuyên ngành được ưu tiên để triển khai;

- Kế hoạch nâng cao năng lực nghiên cứu cho các giảng viên, nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên và đạt được từng sản phẩm Khoa học và Công nghệ đã nêu trong bảng 2.5.1.;

- Tổ chức thực hiện cho từng hoạt động đã nêu trong kế hoạch và được tóm tắt ở bảng 2.5.7.

Bảng 2.5.7. Tóm tắt các hoạt động nâng cao chất lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ

Sản phẩm	Mã số hoạt động	Mô tả hoạt động	Thời gian thực hiện (bắt đầu và kết thúc)
Sản phẩm 4.1	HĐ 4.1.1		
	HĐ 4.1.2		
	HĐ 4.1.1		
Sản phẩm 4.2	HĐ 4.2.1		
	HĐ 4.2.2		
	HĐ 4.2.1		

2.5.8. Mô tả các hoạt động đẩy mạnh và phát huy hiệu quả các hoạt động liên kết, hợp tác trong và ngoài nước

Mô tả tóm tắt nội dung các hoạt động:

- Đánh giá tình hình liên kết, hợp tác với các viện nghiên cứu, các địa phương, doanh nghiệp, các cơ quan trong nước cũng như các đối tác nước ngoài. Nêu những điểm mạnh, điểm yếu, từ đó thấy rõ được cần thực hiện các nội dung này như thế nào;

- Kế hoạch triển khai cho từng loại hoạt động để đạt được từng sản phẩm như đã nêu trong bảng 2.4.;

- Tổ chức thực hiện các hoạt động đã nêu trong kế hoạch.

Bảng 2.5.8. Tóm tắt các hoạt động liên kết, hợp tác trong và ngoài nước

Sản phẩm	Mã số hoạt động	Mô tả hoạt động	Thời gian thực hiện (bắt đầu, kết thúc)
Sản phẩm 2.1	HĐ 2.1.1		
	HĐ 2.1.2		
	HĐ 2.1.1		
Sản phẩm 2.2	HĐ 2.2.1		
	HĐ 2.2.2		
	HĐ 2.2.1		

2.5.9. Mô tả các hoạt động đẩy mạnh các nguồn kinh phí thực hiện đề án thành phần

Mô tả ngắn gọn nội dung các hoạt động:

- Đánh giá thực trạng nguồn kinh phí và các hoạt động tài chính để làm rõ các nguồn lực đã có, các nguồn lực có thể khai thác, các giải pháp thực hiện;

- Kế hoạch triển khai các hoạt động để tăng nguồn thu, tăng kinh phí tích hợp cho đề án thành phần;

- Tổ chức thực hiện từng hoạt động và được tóm tắt trong bảng 2.5.9.

Bảng 2.5.9. Tóm tắt các hoạt động tăng nguồn thu, tăng kinh phí cho đề án thành phần

Sản phẩm	Mã số hoạt động	Mô tả hoạt động	Thời gian thực hiện (bắt đầu, kết thúc)
Sản phẩm 5.1	HĐ 1.1.1		
	HĐ 1.1.2		
	HĐ 1.1.1		
Sản phẩm 5.2	HĐ 1.2.1		
	HĐ 1.2.2		
	HĐ 1.2.1		

2.5.10. Mô tả các hoạt động phát huy thế mạnh, đặc thù của đơn vị (nếu có)

Mô tả ngắn gọn thế mạnh, đặc thù của đơn vị và các giải pháp phát huy những nội hàm đó để tích hợp vào các hoạt động trong quá trình triển khai thực hiện đề án thành phần.

3. Tóm tắt khung logic

Tổng hợp các mục tiêu, sản phẩm, hoạt động, nguồn lực, trong đó có kinh phí, thời hạn thực hiện... như nêu ở bảng 3.1.

Bảng 3.1. Mẫu khung logic (LOGFRAME, xem hướng dẫn của Đại học Quốc gia Hà Nội về xây dựng dự án)

STT	Mục tiêu	Sản phẩm cần đạt (gồm các sản phẩm được nêu trong điều 2 của Quy định này)	Nội dung và các hoạt động cần triển khai để đạt được mục tiêu và sản phẩm đề ra	Các nguồn lực	Dự toán kinh phí	Thời hạn hoàn thành
1	Nêu rõ các mục tiêu cụ thể của đề án (như mục 2 đã hướng dẫn).	Ghi cụ thể từng sản phẩm của đề án thành phần với các chỉ số đo tương ứng cần đạt, ví dụ đội ngũ cán bộ giảng dạy đạt chuẩn quốc tế cần bổ sung(là hiệu số giữa sản phẩm cần đạt khi kết thúc giai đoạn 1 đề án thành phần và các sản phẩm đạt chuẩn hiện đã có) .	Nêu cụ thể từng nội dung cần thực hiện để đạt được mục tiêu và sản phẩm của phần này, ví dụ như: quy hoạch và đào tạo cán bộ; xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh, các nhóm nghiên cứu quốc tế để nâng cao năng lực chuyên môn; triển khai các khóa đào tạo dài hạn, ngắn hạn; cử cán bộ trao đổi, học tập, bồi dưỡng ở trong và ngoài nước về chuyên môn, ngoại ngữ và quản lý; các hình thức mời giảng viên nước ngoài và trợ giảng cho giảng viên nước ngoài;	Nêu rõ các nguồn lực cần có để triển khai từng nội dung, từng hoạt động để đạt từng sản phẩm.	Dự toán rõ kinh phí cần có để thực hiện từng nội dung, từng hoạt động đã nêu; khả năng huy động các nguồn kinh phí để thực hiện.	Nêu rõ lộ trình thực hiện từng khâu, từng hoạt động và thời hạn dự kiến (bắt đầu/hoàn thành) để đạt sản phẩm.
	Tổng					

4. Kế hoạch hoạt động và kinh phí

4.1. Kế hoạch hoạt động

- Thuyết minh ngắn gọn tổng quát kế hoạch triển khai các hoạt động
- Sơ đồ GANTT (cho toàn đề án thành phần);

Lưu ý cột “các hoạt động” được sắp xếp theo thứ tự các hoạt động chính tương ứng mục tiêu và sản phẩm (như ở mục 2), trong đó từng hoạt động chính lại có những hoạt động cụ thể. Các hoạt động này cũng phải được đảm bảo tính nhất quán tên gọi, logic trật tự giữa các bảng và thống nhất trong các đề án thành phần (bảng 4.1).

Bảng 4.1. Kế hoạch, lộ trình các hoạt động theo thời gian

Các hoạt động	Lộ trình theo thời gian			
Hoạt động 1.1.1				
Hoạt động 1.1.2				
Hoạt động 1.1.3				
...				

4.2. Kinh phí hoạt động

Bảng kinh phí theo hoạt động (bảng 4.2): tính đúng, đủ các hạng mục chi và định mức chi và đảm bảo tính thống nhất giữa các đề án thành phần. Cần lưu ý đặc thù của từng hoạt động: tăng kinh phí cho các nhóm hoạt động 1 (đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực), 2 (hoạt động khoa học và công nghệ),.... Các nhóm hoạt động như 3, 4, 5 (quản trị đại học; cơ sở dữ liệu; cơ sở vật chất, trang thiết bị) đầu tư ban đầu, sau đó giảm dần và có một số hoạt động chỉ đầu tư một lần, sau đó có thể chỉ là đầu tư duy trì, bảo dưỡng (như đầu tư phòng học, phòng thí nghiệm; tin học hóa,...). Cần có phụ lục về định mức hoạt động và số lượng.

Bảng 4.2. Dự toán kinh phí cho các hoạt động

Mã số hoạt động	Tổng kinh phí (1000 đồng)	Phân theo năm và theo nguồn												
		Năm thứ nhất					Năm thứ hai					...		
		Nhiệm vụ chiến lược	KP thường xuyên	Khoa học và công nghệ	Người học	Nguồn khác	Nhiệm vụ chiến lược	KP thường xuyên	Khoa học và công nghệ	Người học	Nguồn khác			
HĐ 1.1.1														
HĐ 1.1.2														
HĐ 1.1.3														
..														
Tổng														

5. Kế hoạch thực hiện và quản lý đề án thành phần

5.1. Kế hoạch thực hiện

- Tóm tắt giai đoạn 1 (trước điều chỉnh): chuẩn bị và triển khai đề án thành phần đến nay (chấp nhận theo hiện trạng);

- Giai đoạn 2 (sau điều chỉnh) sẽ triển khai như đề án thành phần được duyệt (điều chỉnh). Chỉ rõ căn cứ vào các sản phẩm/hoạt động được điều chỉnh theo lộ trình từng năm của đề án thành phần, hàng năm Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội giao kinh phí bằng hợp đồng cụ thể với từng đơn vị (tương tự như Bộ Giáo dục và Đào tạo đang làm cho đề án tiên tiến).

5.2. Quản lý đề án thành phần

5.2.1. Mô hình quản lý đề án thành phần

- Ban chỉ đạo (trách nhiệm, quyền hạn và thành phần) ;

- Ban điều hành (trách nhiệm, quyền hạn và thành phần);

- Giám đốc đề án thành phần và các điều phối viên (trách nhiệm, quyền hạn, phối hợp,...).

5.2.2. Vẽ sơ đồ cấu trúc hệ thống mô hình quản lý đề án thành phần (từ Đại học Quốc gia Hà Nội đến đơn vị).

Lưu ý: cần đảm bảo tính thống nhất về mô hình quản lý trong tất cả các đề án thành phần. Bám sát vào quy định ở chương II của Quy định này và các Kết luận của Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy, Ban Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về nội dung này.

5.3. Theo dõi, kiểm tra đánh giá tiến độ và chất lượng

- Cách thức và mô hình kiểm tra giám sát (trách nhiệm của các bên liên quan)

- Báo cáo hàng năm (Phụ lục 4);

- Đánh giá giữa kỳ (Phụ lục 4);

- Đánh giá cuối kỳ

6. Hiệu quả và tính bền vững của đề án thành phần

6.1. Hiệu quả và lợi ích của đề án thành phần

6.1.1. Hiệu quả trong

- Hiệu quả đầu tư (trọng tâm, trọng điểm... đầu tư theo hướng “vun cao”), nhờ đó hiệu suất đầu tư các nguồn lực sẽ cao; khả năng đạt chuẩn quốc tế sau khi đề án thành phần kết thúc;

- Hiệu quả “lan tỏa”, tức là tác động “kích hoạt” đến các ngành, chuyên ngành trong toàn đơn vị và Đại học Quốc gia Hà Nội (cả trực tiếp và gián tiếp);

- Hiệu quả liên thông, liên kết (trong và ngoài Đại học Quốc gia Hà Nội).

6.1.2. Hiệu quả ngoài

- Cung cấp số lượng cử nhân/kỹ sư, thạc sĩ, tiến sĩ chất lượng quốc tế cho xã hội;

- Tiết kiệm được ngoại tệ chuyển ra nước ngoài và trong tương lai có thể thu được ngoại tệ từ người học nước ngoài (thu hút người học có nhu cầu chất lượng cao trong và ngoài nước);

- Tác động “lan tỏa” trong toàn ngành giáo dục và đào tạo và tăng hình ảnh uy tín cho quốc gia;

- Nâng cao uy tín, thương hiệu, xếp hạng trong hệ thống các trường đại học.

6.1.3. Các lợi ích đề án thành phần mang lại.

6.2. Rủi ro của đề án thành phần và phương hướng quản lý, khắc phục rủi ro

Bảng 6.2. Những rủi ro, tác động (có thể) và quản lý, khắc phục

Rủi ro	Tác động có thể	Quản lý/khắc phục rủi ro

6.3. Tính bền vững của đề án thành phần

- Mô tả vấn đề về khả năng duy trì và phát huy, phát triển các kết quả của đề án thành phần sau khi kết thúc thời gian thực hiện giai đoạn I;

- Phương án duy trì, khai thác và phát triển “trình độ quốc tế”;

- Bám sát vào phân tích các nhóm sản phẩm của đề án thành phần đạt được thì ngành, chuyên ngành đó sẽ “tự” duy trì và phát triển được theo các chuẩn mực đẳng cấp quốc tế.

7. Kết luận và kiến nghị đầu tư

7.1. Tóm lược về tầm quan trọng và sự cần thiết điều chỉnh đề án thành phần.

7.2. Đề nghị phê duyệt điều chỉnh để tiếp tục triển khai thực hiện.

8. Tài liệu tham khảo

Lập danh mục tài liệu tham khảo để viết đề án thành phần theo chuẩn của Tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội,

Đối với chương trình đào tạo còn có danh mục đề cương chi tiết, danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo.

9. Phụ lục

Các phụ lục cần có sự sắp xếp thống nhất về: nội dung (trong đó có chương trình gốc của trường đại học đối tác). Thứ tự, tên gọi, dẫn chiếu, nội dung của phần thuyết minh phù hợp với các phần tương ứng của các phụ lục và tài liệu tham khảo.

PHỤ LỤC 4
Mẫu báo cáo kết quả triển khai Nhiệm vụ chiến lược theo sản phẩm đầu ra của các đề án thành phần

TT	Nội dung	Chỉ số ban đầu (theo đề án)	Chỉ số hiện tại	Chỉ số được tăng thêm trong thời gian thực hiện đề án thành phần	Chỉ số cần đạt	Đánh giá
I.	TRIỂN KHAI THỰC HIỆN THEO KẾ HOẠCH					
1	Khung logic (công việc và nội dung theo kế hoạch đến thời điểm báo cáo)					
2	Sơ đồ Grantt (tiến độ thực hiện)					
II	KẾT QUẢ VỀ ĐÀO TẠO/BỔ SUNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ GIẢNG DẠY, NGHIÊN CỨU					
1	Tổng số giảng viên					
2	Số giáo sư, phó giáo sư					
3	Số giảng viên giảng dạy chuyên môn bằng tiếng Anh					
4	Số giảng viên nước ngoài đến giảng dạy					
5	Số tín chỉ do giảng viên nước ngoài giảng dạy					
6	Giảng viên được cử đi đào tạo, bồi dưỡng (chuyên môn/ngoại ngữ/phương pháp giảng dạy) trong hoặc ngoài nước					
	- Dưới 1 tháng					
	- Dưới 3 tháng					

TT	Nội dung	Chỉ số ban đầu (theo đề án)	Chỉ số hiện tại	Chỉ số được tăng thêm trong thời gian thực hiện đề án thành phần	Chỉ số cần đạt	Đánh giá
	- Từ 3 đến 6 tháng					
	- Trên 6 tháng					
8	Số giảng viên tham gia trợ giảng cho giảng viên nước ngoài giảng dạy chuyên môn					
9	Số cán bộ quản lý được bồi dưỡng chuyên môn/nghiệp vụ quản lý và ngoại ngữ trong và ngoài nước					
a)	Trong nước:					
b)	Ngoài nước:					
III	CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO					
1	Số lượng chương trình mới được xây dựng và phê duyệt					
2	Số lượng đề cương môn học trong các chương trình đào tạo đã được điều chỉnh, bổ sung cập nhật trong thời gian thực hiện đề án					
3	Số lượng môn học được giảng dạy bằng tiếng Anh trong chương trình					

TT	Nội dung	Chỉ số ban đầu (theo đề án)	Chỉ số hiện tại	Chỉ số được tăng thêm trong thời gian thực hiện đề án thành phần	Chỉ số cần đạt	Đánh giá
4	Số lượng chương trình được chuyển đổi hoặc cùng thực hiện song song (nếu có) từ các chương trình 165, 911, dự án TRIG , VEF, Fulbright và các chương trình khác					
5	Số giáo trình được đơn vị biên soạn mới (tiếng Việt và tiếng nước ngoài)					
6	Số sách chuyên khảo được biên soạn mới (tiếng Việt và tiếng Anh)					
IV	HỆ THỐNG TỔ CHỨC, CƠ CHẾ, PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ ĐẠI HỌC					
1	Mức độ áp dụng cách tiếp cận quản trị theo sản phẩm đầu ra					
2	Mức độ áp dụng quản trị nguồn nhân lực tiên tiến					
3	Số lượng môn học được giảng dạy bằng phương pháp tiên tiến					
4	Danh mục các quy trình quản trị đại học đã được thực hiện theo chuẩn ISO					
5	Số lượng và danh mục các quy trình/công tác quản lý được tin học hóa					

TT	Nội dung	Chỉ số ban đầu (theo đề án)	Chỉ số hiện tại	Chỉ số được tăng thêm trong thời gian thực hiện đề án thành phần	Chỉ số cần đạt	Đánh giá
	- Mức độ khai báo thông tin của đơn vị					
	- Số lượng cán bộ, người học đã khai báo đầy đủ, cập nhật thông tin cá nhân theo chuẩn của Đại học Quốc gia Hà Nội					
6	Hệ thống tổ chức đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao tri thức và phục vụ được thành lập mới,/ được nâng cấp đạt chuẩn của trường đại học đối tác					
7	Mức độ đồng thuận, quyết tâm thực hiện Nhiệm vụ chiến lược và Quy định này					
V	CƠ SỞ DỮ LIỆU (được chuẩn hóa theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội)					
1	Số lượng dữ liệu các văn bản quản lý					
2	Số lượng các cơ sở dữ liệu về thông tin, báo cáo, các sản phẩm đào tạo, nghiên cứu khoa học, học tác quốc tế, công tác học sinh sinh viên, 3 công khai, và các dữ liệu khác,...					
3	Tài nguyên số công bố và xuất bản trên cổng thông tin của Đại học Quốc gia Hà Nội và đơn vị theo chuẩn của Đại học Quốc gia Hà Nội.					
VI	CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, HỌC LIỆU					

TT	Nội dung	Chỉ số ban đầu (theo đề án)	Chỉ số hiện tại	Chỉ số được tăng thêm trong thời gian thực hiện đề án thành phần	Chỉ số cần đạt	Đánh giá
1	Số lượng và diện tích phòng học đạt chuẩn quốc tế					
2	Số lượng và diện tích phòng máy tính quy chuẩn quốc tế					
3	Số lượng và diện tích phòng thực hành đạt chuẩn quốc tế					
4	Số lượng/danh mục các phòng thí nghiệm					
5	Số lượng giáo trình (tiếng Việt/tiếng Anh và các tiếng nước ngoài khác)					
6	Số lượng sách chuyên khảo (tiếng Việt/tiếng Anh và các tiếng nước ngoài khác)					
7	Số đầu sách sách tham khảo, tạp chí, tài liệu, và các học liệu khác					
VII	SẢN PHẨM ĐÀO TẠO					
1	Số sinh viên tốt nghiệp/số sinh viên nhập học					
2	Số thạc sĩ tốt nghiệp/số học viên nhập học					
3	Số tiến sĩ tốt nghiệp/số nghiên cứu sinh nhập học					

TT	Nội dung	Chỉ số ban đầu (theo đề án)	Chỉ số hiện tại	Chỉ số được tăng thêm trong thời gian thực hiện đề án thành phần	Chỉ số cần đạt	Đánh giá
2	Số người học đạt chuẩn tiếng Anh khi tốt nghiệp (theo từng đối tượng thuộc các chương trình khác nhau)					
3	Số người học được đào tạo kỹ năng mềm (được cấp chứng chỉ)					
4	Số sinh viên tốt nghiệp đạt loại khá, giỏi và xuất sắc/tổng số sinh viên tốt nghiệp					
5	Số người học có điểm rèn luyện loại khá trở lên/tổng số sinh viên tốt nghiệp					
6	Số người học trong thời gian học tập được nhận các học bổng/tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước					
7	Số người học được đi thực tập, trao đổi, dự hội nghị ở nước ngoài					
8	Số người học người nước ngoài được đào tạo					
9	Số sinh viên ngay sau khi tốt nghiệp được học bổng tiếp tục học tập ở nước ngoài hoặc có việc làm tại các cơ quan/doanh nghiệp có uy tín trong và ngoài nước					
VIII	NGHIÊN CỨU KHOA HỌC					
1	Số lượng đề tài/dự án (cấp Đại học Quốc gia Hà Nội, cấp Bộ, Nhà nước và các đề tài hợp tác với địa phương/doanh nghiệp)					

TT	Nội dung	Chỉ số ban đầu (theo đề án)	Chỉ số hiện tại	Chỉ số được tăng thêm trong thời gian thực hiện đề án thành phần	Chỉ số cần đạt	Đánh giá
2	Tổng kinh phí hoạt động nghiên cứu khoa học từ tất cả các nguồn					
3	Kinh phí nghiên cứu khoa học trung bình/1 cán bộ cơ hữu của đơn vị					
4	Số lượng nhóm nghiên cứu mạnh (kèm theo danh sách tên nhóm)					
5	Số lượng các công trình khoa học công bố (bài báo trong nước/quốc tế có ISI) (kèm theo minh chứng tên tác giả; tên bài báo; tên tạp chí; số tạp chí; năm xuất bản; số lần được trích dẫn/công trình/năm)					
6	Số sách chuyên khảo được xuất bản liên quan đến Nhiệm vụ chiến lược					
7	Số lượng giải thưởng khoa học các loại (kèm theo danh mục các giải thưởng)					
8	Số phát minh sáng chế, patent, giải pháp hữu ích (có danh mục kèm theo)					
9	Các sản phẩm khoa học và công nghệ (có danh mục kèm theo)					
10	Số sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh tham gia nghiên cứu khoa học					

TT	Nội dung	Chỉ số ban đầu (theo đề án)	Chỉ số hiện tại	Chỉ số được tăng thêm trong thời gian thực hiện đề án thành phần	Chỉ số cần đạt	Đánh giá
11	Số sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh được giải thưởng nghiên cứu khoa học (có danh sách kèm theo)					
IX	HỢP TÁC TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC					
1	Số các đối tác trong và ngoài nước có uy tín đã và đang triển khai hợp tác (kèm theo danh sách)					
2	Số đề tài/dự án và kinh phí thu hút từ nguồn hợp tác trong nước (kèm theo danh sách).					
3	Số đề tài, công trình hợp tác với nước ngoài/số đề tài, công trình hợp tác với trường đại học trong nhóm 500 trường đại học hàng đầu thế giới (kèm theo danh sách).					
4	Tổng số học bổng và tổng kinh phí cho sinh viên/học viên cao học/nghiên cứu sinh của các đối tác trong và ngoài nước					
X	THU HÚT NGUỒN LỰC					
1	Tổng số kinh phí từ học phí					
2	Tổng số kinh phí từ các đề tài, dự án khoa học và công nghệ (kèm theo danh sách)					
3	Số kinh phí từ các dự án TRIG, triển khai song song và các dự án khác (Chương trình 165, 911...) tích hợp vào Nhiệm vụ chiến lược					

TT	Nội dung	Chỉ số ban đầu (theo đề án)	Chỉ số hiện tại	Chỉ số được tăng thêm trong thời gian thực hiện đề án thành phần	Chỉ số cần đạt	Đánh giá
4	Số kinh phí từ các đề tài, dự án hợp tác quốc tế					
5	Số kinh phí từ hợp tác với các địa phương/doanh nghiệp					
6	Số kinh phí từ các nguồn khác (tài trợ, viện trợ và các nguồn hợp pháp khác...)					
XI	KIỂM ĐỊNH ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG					
1	Thứ hạng của trường đại học đối tác (các trường đại học trên thế giới)					
2	Thứ hạng của ngành đào tạo (của trường đại học đối tác)					
3	Kết quả kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo					
4	Đánh giá và thừa nhận của các học giả quốc tế					
5	Đánh giá và thừa nhận của các nhà tuyển dụng trong nước và quốc tế					

